

KINH NHÂN QUẢ TRONG ĐỜI QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Dại Chánh Tân Tu, Bộ Bản Duyên, Kinh số 0189

Nguyên tác Hán ngữ [1] [2] [3] [4]

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên Trúc

Việt dịch: Linh-Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

Quyển 1

Tôi được nghe như vậy:

Một thời Phật cùng chư Tỳ-kheo trú ở vườn Trúc tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Các vị Tỳ-kheo mỗi sáng thường mặc ca-sa, ôm bình bát đi vào thành khát thực, xong về thọ trai rồi mỗi vị lựa tay xếp y, cất bát. Hôm ấy chư vị cùng tụ họp tại giảng đường bàn về nhân duyên trong quá khứ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bằng thiên nhĩ thanh tịnh siêu thế nghe được lời luận bàn của các Tỳ-kheo, liền rời khỏi chỗ ngồi đến giảng đường, ngồi vào giữa đại chúng rồi lên tiếng hỏi các Tỳ-kheo:

-Các ông họp nhau ở đây muốn nói pháp gì?

Khi ấy các Tỳ-kheo liền thưa với Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn, chúng con sau khi ăn xong, rửa tay chân rồi tập họp ở đây, ai cũng muốn nghe nói về nhân duyên quá khứ.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

-Các ông thích nghe những việc nhân duyên trong quá khứ thì nên chăm chú lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ. Nay Ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Các Tỳ-kheo thưa:

-Thưa vâng. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con xin vui thích lắng nghe.

Phật dạy:

-Này các Tỳ-kheo, trong quá khứ vô số a-tăng-kỳ kiếp có vị Tiên nhân tên là Thiện Tuệ chuyên tu phạm hạnh để cầu được Nhất thiết chủng trí, vì muốn thành tựu đại trí này nên vui sống ở trong cõi sinh tử dạo quanh năm đường, hễ thân này mất thì thân khác sinh tử vô lượng, giả sử có người chặt hết cây cỏ trong thiên hạ để tính số thân mà vị Tiên này đã trải qua cũng không hết được. Cứ một lần trời đất trải qua một chu kỳ thành hoại là tính một kiếp, nhưng vị Tiên ấy đã trải qua không biết bao nhiêu kiếp như thế, do vì thương chúng sinh đắm chìm trong ái dục, trôi lăn trong biển khổ nên người phát tâm từ bi muốn cứu vớt tất cả. Người thường nghĩ: “Chúng sinh chìm trong sinh tử không thể tự giải thoát được đều do tham dục, giận dữ và ngu si, chìm đắm trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ta nguyện dứt trừ căn bệnh ấy dù phải sinh vào các đường vẫn không quên tâm niệm này”. Bằng tâm bình đẳng xem oán thân như nhau, vị Tiên

nhân dùng hạnh bố thí cứu kẻ bần cùng, dùng trì giới giáo hóa kẻ phá giới, dùng nhẫn nhục thu phục kẻ hay giận dữ, dùng tinh tấn khích lệ kẻ biếng lười, dùng thiền định giáo hóa kẻ tâm trí tán loạn, dùng trí tuệ khơi mở cho kẻ ngu si... Trong đêm dài sinh tử, Ngài đã làm lợi ích cho chúng sinh như thế, khiến cho tất cả đều quay về nương vào các Đấng Như Lai, cung kính cúng dường, ưa thích nghe pháp và thường nói pháp cho người khác nghe. Đối với chư Tăng thì thường cúng đủ các thứ nhu cầu, đối với Phật pháp thì tôn trọng giữ gìn... Những hạnh như vậy không biết bao nhiêu mà kể.

Lúc bấy giờ có vị vua tên là Đấng Chiếu, thành của vua tên là Đê-bá-bà-đề, nhân dân trong nước ấy thọ tám vạn tuổi, cuộc sống vô cùng an ổn và thịnh vượng, muốn gì cũng toại ý chẳng khác gì chư Thiên. Quốc vương nước ấy dùng chánh pháp để cai trị, không quấy nhiễu, hà khắc người dân, không có những hình phạt như chém giết, đánh đập, luôn xem dân như con một. Khi ấy vua Đấng Chiếu sinh được một Thái tử có hình tướng đoan nghiêm không ai sánh bằng, uy đức đầy đủ với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Ngày Thái tử ra đời bỗng hiện ra ánh sáng rực rỡ khắp nơi át cả ánh mặt trời, mặt trăng và những đèn lửa khác. Nhà vua thấy thế bèn họp quần thần bảo:

-Thái tử lúc mới sinh đã có những điềm lạ như vậy, nên đặt tên cho Thái tử là gì?

Quần thần đáp:

-Nên đặt tên cho Thái tử là Phổ Quang.

Vua còn mời thầy tướng vào đoán tương lai cho Thái tử. Được mời đến hỏi, vị tướng sư đáp:

Thần nay xem Thái tử nếu sau này ở tại gia sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương thống trị bốn châu thiên hạ, còn nếu xuất gia sẽ được trời người cung kính và thành Bậc Nhất Thiết Trí.

Vua cùng phu nhân và các cung tần mỹ nữ nghe thầy tướng nói thế càng sinh lòng yêu kính Thái tử hơn nữa, lại được cả Thiên, Long A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân cung kính cúng dường, ngợi khen.

Khi còn ở chôn hậu cung, Thái tử đã nói các pháp cho phu nhân và các thể nữ nghe. Khi được hai vạn chín ngàn tuổi, Thái tử liền bỏ ngôi Luân vương, xin cha mẹ đi xuất gia, nhưng không được phép. Thái tử xin đến ba lần cũng không được chấp nhận. Thái tử là người giàu lòng từ bi, lại là người con chí hiếu nên thà chịu sự sai trái nhỏ để thành tựu được việc lớn. Ngài liền vào rừng sâu, dưới một cội cây cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, tu hành khổ hạnh trải qua sáu ngàn năm thì chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi vì trời người và tám bộ chúng vận chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp sâu xa mâu nhiệm mà tất cả thế gian, trời, người, ma quỷ đều không thể chuyển được. Phật dùng pháp Tam thừa hóa độ chúng sinh làm cho được lợi ích không sao kể xiết.

Khi vua và phu nhân cùng các cung tần thể nữ biết được Thái tử Phổ Quang đã đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì rất vui mừng. Các quan trong triều, dân chúng và các vị Bà-la-môn nghe tin Thái tử đắc đạo, mỗi người đều tự nghĩ: “Thái tử Phổ Quang đã bỏ ngôi vị vua Chuyển luân, cạo bỏ râu tóc, vận pháp phục, xuất gia tu đạo nay đã thành Bậc Chánh Giác. Chúng ta cũng nên xuất gia”. Suy nghĩ xong, tất cả đều đến chỗ Phật Phổ Quang.

Đức Phổ Quang Như Lai lúc ấy biết căn duyên của họ đã thành thực nên tùy duyên mà thuyết pháp hóa độ khiến cho bốn ngàn người đắc quả A-la-hán. Nhân dân trong nước và của các

nước khác ở bốn phương cũng đến trong hội để nghe pháp, có đến tám vạn người đạt Vô trước pháp nhãn.

Bấy giờ Đức Như Lai Phổ Quang cùng tám vạn bốn ngàn vị La-hán đến các nước để giáo hóa. Vua cha nghe tin rất vui mừng liền ra lệnh cho nhân dân sửa sang đường sá, rưới nước thơm trên đường, lại treo cờ, lọng, báu bằng gấm lụa, tung rải các loại hoa quý dọc hai bên đường rất trang nghiêm suốt mười hai do-tuần, lại cho đánh trống kêu gọi mọi người trong nước không được bán hoa mà nên đem đến cho vua cúng dường Phật, vua cũng ra lệnh cho dân chúng không được cúng dường Phật trước vua, lại cho một vị đại thần cùng các nhạc công tấu nhạc, đốt hương, tán hoa rồi đến thỉnh Phật.

Tiên nhân Thiện Tuệ lúc ấy đang ở trong núi ngủ mơ thấy năm giấc mộng đặc biệt: một là thấy thân nằm trên biển cả, hai là thấy thân nằm gối đầu lên núi Tu-di, ba là thấy chúng sinh trong biển cả chui vào thân, bốn là thấy tay cầm mặt trời, năm là thấy tay nắm mặt trăng. Những giấc mơ ấy làm cho Tiên nhân kinh ngạc tỉnh giấc, trong lòng suy nghĩ: “Giấc mộng hôm nay của ta không phải chuyện bình thường nhưng giờ biết hỏi ai? Ta nên vào kinh thành hỏi những bậc Thức giả”. Nghĩ xong Tiên nhân liền khoác áo da nai, tay cầm bình nước, gậy, dù che đi vào thành. Trên đường đi, ngang qua chỗ ở của năm trăm vị thượng thủ ngoại đạo, Thiện Tuệ nghĩ: “Ta nên đem giấc mộng hỏi những người này, đồng thời xem họ tu hành thế nào”. Nghĩ rồi liền vào cùng những người ngoại đạo ấy giảng luận đạo lý, phá bỏ những ý kiến khác lạ làm cho năm trăm người chịu khuất phục xin làm đệ tử và rất tôn kính Tiên nhân, mỗi người dâng cúng một đồng bạc, lại có năm trăm vị ngoại đạo khác thấy Thiện Tuệ biện tài thông minh nên sinh tâm vui theo. Trong lúc trò chuyện, họ cho hay nay có Đức Như Lai Phổ Quang ra đời. Tiên nhân Thiện Tuệ nghe được lời đó toàn thân giật bắn, lông dựng đứng, lòng vô cùng vui mừng vội chia tay với chúng ngoại đạo. Các vị ngoại đạo hỏi:

-Thầy muốn đi đâu?

Tiên nhân đáp:

-Ta nay muốn đến cúng dường Đức Phật Phổ Quang.

Họ đều nói:

-Nếu Thầy đi, chúng tôi xin đi cùng.

Thiện Tuệ nói:

-Nay ta có duyên sự cần phải đi trước.

Thiện Tuệ mang năm trăm đồng bạc vội lên đường ra đi, các vị ngoại đạo buồn bã, bịn rịn từ giả trở về.

Thiện Tuệ đến nơi thấy người của nhà vua đang sửa sang đường đi, rưới nước thơm trên đất, treo tràng phan bảo cái trang nghiêm, liền hỏi:

-Vì sao phải chuẩn bị trang nghiêm thế này?

Người của nhà vua đáp:

-Có Đức Phật ra đời hiệu là Phổ Quang, nay vua Đấng Chiếu thỉnh Phật vào thành nên chúng tôi phải gấp rút chuẩn bị, quét dọn, trang hoàng đường phố thật trang nghiêm.

Thiện Tuệ lại hỏi:

-Ông biết ở đâu bán hoa đẹp không?

Đáp:

-Vua Đăng Chiêu đã cho đánh trống truyền lệnh các loài hoa quý trong nước không được bán mà phải đem tất cả đến cho nhà vua.

Thiện Tuệ nghe thế trong lòng rất buồn, nhưng ý định mua hoa không bỏ, vất vả đi hỏi khắp nơi tìm chỗ bán hoa, tình cờ gặp được một thể nữ trong cung vì sợ lệnh vua nên dấu kín bày cảnh hoa sen trong bình đi ngang qua. Do lòng chí thành của Thiện Tuệ những cảnh hoa bỗng trỗi lên, vượt ra ngoài bình. Thiện Tuệ từ xa trông thấy liền chạy vội theo kêu lớn:

-Xin chị dừng chân, hoa đó có bán không?

Nàng thể nữ nghe thế rất ngạc nhiên nghĩ: “Ta giấu hoa rất kín, tại sao người này thấy mà hỏi mua?”, nhưng khi nhìn vào bình thấy quả là hoa đã lộ ra ngoài, trong lòng cảm thấy rất lạ, trả lời:

-Thưa anh, hoa sen xanh này tôi đem vào cung để cúng Phật không thể bán được.

Thiện Tuệ nói:

-Cô nương lại cho tôi năm cành hoa với giá năm mươi đồng bạc được không?

Nàng thể nữ trong lòng nghi hoặc, thầm nghĩ: “Hoa này chỉ đáng giá vài đồng thế mà chàng trai này lại đòi mua năm cành với giá đến năm mươi đồng bạc”. Nên liền hỏi:

-Anh dùng hoa này để làm gì?

Thiện Tuệ đáp:

-Nay có Đức Như Lai ra đời, vua Đăng Chiêu thỉnh Phật vào thành nên tôi cần mua hoa này để cúng dường Phật. Chị nên biết các Đức Phật, Như Lai rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm lâu lắm mới nở một lần.

Cô gái lại hỏi:

-Anh cúng dường Như Lai để cầu điều gì?

Thiện Tuệ đáp:

-Tôi cúng dường Phật vì muốn đạt được Nhất thiết chủng trí để độ thoát vô lượng chúng sinh.

Lúc ấy cô gái nghe Thiện Tuệ nói xong liền suy nghĩ: “Chàng trai này dáng mạo trang nghiêm, thanh nhã, mặc áo da nai, có lòng thành kính đến nỗi không tiếc tiền bạc như thế”. Liền nói với Thiện Tuệ:

-Nay tôi xin tặng anh các đóa hoa này và nguyện đời đời được sánh duyên cầm sắc.

Thiện Tuệ đáp:

-Tôi tu Phạm hạnh, cầu đạo giải thoát nên không thể hứa nhận việc nhân duyên sinh tử.

Nàng thể nữ nói:

-Nếu không chấp nhận lời tôi thì anh không có hoa.

Thiện Tuệ nói:

-Nếu cô khẳng khăng không chịu bán hoa thì tôi nhận lời cô, nhưng tôi có lập nguyện luôn bố thí thuận theo ý muốn của người xin, nếu sau này có người đến xin tôi bố thí đầu, mắt, xương, tủy, hoặc vợ con thì cô không được trái với hạnh nguyện của tôi.

Cô gái đáp:

-Thật là tốt lành! Xin tuân theo lời. Nay tôi là phụ nữ yếu ớt không đi nhanh được, nếu anh đến trước, xin mang giùm tôi hai cành hoa này dâng lên cúng Phật, để Phật gia hộ tôi đời đời không quên lời nguyện, dù đời sau anh có đẹp xấu vẫn không rời xa, luôn ghi khắc trong lòng.

Bấy giờ vua Đăng Chiêu cùng các con, quan lại, Bà-la-môn... đem đầy đủ hương thơm hoa đẹp và nhiều thứ khác ra khỏi thành nghinh tiếp Đức Phật Phổ Quang, nhiều người dân trong nước cũng đi theo. Lúc đó năm trăm đệ tử của Tiên nhân Thiện Tuệ cùng bàn với nhau:

-Hôm nay đức vua, các quan và dân chúng đều đến chỗ Phật, thầy chúng ta chắc cũng đi đến đó, vậy chúng ta cũng nên đến đây kính lễ Phật.

Bàn xong họ liền khởi hành, đi được một đoạn không xa thì gặp Tiên nhân Thiện Tuệ. Thầy trò gặp nhau vui mừng vô cùng, liền cùng nhau đến nơi Đức Phật Phổ Quang.

Đến nơi họ thấy vua Đăng Chiêu đã đến, đang lễ bái và dâng cúng dường Phật đầu tiên, tiếp đến là những đại thần cũng đến lễ và dâng cúng dường Phật. Những hoa quý mà vua Đăng Chiêu và các quan dâng cúng khi rải lên đều rơi xuống đất cả. Lúc ấy Thiện Tuệ và năm trăm đệ tử thấy mọi người cúng dường Phật xong, chàng chăm chú chiêm ngưỡng dung nhan và những tướng tốt của Như Lai, lại càng muốn cứu vớt tất cả nỗi khổ của chúng sinh và cũng mong thành tựu đầy đủ trọn vẹn Nhất thiết chủng trí. Do ước nguyện đó nên khi năm cành hoa Thiện Tuệ rải ra liền trụ lại ở không trung và biến thành một đài hoa, hai cành sen rải sau cũng trụ lại ở không trung và châu ở hai bên Đức Phật. Bấy giờ vua và quan, dân cũng như Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-tát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân... thấy điều kỳ lạ ấy đều ngợi khen cho là điều chưa từng có. Lúc ấy Đức Phổ Quang Như Lai dùng trí tuệ vô ngại khen ngợi Thiện Tuệ:

-Quý hóa thay! Nay thiện nam tử, ông tu theo hạnh này trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sau này sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Khi Tiên nhân Thiện Tuệ được Phật thọ ký, có vô lượng Thiên, Long, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân... rải các loài hoa quý đầy trong bầu trời rồi phát lời thệ nguyện: “Trong tương lai, khi Thiện Tuệ thành Phật, chúng tôi đều nguyện làm quyến thuộc của người”. Lúc đó Đức Phổ Quang Như Lai liền thọ ký cho họ đều sẽ được sinh ở quốc độ kia.

Sau khi Như Lai thọ ký xong, thấy Thiện Tuệ để tóc của một Tiên nhân, thân mặc áo da nai, Ngài muốn làm cho Thiện Tuệ bỏ các y phục ấy liền biến vùng đất thành một vũng bùn. Thiện Tuệ thấy Phật muốn đi ngang vũng đất bùn dơ lấm, vội suy nghĩ: “Ta sao lại để cho bàn chân có hàng ngàn đường vân bánh xe của Như Lai phải bước đi trên vũng sinh này?” Nghĩ thế nên chàng liền cởi chiếc áo da nai trải lên vũng lầy, nhưng không phủ kín được hết, Tiên nhân liền xóa tóc phủ kín chỗ đất bùn còn lại, Đức Như Lai liền bước lên trên ấy đi qua, nhân đó lại thọ ký:

-Ông sau này sẽ thành Phật trong cõi ngũ trược ác thế nhưng việc hóa độ trời người không vì thế mà khó khăn, chắc chắn sẽ được như Ta vậy.

Khi ấy Thiện Tuệ nghe Phật thọ ký như thế rất vui vẻ phấn chấn, mừng vui vô hạn, lập tức liễu ngộ pháp Không, thành bậc Vô sinh nhẫn, thân vọt lên cao hơn bảy lần cây Đa-la, nói kệ ngợi khen Đức Phật:

Nhờ có bậc đạo sư

Khiến con được tuệ nhẫn

Dạy con pháp thanh tịnh

Xa lìa mọi chấp trước

Gặp đáng Thiên nhân Tôn

Nên chứng vô sinh nhẫn

Nguyện sau này thành đạo

Được như Đáng Lương Túc

Thiện Tuệ nói kệ ngợi ca Đức Phật xong, từ không trung hạ xuống đến trước Phật năm vóc cúi sát đất cung kính đảnh lễ và thưa:

-Kính xin Đức Thế Tôn thương xót chấp thuận cho con được xuất gia.

Lúc ấy Đức Phổ Quang Như Lai bảo:

-Quý hóa thay! Lành thay Tỳ-kheo!

Râu tóc của Thiện Tuệ tự rụng, cà-sa mặc lên thân mà thành Sa-môn. Lúc ấy có hai ông lão nghèo, mỗi người này đều có một trăm người thân đi theo dự hội. Hai ông lão thấy Phật tướng tốt, oai đức nghiêm trang, tự thấy khổ tâm vì quá nghèo không có gì để cúng dường Phật. Đức Phật từ bi biết được tâm lòng chí thành của họ nên biến vùng đất phía trước trở nên đầy cỏ rác dơ bẩn. Hai ông lão nhìn thấy rất vui mừng phát tâm dọn quét, tưới nước sạch sẽ. Đức Như Lai Phổ Quang liền thọ ký cho họ:

-Trong vô lượng kiếp về sau, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất hiện tại thế gian, hai vị sẽ là bậc Thanh văn đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật ấy”.

Phật thọ ký cho hai ông lão nghèo xong liền cùng với tám vạn bốn ngàn Tỳ-kheo và vua Đấng Chiếu cùng tất cả dân chúng đi vào thành Đề-bà-bà-đề. Vào thành xong vua Đấng Chiếu cùng quyến thuộc phụng sự cúng dường Phật và tám vạn bốn ngàn vị Tỳ-kheo đủ các nhu cầu cần thiết.

Đến năm bốn vạn tuổi, nhà vua nhường ngôi cho con rồi cùng quyến thuộc của vua và phu nhân gồm tám vạn bốn ngàn người cùng đến xin Phật xuất gia tu đạo và đều đạt được các Tam-muội, Đà-la-ni.

Tỳ-kheo Thiện Tuệ cũng đi theo Phật nhận sự cúng dường của nhà vua cho đến bốn vạn năm đối với các pháp đều đạt được Tam-muội sâu xa, hóa độ vô số chúng sinh. Một hôm Thiện Tuệ thưa với Đức Phật:

-Bạch Thế Tôn, trước đây, khi con còn tu trong núi đã thấy năm giấc mộng, xin Đức Thế Tôn giải thích cho con hiểu.

Tỳ-kheo Thiện Tuệ liền kể rõ năm giấc mộng. Phật dạy:

-Lành thay! Nếu ông muốn hiểu ý nghĩa của các điềm mộng đó, ta sẽ nói rõ cho ông. Thấy nằm trong biển cả tức là ông sẽ ở trong biển lớn sinh tử. Thấy nằm gối lên núi Tu-di là điềm báo rằng ông sẽ ở trong sinh tử đạt Niết-bàn. Thấy chúng sinh trong biển lớn chui hết vào thân ông tức là nhờ ông mà chúng sinh trong bể sinh tử sẽ được quy y đạo pháp. Thấy tay cầm mặt trời tức là ông sẽ đạt trí tuệ, hào quang chiếu khắp thế giới. Còn thấy tay cầm mặt trăng tức là ông sẽ đi vào cõi sinh tử dùng các pháp phương tiện mát dịu hóa độ chúng sinh, khiến chúng sinh thoát khỏi khổ não. Các giấc mộng ấy đều báo trước tương lai ông sẽ thành Phật.

Tỳ-kheo Thiện Tuệ nghe Phật dạy xong, lòng vui thích vô cùng liền cung kính đánh lễ Phật rồi lui ra. Sau đó một thời gian ngắn, Đức Phổ Quang Như Lai nhập Niết-bàn, Tỳ-kheo Thiện Tuệ giữ gìn chánh pháp trong suốt hai vạn năm, dùng giáo lý tam thừa hóa độ, đem lại lợi ích cho chúng sinh nhiều không kể xiết. Sau khi mạng chung, Tỳ-kheo Thiện Tuệ sinh lên cõi trời làm một trong bốn vị Thiên vương, cũng dùng pháp tam thừa hóa độ Thiên chúng. Hết thọ mạng ở cõi trời thì sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương trị bốn châu thiên hạ, có đủ bảy thứ báu: một là bánh xe báu bằng vàng, hai là voi trắng, ba là ngựa báu lông xanh, bốn là viên minh châu báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là vị thần cai quản các kho báu ở thế gian, bảy là vị thần tướng thống lãnh thần binh. Vua có một ngàn người con đều rất mạnh mẽ oai hùng, có thể hàng phục mọi đoàn quân thù địch. Vua cai trị bằng chánh pháp, khiến nhân dân không ai phải lo buồn, thường đem mười điều thiện giáo hóa nhân dân. Sau khi vua qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm vị Thiên chủ nơi này. Khi hết thọ mạng trở lại làm Chuyển luân thánh vương, sau đó lại sinh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy. Cứ thế, có lúc sinh lên trời làm Thiên vương, khi lại sinh ở thế gian làm vua Thánh, trải qua ba mươi sáu lần như thế, rồi có lúc làm tiên, có lúc làm ngoại đạo lục sư, có lúc sinh vào dòng Bà-la-môn, có lúc làm vị vua nước nhỏ, cứ thế luân chuyển không thể kể xiết.

Khi đầy đủ công hạnh đạt quả vị Thập địa, là Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, gần đắc Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát Thiện Tuệ sinh sang cung trời Đâu-suất, có tên là Thánh Thiện Bạch. Bồ-tát giảng nói chánh pháp hóa độ các vị Thiên chủ và chư Thiên khiến họ biết được hạnh nguyện của vị Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ. Bồ-tát cũng hiện vô số thân ở các quốc độ mười phương tùy duyên thuyết pháp độ sinh. Đến khi sắp hạ sinh để tu tập thành tựu Phật quả, Bồ-tát đã xem xét năm điều: một là xem chúng sinh căn tánh đã thành thực chưa, hai là đã đến lúc giảng sinh chưa, ba là xem quốc thổ nào phù hợp, bốn là xem các dòng họ nào cao quý, năm là xem nhân duyên trong quá khứ ai thật xứng đáng là cha mẹ mình. Xem xét năm điều ấy rồi, Bồ-tát suy nghĩ: “Những chúng sinh hôm nay chính là những chúng sinh mà khi Ta mới phát tâm đã nguyện độ, nay căn tánh họ đã thành thực có thể thấu hiểu và tu theo pháp vi diệu thanh tịnh. Trong Tam thiên đại thiên thế giới chỉ có vương thành Ca-tỳ-la ở cõi Diêm-phù-đề là trung tâm, trong các dòng họ thì họ Thích-ca là dòng họ đứng đầu trong dòng dõi của Thánh vương Cam Giá ngày xưa”. Lại xét các đời quá khứ của vua Bạch Tịnh và phu nhân đều rất đoan chính, thật xứng đáng làm cha mẹ của Ngài. Bồ-tát lại xem xét về thọ mạng dài hay ngắn của Ma-da phu nhân thì thấy phu nhân mang thai Thái tử đủ mười tháng, sau khi sinh Thái tử, bảy ngày sau qua đời. Bồ-tát lại nghĩ: “Nếu Ta giảng sinh ngay bây giờ thì chư Thiên sẽ không được nhiều lợi ích”, nên liền hiện năm tướng để chư Thiên biết đã đến lúc Bồ-tát sắp hạ sinh tu hành thành Phật: một là mắt Bồ-tát máy động, hai là hoa trên đầu héo đi, ba là áo dính bụi, bốn là dưới nách mồ hôi xuất ra, năm là vui thích rời tòa của mình. Bây giờ, chư Thiên thấy Bồ-tát hiện ra những tướng lạ nên lòng rất kính sợ, các lỗ chân lông trên người xuất huyết như mưa cùng nói với nhau chắc không bao lâu nữa Bồ-tát sẽ xa chúng ta. Bồ-tát lại hiện ra năm điềm lành: một là phóng hào quang lớn chiếu khắp

Tam thiên đại thiên thể giới; hai là địa cầu hiện ra mười tám tướng chấn động, núi Tu-di, nước biển, các cung điện của chư Thiên đều rung động; ba là cung điện, nhà cửa của chúng Ma vương đều biến mất; bốn là mặt trời, mặt trăng cùng các vì sao không sáng được; năm là tám bộ chúng trời, rồng... thân thể đều rung động không tự kiềm chế được.

Lúc ấy chư Thiên ở cung Đâu-suất thấy Bồ-tát hiện năm tướng lạ, rồi nhìn ra bên ngoài lại thấy năm điều lành hy hữu nên cùng nhau đến trước Bồ-tát đánh lễ, thưa:

-Thưa Tôn giả, hôm nay chúng tôi thấy những điều lạ, thân thể rung động không tự chủ được, xin Bồ-tát giảng giải cho biết điều gì đã xảy ra.

Bồ-tát đáp:

-Này các thiện nam tử, mọi vật ở đời đều vô thường. Ta không bao lâu nữa sẽ rời khỏi cung trời giáng sinh ở cõi Diêm-phù-đề.

Chư Thiên nghe thế buồn bã khóc lóc, lòng rất lo phiền, toàn thân ửng đỏ như hoa Ba-la-xà. Có vị không còn ưa thích chỗ ngồi của mình nữa, có vị bỏ hết tất cả đồ trang sức, có người lão đảo ngã ra đất mê man, có người than thở cho nỗi khổ vô thường. Lúc đó có một Thiên tử nói kệ:

Bồ-tát ở nơi đây

Cho chúng tôi pháp nhĩn.

Nay sắp đi xa rồi

Chúng tôi như mù mắt

Cũng như muốn qua sông

Bỗng dựng mắt cầu thuyền

Chẳng khác nào trẻ thơ

Bỗng mắt đi mẹ hiền

Chúng tôi cũng như vậy

Không còn nơi tựa nương

Trôi dạt theo sinh tử

Mãi không được xuất ly

Chúng tôi trong đêm tối

Chìm đắm trong ngu si

Mắt Bạc Đại Y Sư

Chúng tôi, ai sẽ cứu

Nằm trên giường vô minh

Mãi trầm trong biển ái

Hết nghe được giáo ngôn

Biết bao giờ giải thoát.

Bồ-tát thấy chư Thiên buồn thảm ảo não, lại nghe bài kệ bày tỏ lòng lưu luyến như thế, nên dùng giọng Từ bi vỗ về chư Thiên:

-Này các thiện nam, con người có sinh phải có chết; yêu thương, hội họp phải có ngày xa cách. Từ cõi trời sắc cứu cánh đến địa ngục Vô gián, tất cả chúng sinh đều bị lửa vô thường thiêu đốt, do vậy các vị không nên chỉ vì Ta mà sinh quyến luyến thăm sầu. Nay Ta và các vị chưa thoát khỏi lò lửa sinh tử, mọi người dù giàu nghèo, sang hèn cũng đều không thoát khỏi điều đó.

Bồ-tát liền nói kệ:

Các hành vô thường

Là pháp sinh diệt

Hết sinh diệt rồi

Tịch diệt là vui.

Bồ-tát bảo với chư Thiên:

-Bài kệ này chính là lời của tất cả chư Phật trong quá khứ đã nói. Tánh tướng của các hành đều như vậy, các vị chớ có buồn rầu. Ta đã ở trong cõi sinh tử vô lượng kiếp đến nay, chỉ còn một lần sinh tử nữa, không lâu Ta sẽ thoát khỏi các hành. Các vị nên biết nay là lúc phải độ thoát cho chúng sinh nên Ta xuống nước Ca-tỳ-la nơi cõi Diêm-phù-đề, sinh vào dòng họ Cam Giá thuộc họ Thích-ca của vua Bạch Tịnh, sau đó lìa xa cha mẹ, vợ con, bỏ ngôi Chuyển luân vương xuất gia học đạo, siêng năng tu tập khổ hạnh, hàng phục ma quân, đạt Nhất thiết chủng trí, giảng nói diệu pháp mà tất cả thế gian trời người, chư ma cũng không thể giảng nói được. Lại theo cách thức chư Phật quá khứ đã làm để đem lại lợi ích cho tất cả trời, người, dựng lên ngọn cờ chánh pháp, bẻ gãy cờ ma đạo, làm khô cạn biển phiền não, đưa chúng sinh đi vào tám đường chánh, dùng các pháp ấy khai ngộ cho họ, lập đại pháp hội mời chư Thiên nhân đến, lúc ấy các vị cũng sẽ có mặt trong pháp hội ấy, được ăn cơm pháp. Do nhân duyên ấy các vị không nên buồn rầu nữa.

Bồ-tát lại nói kệ:

Trong thời gian ngắn nữa

Ta xuống cõi Diêm-phù

Tại thành Ca-tỳ-la

Nơi cung vua Bạch Tịnh

Xa song đường thân quyến

Bỏ ngôi vị Luân vương

Xuất gia tìm học đạo

Đạt Nhất thiết chủng trí

Cờ chánh pháp dựng cao

Biển phiền não sẽ cạn

Đóng kín cửa ác đạo

Mở rộng tám đường chánh

*Lợi ích cả trời người
Nhiều không sao kể xiết
Vì những nhân duyên ấy
Các vị chớ sầu khổ.*

Khuyên nhủ xong, Bồ-tát từ các lỗ chân lông phóng ra luồng hào quang rực rỡ. Chư Thiên vừa nghe lời kệ lại thấy hào quang nên hết sức vui mừng, tiêu tan mọi buồn khổ. Mọi người đều nghĩ không lâu Bồ-tát sẽ thành Bạc Chánh Giác.

Bấy giờ Bồ-tát thấy thời điểm giáng trần đã đến, liền cưỡi voi trắng sáu ngà rời cung Đâu-suất, có vô lượng chư Thiên tấu các loại nhạc, thắp các loại hương quý, rải các thứ hoa đi theo Bồ-tát tràn đầy hư không, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương. Đúng ngày tám tháng tư, khi sao mai vừa mọc, Bồ-tát liền giáng thần nơi thai mẹ.

Lúc ấy Ma-da phu nhân trong giấc điệp, mộng thấy Bồ-tát cưỡi voi trắng sáu ngà từ không trung đến nhập vào hông bên phải, thân hiện ra như ngọc lưu ly, thân thể phu nhân an ổn khoan khoái như uống nước cam lộ, nhìn lại thân mình thấy sáng rực rỡ như có mặt trời mặt trăng chiếu rọi, trong lòng vô cùng vui mừng. Thấy điềm mộng xong phu nhân giật mình tỉnh giấc cho là giấc mộng hiểm có, liền đến cung vua Bạch Tịnh thưa với nhà vua:

-Thiếp vừa nằm mộng thấy một giấc mơ thật lạ lùng.

Vua nói:

-Ta cũng mơ thấy có một luồng ánh sáng lớn, lại thấy phu nhân dung mạo khác hẳn ngày thường. Phu nhân hãy nói về giấc mộng của mình xem sao.

Phu nhân dùng lời kệ nói về giấc mộng của mình cho vua nghe:

*Thấy người cưỡi voi trắng
Trong sáng như trời trăng
Đế Thích và Phạm thiên
Đều cảm những cờ báu
Thắp hương rải hoa trời
Lại tấu các Thiên nhạc
Đầy rẫy khắp không trung
Quây quần mà giáng trần
Đi vào hông phải thiếp
Giống như ngọc lưu ly
Nay trình với đại vương
Điềm gì xin bày tỏ.*

Nghe phu nhân kể về các điềm tướng tốt đẹp trong giấc mộng, vua Bạch Tịnh vui vẻ vô cùng, liền truyền sai người mời một vị Bà-la-môn giỏi thuật tướng số đến cúng dường hương

hoa, trai thực. Sau khi cúng dường xong, vua và phu nhân thuật lại các điềm lành đã thấy trong giấc mộng của hoàng hậu. Vua nói với vị Bà-la-môn:

-Xin ngài giải thích xem giấc mộng đó có gì lạ thường?

Vị Bà-la-môn nghe qua giấc mộng liền thưa:

-Hoàng hậu đang mang thai một Thái tử có các tướng tốt không thể nói hết. Nay chỉ nói sơ lược cho Đại vương rõ. Đại vương nên biết vị Thái tử mà phu nhân đang mang thai trong bụng kia chắc chắn sẽ làm về vang cho dòng họ Thích của ngài. Khi nhập thai có ánh sáng rực rỡ; lại có Đế Thích, Phạm thiên quay quần-đưa tiễn, đó là điềm lành của Bạc Chánh Giác. Nếu không xuất gia, Thái tử sẽ là một vị Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, bảy thứ báu tự đến, có đủ một ngàn người con.

Vua nghe lời đoán của thầy tướng tự cảm thấy mình thật là may mắn, hạnh phúc vui vẻ cùng cực, liền dùng vàng bạc, châu báu, voi ngựa, xe cộ cúng dường và ban một thôn ấp cho vị thầy tướng Bà-la-môn. Ma-da phu nhân cũng ban cho vị ấy các thể nữ và đồ châu báu của mình.

Từ khi Bồ-tát giáng thai, Ma-da phu nhân thường ngày tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Bà chỉ dùng những món ăn, nước uống của chư Thiên đem đến nên không còn ưa thích vị ngon của các món ăn uống ở thế gian. Bảy giờ Tam thiên đại thiên thế giới đều sáng rực luôn. Những nơi mặt trời, mặt trăng chưa rọi tới thì lúc đó cũng rực sáng khiến chúng sinh trong những cõi tối tăm bỗng được nhìn thấy nhau, họ bàn luận: “Sao ở đây bỗng nhiên lại có chúng sinh?”. Cũng vào lúc ấy khắp Tam thiên đại thiên thế giới rung chuyển theo mười tám cách, gió mát lành và hương thơm thổi đến từ bốn hướng, người bệnh tật được lành, kẻ nhiều tham, sân, si cũng đều dừng bớt.

Bảy giờ ở cung trời Đâu-suất có vị Thiên tử suy nghĩ: “Nay Bồ-tát giáng sinh vào cung vua Bạch Tịnh, vậy ta cũng hạ sinh nhân gian để khi Bồ-tát thành Phật ta sẽ là người đầu tiên làm quyến thuộc của người, cúng dường và nghe Phật thuyết pháp”. Nghĩ rồi vị Thiên tử ấy liền hạ sinh vào gia tộc Minh Nguyệt ở thành Vương xá. Có nhiều vị Thiên tử cũng phát nguyện hạ sinh và các tầng lớp từ Chiên-đà-la đến hàng vương gia vọng tộc. Có vị Thiên tử sinh vào nhà vương tộc ở nước Xá-vệ, có vị sinh vào nhà vương tộc ở nước Thâu-la-quyết-xoa, có vị sinh vào nhà vương tộc ở nước Độc tử, có vị sinh ở nhà vương tộc nước Bạt-la, có vị sinh vào gia đình vương tước ở nước Lola, có vị sinh vào nhà vương tước ở nước Xoa-thi-la, hoặc có vị sinh vào nhà vương tộc ở nước Câu-la-bà, có vị Thiên tử sinh ở gia đình Bà-la-môn, có những vị sinh vào nhà các tầng lớp Trưởng giả, Cư sĩ, Tỳ-xá, Thủ-đà-la; lại có năm trăm vị Thiên tử sinh vào dòng họ Thích. Tổng cộng có chín mươi chín ức vị Thiên tử sinh xuống nhân gian. Lại có chư Thiên ở cõi trời Tha hóa tự tại cho đến cõi Tứ Thiên vương cũng sinh xuống trần gian, số lượng không sao kể xiết. Các vị Thiên vương ở cõi sắc giới và quyến thuộc cũng sinh xuống nhân gian làm Tiên nhân.

Ngày khi còn trong thai, Bồ-tát vẫn đi đứng nằm ngồi không chướng ngại và cũng không làm cho mẹ đau đớn. Bồ-tát ở trong thai mẹ buổi sáng thuyết pháp cho chư Thiên ở cõi sắc giới, buổi trưa thuyết pháp cho chư Thiên ở Dục giới, buổi chiều thuyết giảng cho các loài quý thân, ban đêm cũng thế... Bồ-tát đã làm lợi ích cho vô số chúng sinh.

Lúc Bồ-tát còn trong thai, nếu có vị phu nhân hay thể nữ nào đến lễ bái cúng dường mà cầu chúc Thái tử sau này thành vị Chuyển luân thánh vương thì lòng Bồ-tát không vui, còn người nào cầu chúc sau này thành Bạc Nhất Thiết Chủng Trí thì Bồ-tát rất vui mừng. Bồ-tát ở trong thai đến tháng thứ mười thì thân thể hoàn bị, các tướng tốt hiện đủ và cũng khiến cho Thánh mẫu các căn an tịnh, thích ở nơi vắng vẻ, không thích ở chốn náo nhiệt, ồn ào.

Khi ấy vua Bạch Tịnh suy nghĩ: “Phụ nhân mang thai đã đủ ngày tháng rồi nhưng sao không có dấu hiệu gì báo sự sinh nở cả”. Vua vừa nghĩ thế thì phụ nhân cho người đến thưa vua là người muốn đến vườn hoa ngoạn cảnh. Vua nghe thế trong lòng rất vui mừng, lập tức truyền cho quan quân dọn dẹp sạch sẽ vườn hoa Lâm-tỳ-ni, lại cho cắt tỉa, sửa sang và thêm nhiều hoa đẹp trong vườn. Các dòng suối, ao tắm đều làm cho trong sạch. Các bao lon tầng cấp đều được trang hoàng bằng bảy thứ báu. Trong vườn có những giống chim quý như Phi thúy, Oan ương, Loan phụng, Phượng hoàng và những giống loại chim lạ khác.

Lại treo cờ phướn, dựng lọng tá lị, rải hoa đốt hương, tấu nhạc, làm cho khu vườn thật giống như vườn Hoan hỷ của trời Đế Thích. Vua còn truyền làm sạch sẽ nghiêm trang những lối đi trong vườn, sửa soạn trang sức mười vạn cỗ xe thất bảo, mỗi xe được chạm khắc, trang trí toàn những hình ảnh trang nghiêm đẹp đẽ. Bên ngoài vườn có bốn đội binh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Lại tuyển trong cung những thể nữ có dung nhan đoan chánh, không già, không trẻ, tâm tính hiền hòa, thông minh sáng suốt, số lượng ước tính có tám vạn bốn ngàn người để hầu hạ Ma-da phụ nhân. Lại truyền tám vạn bốn ngàn đồng nữ thanh tú đeo chuỗi quý đẹp và cầm hương hoa đến trước chờ nơi vườn Lâm-tỳ-ni. Lại truyền cho phụ nhân của các quan trong triều cũng đi theo hầu. Lúc Ma-da phụ nhân lên xe, tất cả đại thần và thể nữ chính tề vây quanh cùng đi theo đến vườn Lâm-tỳ-ni. Tám bộ chúng trời, rồng... khi ấy cũng đi theo đầy trên không trung. Khi phụ nhân vào vườn, các căn của người đều thanh tịnh, lại đúng mười tháng mang thai.

Lúc đó là ngày mồng tám tháng tư, khi mặt trời vừa lên, phụ nhân thấy cây đại thọ Vô ưu trong vườn đang nở hoa đẹp đẽ, tỏa hương thơm ngát, cành lá sum suê, vô cùng xanh tốt bèn đưa tay phải lên muôn vịn cành để hái hoa, Bồ-tát liền rời khỏi thai từ hông phải của mẹ. Dưới cội cây Vô ưu lúc đó xuất hiện bảy đóa hoa sen lớn bằng bánh xe, Bồ-tát liền tự đi bảy bước trên những đóa sen, đưa tay phải lên, nói tiếng nói như tiếng Sư tử oai vệ:

-Từ trên trời đến cõi nhân gian, Ta là tối tôn tối thắng. Vô lượng kiếp trôi lăn trong sinh tử đến đây đã dứt, Ta sinh ra đời để đem lại lợi ích cho tất cả trời người.

Khi Thái tử nói những lời ấy xong, bốn vị Thiên vương lập tức dùng tám lụa trời đỡ thân Thái tử đặt lên ghế báu, có Thích Đề-hoàn Nhân cầm lọng báu, Đại phạm Thiên vương cầm bạch phát đứng hầu hai bên. Các vị Long vương như Nan-đà Long vương, Ưu-ba-nan-đà Long vương từ trên không tuôn xuống hai dòng nước thanh tịnh, một dòng ấm áp, một dòng mát mẻ để tắm cho Thái tử. Lúc ấy thân Thái tử ánh lên màu vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng, phóng ánh hào quang lớn soi thấu ba ngàn đại thiên thế giới. Trời rồng cùng tám bộ chúng cũng ở trên không trung tấu nhạc, ca hát, ngợi khen, đốt hương rải hoa, tung Thiên y và chuỗi anh lạc rơi xuống đầy ngập, nhiều không thể đếm hết.

Ma-da phụ nhân từ khi sinh Thái tử, thân tâm an vui, không có các nỗi khổ, vui mừng phần chẵn. Dưới cội cây Vô ưu, nơi Phụ nhân hạ sinh Thái tử lần lượt tự nhiên hiện ra bốn cái giếng, nước trong giếng thơm ngát và trong sạch, đủ tám công đức. Bấy giờ Ma-da phụ nhân cùng các quyến thuộc tùy theo nhu cầu mà sử dụng nước ấy để tẩy tịnh thân thể. Lại có các thần Dạ-xoa bảo vệ Phụ nhân và Thái tử.

Ngay lúc đó từ loài người trong cõi Diêm-phù-đề đến chư Thiên ở cõi trời Sắc cứu cánh, tuy đã xa lìa mọi cảm thọ hỷ lạc nhưng đều vui vẻ ngợi khen Bạc Nhất Thiết Chứng Trí nay đã xuất hiện ở đời làm lợi ích cho vô số chúng sinh và mong Thái tử sớm thành đạo Chánh giác, chuyển bánh xe Pháp độ khắp chúng sinh. Chỉ có Ma vương là rầu rĩ ngồi không yên. Cũng trong lúc ấy trời đất bỗng sinh ba mươi bốn điềm lành: một là mười phương thế giới đều sáng rực; hai là ba ngàn đại thiên thế giới rung chuyển theo mười tám cách, gò đồi trở nên bằng phẳng; ba là tất cả

những cây khô đều xanh tươi, sum suê trở lại, trong vườn quốc bồng sinh ra những loài cây lạ; bốn là trong vườn sinh trái ngọt lạ; năm là trên đất bồng sinh hoa sen báu lớn bằng bánh xe; sáu là những kho báu trong đất đều tự nhiên hiện ra, bảy là những kho báu bồng phát ra ánh sáng lớn; tám là những y phục tốt đẹp của chư Thiên bồng rơi xuống; chín là các dòng sông bồng trở nên êm đềm trong mát; mười là gió ngừng thổi, trời không mây, bầu trời trong xanh, tươi sáng; mười một là mùi hương thơm ngát từ bốn phương bay lại, mưa nhỏ rơi xuống thấm nhuần, làm sạch cát bụi; mười hai là những người bệnh tật trong nước bồng nhiên khỏe mạnh; mười ba là những đèn đài trong nước không chỗ nào không sáng sủa, ánh sáng của đèn đều bị lu mờ; mười bốn là mặt trời, mặt trăng, sao trời đứng yên không di chuyển; mười lăm là sao Tỳ-xá-khư hiện ra trong nhân gian để hầu Thái tử khi sinh ra; mười sáu là các vua trời cõi Phạm thiên cảm lòng quý che trên cung vua; mười bảy là các bậc thầy của chư Tiên trong tám phương đem những thứ quý báu đến để dâng cúng; mười tám là những thức ăn trăm vị của chư Thiên tự hiện ra trước mặt; mười chín là bồng hiện rất nhiều bình quý chứa đầy nước cam lộ; hai mươi là xe quý của chư Thiên chở nhiều vật quý báu đến; hai mươi một là rất nhiều voi trắng trên đầu cải hoa sen đến đứng trước điện; hai mươi hai là đoàn ngựa báo lông xanh tự nhiên đến; hai mươi ba là có năm trăm con Sư tử trắng từ Tuyết sơn xuất hiện nhưng đã dứt hết tính ác, hiền lành sắp thành hàng trước thành; hai mươi bốn là các Thiên nữ ở cõi trời tấu nhạc giữa hư không; hai mươi lăm là những ngọc nữ ở cõi trời đều cầm những phát trần Khổng tước hiện ra trên tường của cung điện; hai mươi sáu là những ngọc nữ ở cõi trời tay cầm bình vàng chứa đầy nước thơm đứng khắp trên không trung; hai mươi bảy là chư Thiên khen ngợi công đức của Thái tử; hai mươi tám là địa ngục dừng nghỉ, không hiện ra các cảnh đau khổ ác độc; hai mươi-chín là các loại độc trùng đều biến mất, những loài chim dữ trở nên hiền lành; ba mươi là những ác nghi thức, luật lệ ác độc đồng thời đổi thành yêu thương, hiểu biết; ba mươi một là phụ nữ đang mang thai trong nước đều sinh con trai, có bao nhiêu bệnh đều lành; ba mươi hai là tất cả thọ thân đều hiện thành hình người đến hầu hạ lễ bái; ba mươi ba là các quốc vương khác đều mang công phẩm quý báu đến thần phục; ba mươi bốn là tất cả trời người không nói những gì không hợp lúc.

Khi ấy các thể nữ thấy những điềm lành ấy đều vô cùng mừng vui, nói với nhau:

-Thái tử sinh ra có những điềm tốt đẹp như thế, mong rằng người sẽ sống lâu, không tật bệnh đau khổ để chúng ta khỏi phải buồn rầu. Nói xong, họ lấy khăn bông mềm đỡ bồng Thái tử đến chỗ phu nhân, có Tứ Thiên vương trên hư không cung kính đi theo, trời Đế Thích cảm lòng che, ở trên có hai mươi tám vị đại quý thần vương ở bốn góc vườn để bảo vệ.

Lúc ấy có một nàng cung nữ thông minh, lanh lợi từ vườn Lâm-tỳ-ni chạy về cung đến chỗ vua Bạch Tịnh trình tâu:

-Đại vương có uy đức nay lại càng tăng thêm vì phu nhân vừa sinh Thái tử dung mạo đoan chính, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Lúc sinh ra người đi bảy bước trên những đóa sen, tay phải chỉ lên trời thốt ra những lời như tiếng Sư tử: “Trên trời cho đến cõi người, Ta là tối tôn, tối thắng. Vô số kiếp sinh tử đến đây đã chấm dứt, Ta sinh ra đời để đem lại lợi ích cho tất cả trời người”, và còn bao nhiêu điềm lành không thể kể hết.

Vua nghe tin ấy vô cùng sung sướng, không thể kèm chế được liền cởi ngay râu chuỗi ngọc đang đeo nơi thân thưởng cho nàng cung nữ. Ngay lập tức vua truyền lệnh chuẩn bị bốn đội binh cùng với vương quyền trong cung và mười vạn người trong họ Thích thẳng đến vườn Lâm-tỳ-ni. Khi tới nơi thấy có đầy đủ Thiên long bát bộ chúng trong vườn, đến chỗ phu nhân lại thấy thân tướng Thái tử tốt đẹp lạ thường, vua vô cùng vui mừng phấn chấn, giống như sóng lớn trên sông,

biển, ôm lòng sợ sệt lo mạng mình sống ngắn ngủi, ví như núi chúa Tu-di vốn không thể rung động, nhưng khi đại địa rung chuyển thì núi ấy mới rung động. Vua Bạch Tịnh tánh vốn trầm tĩnh, nhưng nay thấy Thái tử thì lại nửa mừng nửa sợ, Ma-da phu nhân tính tình vốn nhu hòa nay sinh Thái tử thấy có những điềm lành lạ nên càng hiền dịu hơn nữa. Lúc đó vua Bạch Tịnh chấp tay lễ các Thiên thần rồi tiếp đến bồng Thái tử đặt lên xe voi bảy báu rồi cùng các quan, thê nữ trong hậu cung, có chư Thiên tấu nhạc trên không trung theo hộ vệ cùng đi vào thành. Vua và những người họ Thích chưa biết Tam bảo nên đem Thái tử đến đền thờ chư Thiên. Thái tử vừa đến đền thì tượng Phạm thiên liền rời khỏi chỗ ngồi xuống lễ dưới chân Thái tử và nói với nhà vua:

-Đại vương nên biết nay Thái tử là Bạc Tôn Kính trong cõi trời người, các vị Thiên thần trong hư không đều kính lễ, đại vương không thấy sao mà đưa Thái tử đến đây lễ chúng tôi?

Vua và các quan cùng những người họ Thích trong ngoài đều nghe thấy thế càng ngạc nhiên cho là điều chưa từng có, liền đưa Thái tử rời khỏi đền chư Thiên trở về cung.

Vào dịp này trong dòng họ Thích có năm trăm người con trai được sinh ra cũng cùng một ngày với Thái tử. Cùng lúc trong chuồng những con voi của nhà vua cũng sinh ra voi trắng, ngựa sinh ngựa trắng, trâu dê sinh ra những con lông có năm màu... như thế có đến năm trăm loài. Các cung nữ trong hoàng gia cũng hạ sinh năm trăm người con trai. Năm trăm kho báu ẩn trong đất cũng tự nhiên hiện ra, mỗi kho lại có bảy kho khác quây quanh chung quanh. Thương gia từ các nước lớn đem đến kinh thành dâng lên nhà vua những bảo vật lấy từ biển. Nhà vua hỏi các thương nhân:

-Các người xuống biển lấy những châu báu này chắc chỉ gặp thuận lợi, không gặp khó khăn phải không? Mọi người đều được đầy đủ, an ổn trở về chứ?

Các thương nhân thưa:

-Tâu đại vương, trên đường đi rất yên ổn.

Vua nghe tâu rất vui mừng liền cho mời các vị Bà-la-môn đến để cúng dường nhiều loại, nào voi, ngựa, châu báu, ruộng vườn, tôi tớ. Sau khi cúng dường, vua liền đưa Thái tử đến nhờ họ đặt tên.

Các vị Bà-la-môn bàn với nhau rồi tâu vua:

-Lúc Thái tử sinh, tất cả kho báu đều hiện ra, tất cả những điều hiện ra đều là điềm lành, do vậy nên đặt tên cho Thái tử là Tát-bà Tát-đạt.

Các vị Bà-la-môn vừa nói xong thì từ hư không chư Thiên đánh trống, đốt hương, rưới hoa và cùng hô lớn:

-Lành thay! Tát-bà Tát-đạt!

Lúc ấy có tám vị vua cũng như vua Bạch Tịnh trong ngày ấy sinh được Thái tử, các quốc vương ấy ai cũng vui mừng cho rằng nay ta sinh con có những điềm kỳ lạ mà không biết đó là điềm lành của Thái tử Tát-bà Tát-đạt vậy. Họ đều mời các vị Bà-la-môn đến để đặt tên cho các thái tử ấy, chẳng hạn thái tử ở thành Vương xá có tên là Tần-tỳ-sa-la, thái tử ở nước Xá-vệ có tên là Ba-tư-nặc, thái tử ở nước Thâu-la-câu-tra tên là Câu-yết-bà, thái tử nước Độc Tử tên là Ưu-đà-diên, thái tử của nước Lu-la tên là Tật Quang, thái tử nước Đức-xoa-thi-la tên là Phất-ca-la, thái tử của nước Ta-la-câu-la-bà tên là Câu-la-bà.

Bấy giờ vua Bạch Tịnh ra lệnh các quan đi khắp nơi tìm mời những bậc thông minh, giàu kiến thức, nhiều trí tuệ, biết xem tướng giỏi, là bậc có tri thức nhất trong đời. Các quan được lệnh liền đi khắp nơi để tìm kiếm. Vua lại cho xây một tòa điện lớn nơi vườn sau với cửa sổ, bao lơn, tầng cấp đều được trang hoàng đẹp đẽ bằng bảy thứ báu. Các quan lúc bấy giờ mời được năm trăm vị Bà-la-môn thông minh, xem tướng giỏi, đoán được điềm lành lạ. Họ vội tâu lên vua là các đạo sĩ đã đến, vua vui mừng liền cho mời vào điện chuẩn bị cúng dường. Những đạo sĩ ấy tâu với vua:

-Chúng tôi nghe Bệ hạ vừa sinh Thái tử có đủ tướng tốt và những điềm lành, vậy xin cho phép chúng tôi được gặp Thái tử.

Vua liền sai bồng Thái tử đến, các đạo sĩ trông thấy những tướng tốt oai nghiêm của Thái tử cho là điều chưa từng có. Vua hỏi họ xem tướng Thái tử thế nào, các đạo sĩ thưa:

-Tất cả chúng sinh đều muốn có con tốt, nay đại vương sinh Thái tử là điều quý lạ trên đời, chớ sinh lo sợ. Tâu đại vương, việc đại vương hạ sinh Thái tử, chúng tôi chỉ có một lời: Thái tử chính là con mắt của cả thế gian và cõi trời.

Vua hỏi vì sao mà biết, họ đáp:

-Chúng tôi xem tướng của Thái tử thấy sắc thân của Thái tử như vàng ròng, lại có những tướng tốt rất là trong sáng, sau này nếu xuất gia chắc sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí, còn ở tại gia sẽ thành vị Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ. Ví như trong các dòng nước thì biển là lớn nhất, giữa các rặng núi thì Tu-di là núi cao to nhất, trong các ngôi sao thì mặt trời là sáng hơn hết, những gì sáng mà trong mát thì mặt trăng là hơn hết. Trong thế gian và cả cõi trời Thái tử là tôn quý nhất.

Vua nghe những lời ấy vô cùng sung sướng, không còn lo ngại. Có vị Bà-la-môn tâu với vua:

-Trên ngọn Hương sơn hiện nay có vị Tiên A-tu-đà đủ năm loại thần thông. Vị ấy có thể làm dứt hẳn những mối nghi hoặc cho đức vua.

Các vị Bà-la-môn ấy nói xong liền từ biệt ra về. Vua Bạch Tịnh lúc ấy suy nghĩ: “Tiên A-tu-đà ở tận Hương sơn, đường xa mà hiểm trở khó đến được, phải làm cách nào mới mời được vị Tiên ấy đến đây?”. Tiên A-tu-đà biết được ý nghĩ của nhà vua; đồng thời trước đó đã thấy những điềm lành, biết rõ Bồ-tát vì muốn dứt trừ sinh tử nên đản sinh. Ông liền dùng thần thông lướt trên không đến thẳng kinh thành. Người giữ cổng thành thấy vị Tiên đến liền vào tâu lên tiên A-tu-đà từ không trung đến, đang đứng ngoài cửa thành. Vua nghe tâu rất vui mừng liền tự thân ra đón vị Tiên; đến nơi, vua cung kính đánh lễ rồi hỏi:

-Nay Tôn giả đến sao không vào ngay, phải chăng vì người giữ cửa không cho vào?

Tiên nhân đáp:

-Vì đến bất ngờ không tiện vào nên phải báo trước.

Vua liền thỉnh vào cung rồi mời vị Tiên ngồi và hỏi:

-Thưa Tôn giả, ngài vẫn mạnh khỏe chứ?

Vị tiên đáp:

-Nhờ ân đại vương nên vẫn bình yên.

Vua thưa:

-Tôn giả hôm nay đến đây làm cho dòng họ chúng tôi được rạng rỡ, từ nay trở đi ngày nào cũng gặp việc tốt đẹp. Phải chăng vì những việc đã qua nên ngài đến đây?

Tiên nhân đáp:

-Tôi ở Hương sơn thấy nguồn sáng lớn và những điềm lạ hiện ra, lại biết đại vương có ý mong được gặp, nên tôi đến đây. Trong khi dùng thần lực lướt không trung đến đây, tôi nghe chư Thiên trên không trung bảo rằng Thái tử tương lai sẽ thành Bạc Nhật Thiết Chủng Trí cứu thoát trời người. Thái tử sinh ra từ hông bên phải của phu nhân, bước trên những bông sen báu, đưa tay lên, tiếng như Sư tử tuyên bố: “Ta là tối tôn, tối thắng trong cõi trời người, vô lượng kiếp sinh tử đến đây đã dứt, lần đản sinh này đem lại lợi ích cho cả trời người”, lại có chư Thiên quây quần cung kính. Nghe những điều kỳ lạ ấy thật sung sướng thay. Thưa đại vương giờ đây tôi có thể gặp Thái tử được chăng?

Nhà vua liền đưa Tiên nhân tới chỗ Thái tử. Đến nơi vua bảo phu nhân bồng Thái tử đến và bảo làm lễ Tiên nhân, vị Tiên ngăn lại, nói:

-Thái tử là Đấng tối quý trong ba cõi, sao lại để Thái tử lễ tôi?

Nói rồi liền chấp tay sụp xuống lễ Thái tử. Vua và phu nhân thưa:

-Xin Tiên nhân đoán tướng Thái tử xem thế nào.

Tiên A-tư-đà quan sát kỹ các tướng của Thái tử rồi bỗng nhiên không dẫn lòng được, buồn bã rơi lệ. Nhà vua và phu nhân thấy thế toàn thân giật bắn, lòng hoang mang kinh sợ như chiếc thuyền nhỏ bị sóng lớn dòi, hoảng hốt hỏi:

-Luc mới sinh Thái tử có nhiều điềm lành, chẳng hay có điều gì không hay mà Tiên nhân buồn khóc như vậy?

Tiên nhân rung rung đáp:

-Tâu đại vương, Thái tử có đủ những tướng tốt, không có gì xấu.

Vua lại hỏi:

-Chẳng hay Thái tử thọ mạng như thế nào? Có thể lên ngôi Chuyển luân cai trị bốn châu thiên hạ không? Tôi tuổi đã cao muốn giao phó việc trị nước cho Thái tử rồi vào núi tu hành. Đó chính là chí nguyện của tôi. Xin Tôn giả xem kỹ cho.

Khi ấy tiên A-tư-đà thưa với vua:

-Tâu đại vương, Thái tử có đủ ba mươi hai tướng tốt, đó là:

1. Dưới bàn chân bằng phẳng.
2. Dưới chân có đủ một ngàn đường vân như vòng bánh xe.
3. Các ngón tay, ngón chân đều dài hơn người thường.
4. Tay chân đều rất mềm mại.
5. Gót chân rộng, dày đặn.
6. Các kẽ ngón chân ngón tay có màng như lưới, người bình thường không thể có được.
7. Mu bàn chân đầy đặn, cao bằng gót chân.
8. Bắp chân như chân Lộc vương.

9. Hai tay buông xuống dài quá gối.
10. Nam căn ẩn kín như Mã vương, Tượng vương.
11. Thân hình cao lớn cân đối như cây Ni-câu-lư.
12. Ở mỗi chân lông có sợi lông màu xanh mềm mại và đều xoay về bên phải.
13. Lông trên người sắc xanh, mềm mại và đều rạp nghiêng về bên phải.
14. Có tướng sắc thân màu hoàng kim vi diệu, đẹp hơn vàng Diêm-phù-đàn.
15. Ánh sáng quanh thân chiếu xa một trượng.
16. Làn da mỏng và mịn, bụi không thể bám, muỗi mòng không chích được.
17. Hai lòng bàn tay, bàn chân, hai vai và đánh đầu cả bảy nơi ấy đều đầy đặn.
18. Dưới hai nách đầy đặn như ngọc Ma-ni.
19. Thân như Sư tử.
20. Thân thể ngay ngắn, cân đối.
21. Hai vai tròn trịa.
22. Miệng có bốn mươi cái răng.
23. Răng trắng đều khít, chân răng sâu chắc chắn.
24. Bốn răng cửa lớn và trắng.
25. Hai má đầy đặn như Sư tử.
26. Nước bọt tiết ra hai bên miệng có mùi thơm.
27. Lưỡi mềm và mỏng, rộng dài, phủ cả mặt đến mí tóc.
28. Tiếng nói có âm thanh vô cùng vi diệu như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
29. Màu mắt xanh biếc.
30. Lông mi như Ngưu vương.
31. Giữa hai hàng lông mày có chòm lông trắng như gấm Đâu-la có thể phóng hào quang.
32. Trên đánh đầu có thịt nổi cao như hình búi tóc.

Thái tử có đủ ba mươi hai tướng tốt như thế, nếu ở tại gia thì năm hai mươi chín tuổi sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chứng Trí, rộng độ trời người. Nhưng Thái tử chắc nhất định tu học và đắc đạo thành Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Sau đó không lâu Ngài sẽ chuyển pháp luân thanh tịnh làm lợi ích trời người và độ thoát cho chúng sinh. Tôi nay đã một trăm hai mươi tuổi, không lâu nữa sẽ chết và sinh lên cõi trời Vô tướng, không gặp được Phật, không nghe được pháp nên buồn tủi mà khóc.

Vua lại hỏi Tiên nhân:

-Tôn giả bảo có hai đường: một sẽ làm Chuyển luân vương, hai sẽ là thành Bạc Chánh Giác, nhưng sao lại quyết chắc là Thái tử sẽ thành Bạc Chánh Giác.

Tiên nhân đáp:

-Trong phép xem tướng của tôi, nếu người nào có đủ ba mươi hai tướng nhưng không ở đúng chỗ, không rõ ràng thì sẽ thành Chuyển luân vương, còn nếu ở đúng chỗ lại rõ ràng thì chắc chắn sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chúng Trí. Nay tôi xem thấy Thái tử có đủ ba mươi hai tướng, mỗi tướng lại ở đúng vị trí và rất rõ ràng nên tôi quyết chắc Thái tử sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chúng Trí.

Vị tiên nói xong liền từ biệt ra đi. Vua Bạch Tịnh nghe những lời đó, trong lòng rất lo buồn vì sợ Thái tử sẽ xuất gia nên chọn năm trăm cung nữ thông minh, trí tuệ để chăm sóc, phục vụ Thái tử. Trong số đó người thì cho bú, người thì bông ấm, người thì tắm rửa, giặt giũ... Vua lại xây dựng riêng cho Thái tử ba tòa cung điện ba mùa hợp với khí hậu mùa lạnh, mùa nóng và mùa ẩm. Các cung điện ấy được trang hoàng tô điểm bằng bảy món báu, áo quần cũng mặc theo mùa. Vua lại sợ sau này Thái tử bỏ cung-đi xuất gia nên ra lệnh bố trí các công thành sao cho mỗi khi đóng mở sẽ có tiếng động lớn vang xa đến bốn mươi dặm. Vua lại chọn năm trăm cung nữ hình dung đoan chánh, không gầy không béo, không cao không thấp, không trắng không đen lại giỏi nhiều kỹ xảo, đều trang điểm bằng nhiều vật trang sức quý báu, mỗi phiến một trăm vị, thay nhau chăm sóc Thái tử. Trước các cung điện ấy, vua cho trồng đầy các loại cây có quả ngọt, cành lá sum suê, hoa nở tươi thắm; lại có ao tắm trong mát, bờ ao mọc lớp cỏ thơm dày, trong ao có hoa sen đủ màu và nhiều vô số kỳ hoa dị thảo khác, lại có hàng ngàn giống chim lạ trong vườn để làm đẹp mắt, vui tai cho Thái tử.

Sau khi sinh Thái tử được bảy ngày, Ma-da phu nhân qua đời và do công đức cứu mạng Thái tử nên được sinh lên cung trời Đao-lợi. Người dì là phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi nấng Thái tử không khác gì mẹ hiền. Vua cha còn cho làm mũ bảy báu, chuỗi anh lạc cho Thái tử. Thái tử càng lớn thì vua cho làm các loại xe như xe voi, xe ngựa, xe dê, xe trâu, và đầy đủ tất cả các loại đồ chơi, không thứ gì không có. Lúc ấy nhân dân cả nước đều sống an vui, mùa màng sung túc, thời tiết điều hòa, không có trộm cướp... vô cùng an ổn, thái bình, đều là nhờ phước đức của Thái tử. Vua lại truyền Xa-nặc, một trong năm trăm người con trai, con của các thị nữ đến để hầu Thái tử.

Năm Thái tử lên bảy tuổi, vua nghĩ Thái tử đã lớn nên lo việc học tập cho Ngài. Vua cho tìm khắp trong nước những vị Bà-la-môn thông tuệ, am tường các loại sách quý, mời đến để dạy Thái tử học. Lúc ấy có vị Bà-la-môn tên Bạt-đa-la-ni cùng với năm trăm vị thân hữu Bà-la-môn khác đều nhận lời mời của vua cùng đến. Vua hỏi các vị Bà-la-môn:

-Thưa các Tôn giả, chư vị đều muốn làm thầy của Thái tử, nay các vị sẽ dạy thế nào?

Họ nói:

-Những gì chúng tôi biết sẽ trao truyền hết cho Thái tử.

Vua liền cho xây một trường học lớn, dùng các thứ báu để trang trí; bàn ghế và tất cả học cụ đều đầy đủ và đẹp đẽ, rồi chọn ngày lành đưa Thái tử đến để các vị Bà-la-môn dạy học.

Khi ấy các vị thầy Bà-la-môn đưa ra bốn mươi chín loại sách để dạy Thái tử đọc. Thái tử thấy như thế liền hỏi các thầy dạy:

-Đây là những sách gì? Trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu loại sách?

Các thầy Bà-la-môn đều im lặng không trả lời được. Thái tử lại hỏi riêng chữ A có bao nhiêu nghĩa. Các vị thầy dạy cũng không đáp được, tự thấy xấu hổ, đứng dậy lễ Thái tử mà khen ngợi:

-Lúc mới sinh Thái tử đi bảy bước và tự nói rằng trong cõi trời người, Thái tử là tôn quý nhất. Lời ấy quả thật không sai. Xin Thái tử cho biết trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu loại sách.

Thái tử nói:

-Trong cõi Diêm-phù-đề có sách Phạm ngữ, có sách Khu-lâu, có sách Liên hoa... có tất cả sáu mươi bốn loại. Chữ A là âm tiếng Phạm, nghĩa của chữ này là không thể hư hoại, cũng là đạo lý chân chánh vô thượng. Những nghĩa như thế rất nhiều, vô lượng vô biên.

Khi đó, các vị thầy Bà-la-môn trong lòng cảm thấy vô cùng xấu hổ nên đến tâu vua:

-Tâu đại vương, Thái tử là vị thầy bậc nhất trong cõi trời người, chúng tôi làm thế nào dạy được.

Vua nghe các vị ấy nói thế lại càng vui mừng cho là việc chưa từng có, liền tùy theo sở thích của các thầy Bà-la-môn mà cúng dường. Tất cả các môn học thuật sách vở, lý luận, thiên văn, địa lý, toán số đến các môn kỹ nghệ như bắn cung, cưỡi ngựa, Thái tử đều tự mình thông tỏ.

Quyển 2

Năm Thái tử lên mười tuổi, trong họ Thích có năm trăm đồng tử cùng tuổi với Ngài. Thái tử lại có những người em như Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà... Trong số ấy có người có ba mươi tướng tốt, người có ba mươi một tướng, cũng có người đủ ba mươi hai tướng nhưng không hiển lộ rõ; có người giỏi nhiều môn, có người sức lực mạnh mẽ vô cùng. Đề-bà-đạt-đa nghe Thái tử các môn đều giỏi, danh tiếng lừng lẫy khắp nơi nên bàn với năm trăm vị đồng tử:

-Thái tử tuy thông minh trí tuệ, biết nhiều sách vở, biện luận giỏi nhưng sức mạnh chưa chắc bằng chúng ta. Ta muốn thi sức mạnh với Thái tử.

Lúc bấy giờ vua Bạch Tịnh cho người đi tìm những vị thầy dạy bắn cung giỏi trong nước đến truyền nghề cho Thái tử. Một hôm vị thầy dạy Thái tử bắn cung, Đề-bà-đạt-đa cùng năm trăm đồng tử cũng đi theo đến hậu viên của hoàng cung để tập luyện, đích bắn là những chiếc trống bằng sắt. Vị thầy trao cho Thái tử một cái cung nhỏ, Thái tử mỉm cười hỏi:

-Thầy trao vật này cho con để làm gì?

Vị Xạ sư đáp:

-Ta muốn Thái tử bắn trúng cái trống sắt đó.

Thái tử cho rằng cung ấy yếu lắm, yêu cầu bảy cái cung như thế, vị thầy liền trao cho Thái tử. Thái tử cầm cả bảy cánh cung bắn một mũi tên mà xuyên qua bảy chiếc trống sắt. Khi ấy vị Xạ sư liền đến tâu lên vua.

-Tâu đại vương, Thái tử đã tự biết thuật bắn cung, chỉ bắn một mũi tên xuyên bảy chiếc trống sắt. Trong cõi Diêm-phù-đề này không ai hơn được Thái tử. Vậy sao bệ hạ còn truyền cho thần làm thầy của Thái tử?

Vua nghe thế rất mừng, thầm nghĩ: “Con ta rất thông tuệ, mọi môn học thuật sách vở, biện luận, toán số đều giỏi, thì mọi người đều biết nhưng việc Thái tử giỏi bắn cung thì ít người biết”. Nhà vua lập tức truyền lệnh bố trí các trống sắt, tổ chức thi tài cho Thái tử và nhóm năm trăm người của Đề-bà-đạt-đa. Vua cũng thông báo cho dân chúng biết bảy ngày sau Thái tử và Đề-bà-đạt-đa sẽ thi võ nghệ ở hậu viên, ai là người giỏi võ nghệ đều có thể đến thi.

Đến ngày thứ bảy, Đê-bà-đạt-đa cùng sáu vạn người trong thân quyền ra khỏi thành đầu tiên. Bỗng có một con voi to đứng chặn ở cổng thành, quân lính không ai dám đi tới. Đê-bà-đạt-đa thấy thế hỏi:

-Vi sao đứng lại không tiến tới?

Quân thừa vì có con voi lớn chặn ở cổng thành. Đê-bà-đạt-đa nghe xong liền một mình tiến tới gần con voi, dùng tay đâm mạnh vào đầu voi, con voi quý ngã xuống đất chết ngay. Khi đó quân lính mới lần lượt đi qua. Đến khi Nan-đà và quyền thuộc đi ra thành, quân lính cũng lần lượt đi qua một bên, Nan-đà hỏi tại sao mọi người đi chậm thế, có người thưa:

-Đê-bà-đạt-đa dùng tay đâm chết voi, xác nằm ngay cổng thành, mọi người phải tránh sang một bên nên không đi nhanh được.

Nan-đà nghe thế liền một mình đi đến đó dùng ngón chân hất xác voi qua một bên lề đường để mọi người đi qua. Lúc đó nhiều người xung quanh đều tụ tập lại để xem. Đến lượt Thái tử cùng mười vạn quyền thuộc muốn ra khỏi thành, nhưng thấy mọi người đang tụ tập đông đảo, hỏi ra mới biết Đê-bà-đạt-đa dùng tay đâm chết voi để xác ở cổng thành, Nan-đà dùng ngón chân hất xác voi sang bên lề do vậy mọi người vây quanh để xem. Khi ấy Thái tử nghĩ đã đến lúc thị hiện thần lực nên liền đến nâng xác voi ném ra ngoài thành rồi lại đưa tay đỡ mà không làm cho voi bị tổn thương. Con voi bỗng sống lại, mạnh khỏe như trước, không hề bị đau đớn, khổ não. Dân chúng thấy thế khen là việc chưa từng có. Đức vua khi nghe việc ấy cũng cho là vô cùng lạ thường.

Khi Thái tử, Đê-bà-đạt-đa, Nan-đà cùng dân chúng đến nơi hậu viên đã được sắp đặt trang nghiêm, bày sẵn các loại trống bằng vàng, bạc, đồng, đá, sắt... mỗi loại đều có bảy chiếc. Đê-bà-đạt-đa bắn trước xuyên thủng ba chiếc trống bằng vàng, Nan-đà bắn thứ hai cũng bắn xuyên ba chiếc trống, dân chúng ai cũng khen ngợi. Lúc ấy các quan thưa với Thái tử:

-Đê-bà-đạt-đa và Nan-đà đã bắn xong, nay đến lượt Thái tử. Xin Thái tử hãy bắn những chiếc trống kia.

Các vị ấy thưa đến ba lần như thế. Thái tử bảo:

-Nếu muốn bắn những chiếc trống ấy thì cánh cung này yếu lắm, hãy tìm cho Ta cánh cung nào cứng hơn.

Các quan thưa:

-Tiên vương có một chiếc cung rất tốt, hiện ở trong kho, có thể đem đến cho Thái tử.

Khi cung được đưa đến, Thái tử cầm lên, bắn một mũi tên xuyên qua tất cả trống và cắm xuống ao làm nước trong ao bắn vọt lên, mũi tên còn xuyên suốt đến núi Thiết vi.

Lúc ấy Đê-bà-đạt-đa và Nan-đà đùa giỡn vật nhau, nhưng cả hai đều ngang sức nên không người nào thắng được. Thái tử bước tới dùng tay nắm chặt cả hai em vật ngã xuống đất nhưng do lòng từ bi nên cả hai người đều không hề bị đau đớn. Dân chúng thấy Thái tử có sức mạnh như vậy nên đồng thanh hô to:

-Thái tử con vua Bạch Tịnh không những trí tuệ vượt hơn tất cả người mà sức mạnh cũng không ai sánh bằng.

Không ai không thán phục, càng cung kính Thái tử hơn. Lúc bấy giờ vua Bạch Tịnh truyền gọi các quan đến để cùng bàn luận, vua nói:

-Nay Thái tử đã lớn, đã có đầy đủ trí tuệ và sức lực. Nay trẫm cần phải lấy dùng nước bốn biển để làm lễ Quán đảnh cho Thái tử.

Nói rồi vua liền truyền lệnh cho tất cả các tiểu vương đến ngày tám tháng hai hãy tụ họp về cung để dự lễ Quán đảnh của Thái tử. Đến ngày ấy, Quốc vương các nước khác và các đạo sĩ Bà-la-môn đều tụ hội đông đảo. Hoàng cung lúc bấy giờ được trang hoàng rực rỡ, treo dựng phướn, lọng, đốt hương, rải hoa, cử chuông trống, tấu các khúc nhạc hay, dùng bình thất bảo đựng nước bốn biển. Các Tiên nhân, mỗi vị đều đội bình nước trao cho các đạo sĩ Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn chuyên bình nước trong chúng rồi trao cho các vị đại thần; các quan đều đội bình nước trao cho nhà vua. Khi ấy nhà vua rưới nước lên đầu và trao ấn thất bảo cho Thái tử, kẻ đó truyền đánh trống lớn, xướng lớn:

-Nay lập Tát-bà Tát-đạt làm Thái tử.

Nơi không trung lúc đó tám bộ chúng Trời, rồng... đều tấu nhạc đồng thanh ca ngợi:

-Lành thay!

Đúng vào lúc Bô-tát lên ngôi Thái tử, tại thành Ca-tỳ-la, tám vị vua của nước khác cũng lập Thái tử.

Một hôm, Thái tử xin vua cha ra ngoài thành du ngoạn. Đức vua bằng lòng, cùng Thái tử và quần thần lần lượt ra thành đến thăm khu đất canh tác của hoàng gia. Đi tới cội cây Diêm-phù, Thái tử dừng lại đứng xem nông phu cày ruộng. Bấy giờ vị Thiên tử ở cõi trời Tịnh cư hóa thân thành trùng đất bị những con chim sà theo luông cây mổ ăn. Thái tử thấy cảnh ấy, khởi niệm Từ bi thương xót: “Chúng sinh thật đáng thương, loài này ăn thịt loài kia”. Rồi Thái tử chìm trong suy nghĩ: “Làm thế nào để xa rời cõi ái dục”. Tâm Thái tử định tĩnh đi vào Tứ thiên. Ánh dương quang chuyển dời, nhưng cây Diêm-phù vội uốn cành phủ lá che mát cho Thái tử không rời.

Lúc đó nhà vua không thấy Thái tử liền tìm kiếm khắp nơi, hỏi các quan, một vị thần thưa với nhà vua: Thái tử đang ngồi dưới bóng cây Diêm-phù, vua liền cùng các quan đến đó. Chưa đến nơi, từ xa, đức vua đã thấy Thái tử ngồi nhập định dưới bóng cây, tuy trời chiều nhưng bóng cây không di chuyển, vẫn che cho Thái tử làm nhà vua vô cùng kinh ngạc. Vua cha bước đến cầm tay Thái tử hỏi:

-Sao con lại ngồi nơi đây?

Thái tử đáp:

-Con xem thấy các loài chúng sinh ăn thịt nhau, thật là đáng thương.

Vua nghe lời ấy, trong lòng lo sợ Thái tử xuất gia, liền nghĩ tới việc phải cưới vợ cho Thái tử để Thái tử vui mà quên nghĩ ngợi. Nhà vua truyền bảo con trở về cung, nhưng Thái tử lại tỏ ý muốn ở lại. Vua liền tưởng đến lời tiên A-tư-đà nên rơi nước mắt, khuyên Thái tử nên về. Thấy vua cha có vẻ buồn bã, Thái tử thuận theo cha trở về. Nhà vua luôn nghĩ đến việc Thái tử sẽ xuất gia nên truyền tăng thêm số kỹ nữ để làm vui lòng Thái tử.

Năm Thái tử mười bảy tuổi, vua triệu tập các quan để bàn việc hôn nhân của Thái tử. Các quan tâu có một người Bà-la-môn họ Thích tên là Ma-ha-na-ma sinh được người con gái là Da-du-đà-la dung nhan xinh đẹp, tính nết đoan trang, lại thông minh, trí tuệ, tài đức hơn người, rất xứng đôi với Thái tử. Vua nghe xong bảo nếu thế thì nên cưới cho Thái tử. Vua liền vào nội cung cho gọi một cung nhân lanh lợi thông minh đến nhà trưởng giả Ma-ha-na-ma để xem xét dung

mạo và đức hạnh của nàng ấy. Vị cung nữ theo lệnh đến nhà vị trưởng giả trong bảy ngày quan sát kỹ nàng Da-du-đà-la rồi về tâu với vua:

-Thần xem nàng ấy dung mạo xinh đẹp, nét na đoan trang, đi đứng uy nghi, thật ít có ai bằng!

Vua nghe thế rất mừng, lập tức sai người đến nói với trưởng giả Ma-ha-na-ma:

-Nay Thái tử đã trưởng thành, nhà vua muốn cưới vợ cho Ngài. Đức vua nghe các quan trong triều đều khen ngợi con gái của ông, nhà vua rất vừa ý nên sai tôi đến đây để bàn việc hôn sự.

Ma-ha-na-ma đáp:

-Xin tuân sắc chỉ của đức vua.

Vua liền sai các quan chọn ngày lành rồi truyền đưa một vạn cỗ xe đến để rước dâu. Khi rước Da-du-đà-la về cung, nhà vua cho tổ chức đầy đủ các nghi thức hôn sự và cũng cho tăng thêm kỹ nữ ngày đêm ca múa làm vui lòng Thái tử. Thái tử tuy cùng vợ đi, đứng, nằm, ngồi không rời, nhưng hoàn toàn không vương ý tình thế tục, đêm nào Thái tử cũng chỉ tu tập thiền quán. Vua thường dò hỏi các thể nữ về đời sống vợ chồng của Thái tử. Các thể nữ đều tâu:

-Không thấy Thái tử có cử chỉ gì tỏ ra là đạo vợ chồng.

Vua nghe thế lại càng sâu nã, vội truyền các cung nữ bày thêm nhiều thú vui hơn nữa cho Thái tử. Trải qua một thời gian, Thái tử vẫn tuyệt nhiên không gần gũi vợ nên nhà vua có ý nghi ngờ, lo Thái tử không có khả năng nam nhi.

Một hôm, Thái tử nghe các thể nữ ca vịnh phong cảnh xinh tươi của khu vườn rừng với nhiều cây cối, hoa lá sum suê, suối khe trong mát nên muốn ra thành, đến đó thưởng ngoạn, liền sai thể nữ tâu vua là Ngài ở trong cung cấm đã lâu, nay muốn được ra thành du ngoạn. Vua nghe tâu trong lòng rất vui mừng nhưng rồi lại nghĩ: “Thái tử ở trong cung, không vui thích với đời sống vợ chồng nên mới xin ra ngoài du ngoạn mà thôi!”. Vua truyền lệnh cho các quan dọn dẹp đường phố, sửa sang hoa viên thật sạch đẹp. Khi Thái tử đến lễ vua cha xin phép đi du ngoạn, vua liền sai một vị cựu thần thông minh, giỏi tài biện luận theo hầu Thái tử. Thái tử cùng các quan tùy tùng ra khỏi cửa thành phía Đông. Dân chúng trong nước nghe Thái tử ra thành du ngoạn nên tụ hội đứng xem đầy đặc như thể mây trời. Lúc ấy vị Thiên tử cõi trời Tịnh cư hóa thân thành một cụ già tóc bạc, lưng khòm chống gậy lê bước đi, Thái tử thấy thế liền hỏi người hầu:

-Đó là người gì vậy?

Người hầu thưa:

-Đó là một người già.

Thái tử liền hỏi:

-Sao gọi là già?

Người hầu thưa:

-Người ấy trước đây từng là một đứa trẻ lớn dần lên theo năm tháng, đến nay thân thể đã già cõi, sắc hình suy nhược, tàn phai, ăn uống thật khó khăn, sức lực đã yếu nên đứng ngồi cũng rất khó khăn, không còn sống bao lâu nữa nên gọi là già.

Thái tử lại hỏi:

-Chỉ có một mình ông ta như thế hay tất cả mọi người đều như vậy?

Thưa:

-Tất cả mọi người đều sẽ phải như thế cả.

Thái tử nghe trả lời như vậy, lòng buồn rầu suy nghĩ: “Ngày tháng qua mau, già đến nhanh như chớp; thế thì thân này đâu có gì chắc chắn. Ta tuy giàu sang cũng đâu thể nào thoát được, sao người đời vẫn không lo sợ?” Từ trước tới nay, Thái tử vốn không ham thích cuộc sống phàm tục, nay nghe điều ấy lại càng nhàm chán, muốn lìa xa cõi đời, liền cho quay xe về cung mà trong lòng buồn lo, không vui. Vua nghe biết việc ấy càng lo sợ Thái tử xuất gia nên truyền lệnh cho các cung nữ tăng thêm những trò ca múa để làm khuây lòng Thái tử.

Một thời gian sau, Thái tử lại xin ra ngoài du ngoạn. Vua nghe thấu trong lòng lo âu, thâm nghĩ: “Lần trước dạo chơi, Thái tử đã gặp một người già nên trong lòng buồn bã, không vui, sao nay lại xin đi dạo nữa?” Nhưng vì thương con nên vua không nỡ từ chối, liền triệu tập các quan đến truyền lệnh:

-Lần trước Thái tử rời cửa thành phía Đông đi dạo đã gặp một người già nên trở về cung lòng buồn bực. Nay Thái tử lại muốn dạo chơi nữa, trăm không thể không bằng lòng. Các khanh có ý gì hãy tâu cho trẫm rõ.

Các quan tâu xin ra lệnh cho các quan địa phương chuẩn bị thật chu đáo, trang nghiêm, sửa sang, dọn sạch đường sá, treo cờ, rải hoa, đốt hương và không cho bất cứ thứ gì dơ uế, không sạch và người già cả hay bệnh hoạn nào lảng vảng trên đường.

Ở phía Nam ngoài thành Ca-tỳ-la lúc ấy có một khu vườn, cây cối xanh tươi đang ra hoa, kết trái; lại có ao tắm và lầu ngoạn cảnh, khung cảnh vô cùng trang nhã, xinh đẹp không đâu bằng.

Vua truyền hỏi các vị đại thần:

-Phong cảnh của khu vườn ở ngoài thành có gì đặc biệt?

Các quan đáp:

-Toàn cảnh quan của khu vườn đó rất đẹp như khu vườn Hoan hỷ của Đế Thích.

Vua truyền các quan hãy đưa Thái tử ra cửa thành phía Nam. Khi Thái tử và quan quân theo hầu vừa ra khỏi thành, vị trời Tịnh cư lại hóa thân thành một người bệnh, thân thể xấu xí, chỉ còn da bọc xương, bụng trương to, hơi thở khò khè, sắc mặt nhợt nhạt xanh xao, không thể tự đi được nên có hai người diu đỡ đứng ở bên đường. Thái tử nhìn thấy liền hỏi:

-Đó là người gì?

Người hầu trả lời:

-Đó là một người bệnh.

Thái tử lại hỏi:

-Sao gọi là bệnh?

Tâu:

-Thường thì bệnh đều bởi lòng tham mà ra, ăn uống không điều độ, bốn đại không quân bình nên sinh ra bệnh, thân thể đau nhức, khí lực yếu đuối, ăn uống khó khăn, ngủ nghỉ không

yên, dù có chân tay nhưng không thể tự làm gì được, đi đứng ngồi nằm đều phải nhờ người khác giúp.

Nghe thế Thái tử buồn bã hỏi:

-Chỉ có người ấy bệnh hay ai cũng mắc bệnh?

Thưa:

-Tất cả mọi người, không phân sang hèn đều có thể mắc bệnh.

Thái tử nghe thế liền suy nghĩ: “Nhu vậy nổi khổ vì bệnh tật không chữa một ai, thế mà sao người đời lại cứ ham vui không sợ”. Nghĩ xong, Thái tử trong lòng càng lo sợ, thân tâm rúng động như thủy triều dâng lên khi trăng tròn. Thái tử nói với người hầu cận:

-Thân này như vậy chính là nơi tụ họp của các nỗi khổ. Người đời ngu si không biết, cứ mãi vui say hoan lạc. Hãy quay về. Ta làm sao còn tâm trí để dạo chơi, ngoạn cảnh vườn hoa nữa”.

Đoàn xa giá đưa Thái tử hồi cung, về đến cung Thái tử luôn suy nghĩ, âu sầu. Vua hỏi những người tùy tùng:

-Hôm nay Thái tử ra thành dạo chơi có vui không?

Người hầu thưa:

-Vừa ra khỏi cửa thành phía Nam, Thái tử gặp một người bệnh nên lòng Ngài không vui, truyền lệnh lập tức quay xe về.

Vua nghe tâu lại càng lo sợ Thái tử xuất gia, lập tức truyền gọi các quan đến quở trách:

-Lần trước Thái tử ra cửa thành phía Đông đã gặp một người già nên trong lòng sầu não, không vui. Ta đã ra lệnh cho các Khanh dọn dẹp đường sá, không cho những người già bệnh đến gần, sao lại có người bệnh ở đó để Thái tử trông thấy?

Các quan tâu:

-Chúng thần vâng lệnh đại vương, đã cùng các quan địa phương chuẩn bị rất kỹ, luân phiên thay nhau kiểm tra, không để cho bất cứ người già, bệnh hay hiện tượng dơ, xấu, không đẹp mắt ở hai bên đường nhưng không biết người bệnh kia bỗng từ đâu xuất hiện. Đó chẳng phải là tội của chúng thần. Xin đại vương minh giám.

Vua hỏi các quan hầu nhưng họ đều không biết người bệnh đó từ đâu đến. Khi ấy nhà vua càng lúc càng lo sợ Thái tử xuất gia nên truyền cho các cung nữ bày nhiều trò vui cho Thái tử vui sàu, cố ý ràng buộc Thái tử chìm đắm trong khoái lạc năm dục.

Lúc đó có một người Bà-la-môn tên Ưu-đà-di là người rất thông tuệ, giỏi biện luận. Vua cho triệu người ấy vào cung bảo:

-Thái tử hiện nay không vui thích cuộc sống thọ hưởng năm dục ở đời. Trẫm chỉ sợ không bao lâu, Thái tử sẽ xuất gia, học đạo. Khanh hãy kết thân để khuyên Thái tử không nên xuất gia.

Ưu-đà-di tâu:

-Thái tử thông minh học rộng, biện tài không ai bằng. Thần chưa thấy ai có thể sánh ngang với Thái tử, làm thế nào thần có thể thuyết phục Thái tử được? Điều ấy chẳng khác gì dùng sợi chỉ mà lật đổ núi Tu-di. Thần cũng như thế, quyết không thể lay chuyển được ý chí của Thái tử.

Nay đại vương đã truyền lệnh cho thần kết bạn thân với Thái tử thật đúng là điều đang ao ước bấy lâu nay của thần.

Từ đó Ưu-đà-di luôn theo gần Thái tử cả khi đi đứng nằm ngồi. Còn nhà vua thì truyền tuyền những cung nữ có nhan sắc xinh đẹp, lại thông minh, giỏi ca múa, có sức mê hoặc lòng người, trang điểm thật lộng lẫy để theo hầu Thái tử.

Đến một ngày kia Thái tử lại xin vua cha ra ngoài du ngoạn, vua suy nghĩ: “Nay có ưu-đà-di làm bạn, nếu Thái tử có đi dạo chơi chắc là khác trước, không sợ Thái tử sinh tâm chán cõi đời, muốn xuất gia”. Nghĩ thế nên vua bằng lòng, và lại triệu tập các quan đến ra lệnh:

-Nay Thái tử lại muốn ra ngoài thành du ngoạn, ta không nỡ không cho. Hai lần trước, Thái tử ra cửa thành phía Đông và phía Nam đều gặp người già, người bệnh nên buồn rầu quay xe về. Nay cho đi cửa thành phía Tây thăm lại sợ gặp có điều gì không vui, nhưng có ưu-đà-di làm bạn thân, hy vọng khác trước. Các khanh hãy cho sửa sang đường sá, các khu lâm viên, đài quán thật trang nghiêm; chuẩn bị sắp xếp phan lọng, hương hoa nhiều hơn lần trước và tuyệt đối không cho những người già cả, bệnh tật đi trên đường.

Vua lại cho đoàn kỹ nữ xinh đẹp đến vườn hoa trước và lại bảo Ưu-đà-di:

-Nếu dọc đường có những gì không vui thì ngươi phải cố biện luận sao cho Thái tử không ưu sầu nữa.

Vua lại truyền dặn các quan đi theo phải luôn xem chừng, hễ thấy người già xấu xí lập tức xua đuổi đi nơi khác ngay.

Khi ấy Thái tử và ưu-đà-di cùng các quan hầu đốt hương, tung hoa, tấu nhạc ra khỏi cửa thành phía Tây. Bấy giờ vị trời Tịnh cư suy nghĩ: “Hai lần trước ta hóa thân thành người già, người bệnh ai cũng trông thấy, nên vua Bạch Tịnh giận dữ quở trách các quan. Nay ta hóa ra người chết sao cho chỉ một mình Thái tử và ưu-đà-di thấy thôi để các quan khỏi bị quở trách xử tội”. Nghĩ rồi, trời Tịnh cư liền hóa thành xác người chết có bốn người đẩy xe, trên xác có thấp hương rải hoa, có người nhà già trẻ khóc lóc tiễn đưa.

Lúc Thái tử trông thấy cảnh ấy liền hỏi Ưu-đà-di:

-Đó là vật gì mà có hương hoa rải trên, lại có người khóc lóc đưa tiễn?

Ưu-đà-di vì có lệnh vua nên im lặng không trả lời. Thái tử hỏi đến ba lần, vị trời Tịnh cư dùng thần lực làm cho ưu-đà-di tự nhiên thốt lên:

-Đó là người chết.

Thái tử lại hỏi:

-Sao gọi là chết?

Ưu-đà-di thưa:

-Chết tức là thân xác không còn, sức lực, thần thức rời khỏi thân thể, các căn ngưng hoạt động, không còn biết gì nữa. Người đó khi còn sống ở đời, tham luyến năm dục, khổ sở làm lung, chỉ biết lo chứa giữ tiền của mà không hay khi vô thường đến phải chết đi, trong phút chốc rời bỏ tất cả, lại làm cho cha mẹ bà con thân thuộc buồn khổ. Con người khi chết rồi thì giống như cây cỏ, ân tình tốt xấu không còn dính líu nữa. Quả thật chết thật là đáng buồn.

Thái tử giật mình hỏi Ưu-đà-di:

-Chỉ có người ấy chết hay tất cả mọi người đều phải chết?

Thưa:

-Tất cả sinh vật trên thế gian này đều phải như thế cả. Dầu sang giàu hay nghèo hèn đều không ai tránh khỏi.

Thái tử vốn là người trầm tĩnh nhưng nghe xong cũng cảm thấy bất an liền nói nhỏ với Ưu-đà-di:

-Thế gian lại còn có nỗi khổ là cái chết, vậy sao mọi người sống trong nỗi khổ đó vẫn cứ buông lung, lòng như gỗ đá, không biết sợ hãi.

Nói xong liền bảo đánh xe quay về, người đánh xe thưa:

-Hai lần trước đi chơi nữa chùng quay về nên khiến đức vua rất giận dữ quở trách, nay chúng tôi đâu dám quay về.

Khi ấy Ưu-đà-di nói với người đánh xe:

-Nếu người không dám quay về thì cứ đánh xe đi đến vườn hoa.

Khi Thái tử và đoàn người đến nơi, trong vườn đã được sắp xếp, chuẩn bị trang nghiêm hương, hoa, lọng, lại có tấu nhạc. Các nàng kỹ nữ xinh đẹp như thể nữ ở cõi trời đến trước Thái tử dập diu ca múa để làm rung động lòng Thái tử nhưng lòng Thái tử vẫn thản nhiên không động. Thái tử truyền lệnh cho các thị vệ đứng ngoài, một mình đi đến ngòi thẳng lưng suy nghĩ dưới bóng mát một cội cây trong vườn. Thái tử nhớ lần trước dưới bóng cây Diêm-phù, Ngài đã từng nhập định lìa xa các dục tướng đạt đến cõi Tứ thiên. Lúc ấy Ưu-đà-di đến trước Thái tử thưa:

-Vua đã truyền lệnh cho tôi làm bạn với Thái tử, không được xa rời là để khuyên giải Thái tử. Phàm làm bạn có ba điều: một là thấy bạn sai trái phải khuyên ngăn, hai là thấy bạn có điều tốt thì vui mừng theo bạn, ba là gặp nguy hiểm không bỏ nhau. Nay tôi xin tỏ lời thành thực mong Thái tử đừng quở trách. Các vị vua xưa nay đều trước hưởng thú vui năm dục, sau mới xuất gia, thế sao Thái tử lại định đoạn tuyệt thế gian. Xin Thái tử hãy như người xưa, đừng nên có ý định bỏ ngôi đi học đạo. Xin Thái tử cứ thọ hưởng năm dục, nên có con để dòng vương tộc không bị tuyệt hậu.

Thái tử đáp:

-Theo lời anh nói thì Ta có làm gì tổn hại quốc gia đâu. Ta bảo năm dục không có gì vui là vì sợ sinh tử luân hồi nên không đắm say chúng. Anh bảo các vị vua xưa kia trước hưởng qua năm dục rồi sau mới xuất gia, nhưng nay các vị vua ấy sinh ở nơi nào? Vì đắm say năm dục nên sa vào địa ngục, hoặc vào ngạ quỷ hay súc sinh, hoặc ở cõi trời người, bị chuyển xoay khổ sở. Chính vì vậy nên Ta muốn tìm phương pháp xa lìa sinh lão bệnh tử. Nay vì sao anh lại khuyên Ta thọ hưởng chúng.

Khi ấy Ưu-đà-di dù là kẻ biện tài giỏi nhưng vẫn không thuyết phục được Thái tử nên đành trở về chỗ ngồi. Thái tử bảo chuẩn bị xe ngựa trở về cung. Các cung nữ và Ưu-đà-di rất buồn, dung mạo của họ ảo não chẳng khác gì đang có tang người thân, về đến cung, Thái tử tỏ ra buồn nhiều hơn những lần trước. Vua Bạch Tịnh liền gọi Ưu-đà-di hỏi:

-Thái tử hôm nay đi du ngoạn sao lại không vui?

Ưu-đà-di thưa:

-Ra khỏi thành không xa, Thái tử và thần tử xa đã thấy một người chết không biết từ đâu đến, Thái tử hỏi đó là vật gì, thần bỗng tự nhiên đáp đó là người chết.

Vua lại hỏi quan quân tùy tùng khác:

-Các ngươi có thấy người chết ở ngoài cửa thành phía Tây không?

Tất cả người trong đoàn đều trả lời:

-Chúng tôi không thấy.

Nghe thế vua chợt hiểu ra, thâm nghĩ: “Chỉ có Thái tử và ưu-đà-di thấy vậy là do sức của chư Thiên, không phải là lỗi ở các quan, chắc là đúng như lời tiên A-tư-đà đã nói”. Nghĩ thế nên vua rất đau buồn, lại cho tăng thêm số kỹ nữ phục vụ Thái tử. Hàng ngày vua đều cho người đến an ủi Thái tử:

-Đất nước là của Thái tử, sao người cứ mãi buồn khổ không vui. Vua còn truyền lệnh cho các kỹ nữ ngày đêm tìm mọi cách làm vui lòng Thái tử.

Tuy vua biết đó là uy lực của chư Thiên, con người khó thể cưỡng lại được nhưng vì quá yêu con nên vua không thể không ngăn cản Thái tử. Vua tự nghĩ: ‘Thái tử đã đi dạo ba cửa thành, chắc thế nào rồi cũng sẽ xin ra cửa thành phía Bắc đi dạo. Ta phải truyền lệnh dọn dẹp, trang trí cảnh vườn ở phía Bắc kinh thành thật rực rỡ, trang nghiêm lộng lẫy gấp bội các lần trước, không để một hình ảnh xấu xa nào ở đây’. Nghĩ thế rồi, vua truyền sai các quan thi hành việc ấy thật hoàn bị. Vua lại khẩn trong lòng: “Nay Thái tử du ngoạn ở cửa Bắc, cầu xin chư Thiên chớ hiện ra những điều chẳng lành khiến Thái tử buồn rầu”, cầu nguyện xong, vua truyền lệnh cho người đánh xe: Nếu Thái tử ra ngoài thành du ngoạn nên làm thế nào để Thái tử thấy toàn những cảnh phen vinh, mỹ lệ rực rỡ của người dân.

Một lần nữa, Thái tử lại xin ra ngoài thành du ngoạn, vua không nỡ chối từ nên truyền Ưu-đà-di và các quan hộ tống Thái tử ra cửa thành phía Bắc. Khi đoàn người đã đến khu vườn, Thái tử xuống ngựa để thị vệ đứng ngoài, đến an tọa dưới một bóng cây, trầm tư về nỗi khổ già, bệnh, chết trong cuộc đời. Khi ấy vị Thiên tử cõi trời Tịnh cư hiện thân thành một vị Tỳ-kheo vận pháp phục, ôm bình bát, cầm tích trượng, mắt khép nhẹ nhìn xuống đất đi ngang trước Thái tử. Thái tử nhìn thấy liền hỏi:

-Ông là ai?

Vị Tỳ-kheo đáp:

-Tôi là một Tỳ-kheo.

Thái tử hỏi:

-Sao gọi là Tỳ-kheo?

Đáp:

-Tỳ-kheo là người phá được kết tặc (phiền não), không thọ thân sau nên gọi là Tỳ-kheo. Trong thế gian, tất cả đều là vô thường, hư ảo, con đường tôi đang tu tập là Thánh đạo vô lậu, không say đắm trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đạt giác ngộ hoàn toàn, đến được bờ giải thoát.

Nói xong, ngay trước Thái tử vị hóa Tỳ-kheo hiện sức thần thông bay lên không mà đi. Lúc ấy, các quan quân theo hầu đều trông thấy.

Thái tử sau khi thấy vị Tỳ-kheo ấy và nghe nói rõ về công đức của việc xuất gia, trong lòng vốn đã nhàm chán cảnh ham muốn ở đời nên cất tiếng hô lớn:

-Lành thay! Lành thay! Trong cõi trời người, chỉ có con đường đó là hơn hết. Ta nhất định tu học theo con đường ấy.

Nói xong, Thái tử truyền đánh xe quay về thành. Lúc ấy lòng Thái tử rất vui, tự nghĩ: “Trước đây, Ta thấy nỗi khổ của già, bệnh, chết, khiến ngày đêm lo sợ chúng bức bách. Nay gặp vị Tỳ-kheo làm cho tỏ ngộ, chỉ rõ con đường giải thoát”. Nghĩ thế nên Thái tử luôn tìm cách xuất gia.

Khi đoàn người hồi cung, vua Bạch Tịnh liền hỏi Ưu-đà-di:

-Thái tử hôm nay ra thành đi dạo có được vui không?

Ưu-đà-di thưa:

-Thái tử trên đường đi không gặp điều gì không lành. Khi vào trong vườn, Thái tử một mình đến ngồi dưới bóng cây thì từ xa trông thấy một người cạo bỏ râu tóc, thân khoác y cà-sa, đến trước Thái tử trò chuyện, trò chuyện xong thì bay lên hư không mà đi, không ai biết họ nói với nhau điều gì. Sau đó Thái tử truyền lệnh đánh xe trở về. Lúc ấy khuôn mặt Thái tử rất vui vẻ, khi về đến cung mới sinh buồn rầu.

Vua Bạch Tịnh nghe những lời Ưu-đà-di tâm lòng sinh nghi ngờ, không biết đó là điềm gì nên càng lo buồn, thầm nghĩ: “Thái tử chắc sẽ bỏ nhà đi học đạo, vả lại Thái tử cưới vợ đã lâu mà không có con. Nay ta phải bảo Da-du-đà-la phải làm thế nào; nếu không sẽ không người nối ngôi, lại phải đề phòng, kéo Thái tử đi lúc nào không biết”. Nghĩ thế rồi vua liền đem những ý nghĩ đó bảo với Da-du-đà-la. Da-du-đà-la nghe vua nói then thùng im lặng và từ đó đi, đứng, nằm, ngồi không rời Thái tử, còn nhà vua thì truyền tuyển những cung nữ thật xinh đẹp đến để làm vui lòng Thái tử.

Năm Thái tử được mười chín tuổi, Ngài suy nghĩ: “Nay đúng là lúc Ta nên xuất gia tu tập”. Nghĩ rồi liền đến chỗ vua cha với thần thái ung dung, nghiêm trang như trời Đế Thích đến gặp trời Phạm Thiên. Những quan hầu cận trông thấy Thái tử đến vội vào trình tâu với vua. Vua nghe tâu trong lòng nửa mừng nửa lo. Thái tử đến gần cúi đầu lễ vua cha, nhà vua liền đỡ Thái tử lên và bảo Thái tử ngồi. Sau khi ngồi xuống, Thái tử thưa vua cha:

-Ấn ái có hội hợp phải có chia ly. Cúi xin phụ vương cho con đi xuất gia học đạo. Tất cả mọi người khi yêu thương mà phải xa nhau sẽ rất đau khổ. Nay con muốn làm cho mọi người đều được giải thoát, xin phụ vương chấp thuận, đừng cản trở con.

Vua Bạch Tịnh nghe xong lời Thái tử tâu, lòng rất đau khổ, khác nào núi Kim cang xô ngã những núi khác, toàn thân run rẩy, không thể ngồi vững được. Vua cầm tay Thái tử ứa lệ không nói nên lời. Một lúc lâu sau, vua mới cất giọng nghẹn ngào nói:

-Con nên bỏ ý định xuất gia đi, vì sao? Vì tuổi con còn trẻ, nước nhà lại chưa có người nối dõi, giờ chỉ còn một mình cha, con nữ nào lại bỏ ra đi.

Thái tử thấy vua cha buồn bã khóc lóc, không ưng thuận nên quay về cung, suy nghĩ đến việc xuất gia mà buồn rầu không vui.

Bấy giờ các thầy tướng giỏi ở thành Ca-tỳ-la đều đoán trong vòng bảy ngày nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, bảy món báu sẽ tự nhiên hiện nên liền đến tâu vua:

-Dòng họ Thích-ca nay sắp hưng thịnh.

Vua nghe thế rất vui, lập tức truyền lệnh cho các quan và các vị trong Thích tộc đến bảo:

-Các khanh có nghe lời tiên đoán của các tướng sư không? Vậy nay mọi người đều phải ngày đêm theo hầu, canh giữ Thái tử. Ở bốn cửa thành, mỗi cửa phải bố trí một ngàn người canh giữ, khắp chu vi bên ngoài thành, cứ một do-tuần phải đặt một đội quân canh phòng.

Nhà vua còn truyền cho Da-du-đà-la và các quan trong nội cung phải nên gia tăng canh phòng hơn nữa, suốt trong bảy ngày không để Thái tử xuất gia. Vua lại đến cung của Thái tử. Thái tử thấy vua cha đến liền ra nghinh tiếp, vẫn an sức khỏe. Vua nói với Thái tử:

-Xưa kia tiên A-tu-đà và nay các tướng sư cũng nói là con nhất định không ưa thích sống trong cảnh trần tục, nhưng việc nối dõi tông đường rất quan trọng, vương tộc phải có người kế vị. Vậy cha xin con hãy sinh cho cha đứa cháu rồi hãy xuất gia. Con không nên trái ý cha.

Thái tử nghe lời phụ vương nói xong, trong lòng suy nghĩ: “Sở dĩ vua cha không cho Ta xuất gia chính là vì chưa có người nối ngôi”. Thái tử liền thưa với vua cha:

-Quý hóa thay lời dạy của phụ vương!

Thái tử liền dùng tay trái chỉ vào bụng Da-du-đà-la. Vài ngày sau, Da-du-đà-la thấy trong người khác lạ, biết là đã thọ thai. Vua nghe Thái tử khen lệnh của mình nên rất vui mừng nghĩ rằng trong bảy ngày nữa nhất định chưa thể có cháu ngay được. Nếu quá kỳ hạn bảy ngày tự nhiên Thái tử sẽ lên ngôi Chuyển luân vương, hẳn là không còn ý định xuất gia nữa.

Lúc ấy Thái tử suy nghĩ: “Nay Ta đã mười chín tuổi. Hôm nay là mừng bảy tháng hai chính là lúc Ta phải tìm đường xuất gia, và lại sở nguyện của vua đã được đáp ứng”. Nghĩ thế xong Thái tử từ thân phóng hào quang chiếu sáng cung điện của Tứ Thiên vương và đến tận cung trời Tịnh cư, nhưng không để nhân gian trông thấy. Bấy giờ chư Thiên thấy ánh sáng ấy biết Thái tử đã đến lúc xuất gia liền xuống chỗ Thái tử, cung kính lễ và chấp tay thưa:

-Từ vô lượng kiếp Ngài đã phát nguyện tu hành, nay đã đến lúc xuất gia.

Thái tử đáp:

-Đúng như lời các ông vừa nói, nay đã đến lúc Ta xuất gia nhưng phụ vương đã ra lệnh bố trí từ trong cung đến ngoài thành đều có quan quân canh gác cẩn thận, muốn đi rất khó.

Chư Thiên thưa:

-Chúng tôi sẽ có cách để Thái tử ra khỏi thành mà không ai hay

Chư Thiên liền dùng thần lực khiến quan quân ngủ say. Bấy giờ Da-du-đà-la trong giấc ngủ mộng thấy ba điềm: một là thấy mặt trăng rơi xuống đất, hai là thấy rừng rụng, ba là thấy mất cánh tay phải. Da-du-đà-la giật mình tỉnh giấc vô cùng lo sợ báo với Thái tử:

-Thiếp vừa thấy ba giấc mộng dữ.

Thái tử hỏi:

-Nàng mộng thấy những gì?

Da-du-đà-la kể lại các giấc mộng ấy. Thái tử nói:

-Trăng vẫn ở trên trời, rừng nàng vẫn còn đó, tay nàng nào có mất. Nàng cần biết mộng寐 đều là giả, không nên lo sợ.

Da-du-đà-la vội thưa:

-Theo diêm mộng ấy, thiếp chỉ lo sợ Thái tử sẽ xuất gia.

Thái tử liền trấn an:

-Nàng hãy ngủ yên, đừng lo nghĩ về việc ấy, sẽ không có gì xấu đến với nàng đâu.

Da-du-đà-la nghe thế bèn yên tâm ngủ lại. Lúc ấy Thái tử từ chỗ ngồi đứng dậy, nhìn ngắm các thị nữ và Da-du-đà-la ngủ say bất động như các hình nhân bằng gỗ, ví như thân cây chuối rỗng xốp không chắc thật. Có người nằm ôm choàng các dụng cụ ngủ say, chân tay buông thõng xuống đất; lại có người say ngủ các nước dịch trong mắt, mũi, miệng ứa tràn ra. Rồi Thái tử nội quán thấy rõ các hình hài xinh đẹp kia nào là tóc, móng tay chân, não tủy, xương răng, hộp sọ, da, mỡ, thịt, máu, mủ, tim, gan, phổi, ruột già, ruột non, thận, mật... và các loại vật ô uế như phân, nước tiểu, đờm dãi... Bao bọc tất cả những thứ ô uế đó là một lớp da, chẳng có gì là xinh đẹp. Thế mà họ lại dùng hương, hoa, đồ trang sức để xoa ướp và trang điểm cho nó. Thân này ví như đồ vay mượn rồi phải mất, không thể tồn tại lâu được. Con người sống trăm năm thì đã ngủ mất một nửa thời gian, còn lại là những lúc đau khổ sâu não, có mấy khi được vui. Người đời luôn nhìn thấy việc ấy nhưng tại sao không tỉnh ngộ, lại mê đắm dâm dục, nay cần phải xuất gia tu tập theo con đường của chư Phật xưa kia để mau rời khỏi tai họa như hỏa hoạn này.

Thái tử suy nghĩ như thế đến nửa đêm, vị Thiên vương ở cõi trời Tịnh cư và chư Thiên ở các cõi trời Dục giới hiện ra đầy khắp không trung, đồng thanh thưa với Thái tử:

-Nay các quan quân và quyền thuộc trong ngoài đều đã ngủ say, chính là lúc Ngài nên xuất gia.

Thái tử liền đến chỗ Xa-nặc. Do thần lực của chư Thiên nên Thái tử vừa gọi là Xa-nặc liền tỉnh giấc. Thái tử bảo:

-Ngươi hãy thắng con ngựa Kiên-trắc và dắt đến đây cho Ta.

Xa-nặc lúc ấy toàn thân run sợ, trong lòng do dự vì không muốn trái lời Thái tử, nhưng cũng lại sợ nghiêm lệnh của đức vua nên ngẫm nghĩ hồi lâu rồi khóc thưa:

-Lệnh của nhà vua rất nghiêm, vả lại giờ này không phải giờ đi du ngoạn, cũng không phải lúc ngăn chặn địch quân, vậy trong đêm thanh vắng này, Thái tử muốn thân thắng ngựa để đi đâu?

Thái tử nói:

-Ta nay muốn diệt trừ mọi kết sử phiền não cho tất cả chúng sinh. Vậy ngươi không nên trái ý Ta.

Xa-nặc liền khóc lớn có ý làm cho Da-du-đà-la cùng với quan quân quyền thuộc tỉnh giấc nhưng do thần lực của chư Thiên nên mọi người vẫn ngủ say không ai hay biết gì. Xa-nặc đành dắt ngựa đến. Thái tử bước đến bảo Xa-nặc và ngựa Kiên-trắc.

-Tất cả mọi sự yêu thương, hễ có sum họp phải có chia ly. Đó là lẽ thường tình của thế gian, nếu không thế thì việc xuất gia khó mà thành được.

Xa-nặc nghe những lời ấy lặng thinh không nói, Kiên-trắc cũng không cất tiếng hí.

Bấy giờ thấy trời gần sáng, Thái tử liền từ thân phóng hào quang chiếu sáng khắp mười phương, cất tiếng oai hùng như Sư tử nói:

-Chư Phật trong quá khứ đã xuất gia như thế nào, Ta nay cũng như vậy.

Chư Thiên liền nâng bốn vó ngựa và cả Xa-nặc, còn trời Đế Thích cầm lọng đi theo, chư Thiên làm cho cửa thành phía Bắc tự nhiên mở ra mà không gây tiếng động. Thái tử ra khỏi thành, chư Thiên tháp tùng theo sau ca ngợi. Và lúc ấy Thái tử cất tiếng hùng như sư tử phát lời thệ nguyện:

-Nếu Ta không dứt trừ được sinh, lão, bệnh, tử và khổ đau sâu sảo cho cả thế gian, trọn đời Ta sẽ không trở về cung. Nếu không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyên pháp luân độ chúng sinh thì Ta không trở về gặp phụ vương. Nếu không dứt được tình ân ái thì không bao giờ Ta gặp lại di Ma-ha Ba-xà-ba-đề và Da-du-đà-la.

Lời nguyện của Thái tử vừa phát ra, chư Thiên trên hư không đồng thanh ca ngợi:

-Quý hóa thay! Lời nguyện ấy nhất định sẽ thành tựu.

Trời vừa sáng tỏ, Thái tử đã đi được ba do-tuần. Chư Thiên tháp tùng theo Thái tử đi đến đó thấy công việc đã xong nên liền biến mất.

Sau đó, Thái tử lần bước đi tới khu rừng có Tiên nhân Bạt-già đang tu khổ hạnh. Thấy khu rừng thanh vắng Thái tử rất vui mừng, thân tâm khoan khoái nhẹ nhàng liền xuống ngựa, vỗ lên lưng ngựa Kiên-trắc an ủi:

-Việc gian khó nhất người đã vượt qua.

Thái tử lại nói với Xa-nặc:

-Ngựa Kiên-trắc đi nhanh như Kim sí điều, vua của loài chim, người vẫn luôn theo Ta không rời. Ta từng suy ngẫm ở đời có người lòng lạnh mà bề ngoài trông như ác, có người bề ngoài xem hiền lành nhưng tâm lại không thế, còn người thì tâm và thân không trái nhau. Trong thế gian có người vì ham giàu sang mà suốt đời bám víu; nay Ta bỏ vương quốc đến khu rừng này chỉ có một mình người đi theo, quả thật là hiếm có. Nay Ta đã đến nơi vắng vẻ yên tịnh rồi, người nên dắt ngựa Kiên-trắc trở về cung.

Xa-nặc nghe Thái tử nói thế buồn bã khóc than đến nỗi quy ngã xuống đất, còn ngựa Kiên-trắc thì quỳ hai chân trước, cúi đầu liếm chân Thái tử, đôi dòng lệ tuôn tràn. Xa-nặc thưa:

-Nay thần làm sao nghe theo lời Thái tử được, bởi vì thần đã trái lệnh của đức vua, dắt ngựa đưa Thái tử đến đây. Vua và phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề mất Thái tử chắc chắn sẽ rất đau khổ, trong cung cũng sẽ náo động vì việc Thái tử ra đi. Hơn nữa, ở đây rừng sâu hiểm trở, thú dữ, trùng độc cùng bao nhiêu nguy hiểm khác nay thần nữ nào rời xa Thái tử, một mình trở về cung.

Thái tử đáp:

-Khi sinh ra, Ta cũng một mình và khi chết tất cũng một mình, đâu có bạn bè, và lại trong đời có bốn điều khổ lớn là sinh, lão, bệnh, tử, lẽ nào Ta làm bạn với chúng. Nay Ta vì muốn trừ dứt hẳn những nỗi khổ ấy nên mới đến đây. Sau khi đã đoạn tận khổ đau, Ta sẽ là bạn với tất cả chúng sinh, còn nay Ta chưa xa lìa khổ được thì làm sao có thể làm bạn với người. Xa-nặc lại thưa:

-Từ khi sinh đến nay, Thái tử luôn ở nơi cung cấm, thân thể tay chân đều mềm yếu, ngủ nghỉ có giường nệm êm ái, không hề có chút gì khó chịu, bỗng chốc đến ở nơi núi non, nằm nghỉ trên gai góc sỏi đá, lại ngồi dưới bóng cây, sao mà chịu được?

Thái tử bảo Xa-nặc:

-Đúng như người nói, Ta ở trong cung không bao giờ phải nằm trên gai góc, nhưng nỗi khổ sinh già bệnh chết có tránh được không?

Xa-nặc nghe Thái tử nói thế chỉ biết đứng lặng câm, đôi dòng lệ ràn rụa, lòng đau đớn vô cùng.

Bấy giờ Thái tử đến bên Xa-nặc lấy thanh gươm báu rồi cắt tiếng oai vệ như tiếng Sư tử nói:

-Chư Phật trong quá khứ khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã xả bỏ trang sức, cạo râu tóc, nay Ta cũng phải làm đúng theo pháp của chư Phật.

Nói rồi Thái tử lấy mũ và hạt ngọc trên búi tóc trao cho Xa-nặc bảo:

-Người hãy đem mũ và viên ngọc này về cho phụ vương Ta và quỳ dưới chân người râu rắng: Ta nay không phải vì muốn sinh lên cõi trời để hưởng lạc thú; cũng không phải là người con bất hiếu, không phải vì giận hờn mà ra đi, Ta ra đi chỉ vì nhàm chán và muốn dứt nỗi khổ sinh già bệnh chết. Người nên vui mừng với niềm vui của Ta, xem như gặp điều lành, chớ có buồn rầu. Nếu cha Ta có ý bảo Ta xuất gia chưa đúng lúc, người hãy thừa lại lời nói của Ta với vua cha là bệnh già chết đâu có hẹn ngày, dù tuổi trẻ thanh tráng cũng không thể thoát được. Nếu vua trách Ta chưa có con và chưa trình tâu mà đã rời bỏ cung điện xuất gia thì người tâu cho vương phụ rõ Da-du-đà-la đã mang thai, vua hỏi nàng sẽ rõ. Trước đây phụ vương đã ra lệnh như thế chứ Ta không tự ý. Xưa kia các vị Chuyển luân thánh vương rời bỏ cung vào rừng tu hành, không có ai nửa chừng trở lại thọ hưởng năm dục, nay Ta xuất gia cũng như vậy. Nếu chưa đạt được đạo Bồ-đề, Ta sẽ không về cung. Đối với tất cả những thân thuộc nội ngoại có tình yêu thương với Ta, người hãy an ủi giúp Ta để họ khỏi buồn rầu thương nhớ.

Thái tử lại cởi râu chuỗi anh lạc trên người trao cho Xa-nặc và dặn:

-Người hãy đem chuỗi này về dâng lại cho di Ma-ha Ba-xà-ba-đề và thưa rằng Ta vì muốn giải thoát bao nỗi khổ ở đời nên xuất gia để hoàn thành chí nguyện ấy. Vậy chớ vì Ta mà buồn khổ.

Thái tử lại tháo bỏ tất cả trang sức còn lại trên thân đưa cho Xa-nặc bảo đem về trao cho Da-du-đà-la và cũng an ủi: “ở đời hề yêu thương mà xa nhau là khổ, nay Ta vì muốn dứt khổ nên mới xuất gia học đạo, chớ vì Ta mà đau buồn”. Đối với những người thân thuộc cũng vậy.”

Xa-nặc nghe xong trong lòng càng đau buồn, nhưng không thể trái lời của Thái tử nên quỳ xuống nhận mũ, chuỗi ngọc anh lạc và những đồ trang sức khác rồi úa lệ thưa:

-Thần nghe chí nguyện của Thái tử mà toàn thân rung động, ngay những kẻ lòng như gỗ đá nghe những lời ấy cũng còn thương cảm; huống chi thần đã bao năm hầu hạ Thái tử, nay nghe những lời ấy tránh sao khỏi đau đớn trong lòng. Xin Thái tử hãy từ bỏ chí nguyện ấy để đức vua, phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la cùng với bao vị quyền thuộc khác khỏi phải sầu đau khổ sở. Nếu Thái tử nhất định không đổi ý thì chớ bỏ thần. Thần nay nguyện xin nương theo gót Thái tử trọn đời không rời bởi nếu về cung chắc chắn đức vua sẽ quở trách thần sao lại để Thái tử ở một mình nơi rừng vắng mà về thì thần tâu làm sao với đức vua?

Thái tử đáp:

-Người không nên nói thế. Ở đời luôn có sự chia lìa, đâu phải lúc nào cũng sum họp. Ta vừa sinh ra bảy ngày thì mẹ ta đã qua đời, mẹ con còn chia lìa hưởng chi là người khác. Người chớ riêng vì Ta mà quyến luyến, nên cùng Kiên-trắc trở lại hoàng cung.

Thái tử ra lệnh đến lần thứ hai mà Xa-nặc vẫn không chịu ra về.

Lúc ấy Thái tử liền dùng kiếm tự cạo bỏ râu tóc và phát lời thệ nguyện:

-Nay Ta dứt bỏ râu tóc nguyện đoạn trừ tất cả phiền não và bao tập khí chướng ngại.

Trời Đế Thích liền nhận lấy tóc đem đi, chư Thiên trong hư không đốt hương, tung hoa xuống và đồng lên tiếng khen ngợi:

-Lành thay! Thật là tốt lành! Thái tử đã cạo bỏ râu tóc.

Lúc bấy giờ nhìn lại trên thân mình vẫn vận y phục bằng bảy báu, Thái tử suy nghĩ: “Chư Phật trong quá khứ khi xuất gia không thể mặc như thế này”. Bấy giờ vị trời Tịnh cư biết ý nghĩ ấy nên hóa thân thành một người thợ săn mình mặc cà-sa đi đến trước Thái tử. Thái tử trông thấy vô cùng vui mừng nói với người thợ săn:

-Chiếc áo ông đang mặc là y thanh tịnh của chư Phật trong quá khứ đã vận. Sao ông lại mặc áo này mà làm việc tội ác?

Người thợ săn đáp:

-Tôi mặc cà-sa để dụ bầy nai, chúng thấy cà-sa đều đến gần bên tôi, tôi mới bắn chúng được”.

Thái tử bảo:

-Theo lời ông nói thì ông mặc cà-sa chỉ vì muốn giết hại bầy nai chứ không phải vì cầu giải thoát. Nay Ta đổi cho ông chiếc áo bằng bảy báu này, Ta mặc cà-sa chỉ vì muốn dứt trừ phiền não và cứu độ tất cả chúng sinh.

Người thợ săn liền nói:

-Hay lắm! Xin vâng theo lời của Ngài.

Hai người bèn đổi áo cho nhau. Thái tử vận cà-sa vào giống như chư Phật trong quá khứ. Vị Thiên tử cõi trời Tịnh cư cũng hiện trở lại thân trời, bay lên không trung trở về Thiên cung. Trong không trung lúc bấy giờ hiện ra một vầng sáng lạ, Xa-nặc thấy thế ngạc nhiên khen là chuyện chưa từng có vì điềm lành ấy chẳng phải là việc bình thường.

Xa-nặc thấy Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, vận pháp phục thì biết rõ Thái tử nhất định không bao giờ đổi ý nên trong lòng càng đau khổ, buồn rầu đến nỗi lại quy ngã xuống đất. Thái tử khuyên:

-Người nên bớt sầu khổ bi lụy, trở về thành báo cho mọi người biết ý của Ta.

Nói xong Thái tử thông thả cất bước về phía trước. Xa-nặc sụt sùi rơi lệ, cúi đầu lạy theo Thái tử cho đến khi không còn trông thấy người nữa mới đứng lên run rẩy quay nhìn Kiên-trắc và những đồ trang sức mà Thái tử để lại, lòng càng buồn nhớ, nước mắt tuôn trào, tay dắt ngựa, tay cầm những đồ trang sức ấy rồi cả người ngựa đều buồn bã theo đường cũ trở về kinh thành.

Cùng lúc ấy Thái tử đã tới nơi tu hành của Tiên nhân Bạt-già. Các loài chim, thú trong rừng nhìn thấy Thái tử đều sợ hãi không chớp mắt, đứng yên không bay chạy. Tiên nhân Bạt-già

trông thấy Thái tử từ xa liền suy nghĩ: “Vị thần nào kia? Phải chăng là Trời Nhật nguyệt, hay vua trời Đế Thích?”. Tiên nhân cùng với thân hữu vội ra nghênh đón Thái tử rất tôn kính, thưa:

-Kính chào Nhân giả.

Thái tử thấy các vị đạo sĩ tính tình hòa nhã, dáng vẻ khiêm tốn liền đi đến chỗ họ. Các vị đạo sĩ không ai không phục sắc tướng uy nghiêm của Thái tử nên cùng đến mời Ngài ngồi. Sau khi ngồi xong, Thái tử quan sát cách tu của các đạo sĩ thì thấy có người dùng cỏ làm áo mặc; có người dùng vỏ cây hoặc lá cây làm quần áo. Người thì chỉ ăn rau trái. Có người ăn một ngày một bữa, người thì hai, ba ngày một bữa. Họ sống khổ hạnh như thế để thờ thần nước, thần lửa hoặc thờ mặt trời mặt trăng. Có người đứng co một chân; có người nằm mãi trên đất; hoặc nằm trên gai góc, bên nước lửa. Thái tử thấy lối tu khổ hạnh như thế liền hỏi Tiên nhân Bạt-già:

-Các vị tu khổ hạnh như thế thật là lạ lùng nhưng để cầu được gì?

Tiên nhân đáp:

-Chúng tôi tu các pháp khổ hạnh ấy vì muốn được sinh lên cõi trời.

Thái tử lại hỏi:

-Chư Thiên tuy vui nhưng khi hết phước vẫn luân hồi trong sáu nẻo, cuối cùng vẫn chịu khổ. Sao các vị tu cái nhân khổ để hưởng cái quả khổ như thế?

Thái tử trong lòng buồn bã, thầm nghĩ: “Người đi buôn vì muốn có của báu nên đi vào biển cả nguy hiểm. Nhà vua vì muốn mở rộng đất nước mà cử binh giao chiến, nay các đạo sĩ này vì muốn lên cõi trời mà tu khổ hạnh”. Nghĩ như thế rồi Thái tử đứng lặng yên không nói. Đạo sĩ Bạt-già thấy Thái tử yên lặng nên hỏi:

-Thưa Nhân giả, ý Ngài như thế nào? Sao lại yên lặng không nói gì? Có phải cách tu của chúng tôi không đúng chăng?

Thái tử đáp:

-Các vị chọn con đường tu thật đau khổ để cầu phước báo nhưng cuối cùng vẫn không thoát được khổ.

Thái tử cùng các vị đạo sĩ thảo luận cho đến chiều tối, đêm ấy Thái tử ngủ lại nơi đó. Trời vừa sáng, Thái tử nghĩ: “Những vị Tiên nhân này chọn con đường tu khổ hạnh nhưng chẳng phải là con đường giải thoát chân chánh, vậy Ta không nên ở đây”. Thái tử liền từ biệt các vị Tiên nhân ấy. Các Tiên nhân hỏi:

-Nhân giả đến đây, chúng tôi đều vui mừng, khiến uy thế chúng tôi tăng thêm. Nay sao đột nhiên Ngài lại muốn đi nơi khác làm cho chúng tôi bị giảm bớt uy thế, hay là trong chúng tôi có ai xúc phạm đến Ngài? Hay vì việc gì khác nên Ngài không ở lại?

Thái tử đáp:

-Không phải các vị thất lễ trong giao tiếp chủ khách, mà vì cách tu tập của các vị chỉ làm tăng trưởng thêm sự khổ đau. Nay tôi học đạo là vì muốn diệt trừ tận gốc khổ đau, do đó muốn đi nơi khác.

Các đạo sĩ nói với nhau:

-Con đường tu tập của vị ấy thật là rộng lớn, chúng ta làm thế nào mà giữ người ở lại được?

Lúc ấy trong số các đạo sĩ có một người coi tướng giỏi nói với các đạo sĩ kia:

-Vị nhân giả này có đủ các tướng tốt, chắc chắn sẽ đạt được Nhất thiết chủng trí, sẽ là Bậc Đạo Sư của cả trời người.

Các vị đạo sĩ nghe thế liền cùng đến trước Thái tử thưa:

-Vì con đường tu hành có khác nhau nên không dám lưu Ngài ở lại. Nếu Ngài muốn đi, nên đi về phương Bắc, nơi ấy có hai vị Đại tiên tên là A-la-la và Ca-lan. Nhân giả hãy đến đó thảo luận với các vị Đại tiên ấy, nhưng chúng tôi nghĩ là Nhân giả cũng không nên ở lại nơi ấy lâu.

Thái tử nghe nói thế liền từ tạ đi về hướng Bắc. Các đạo sĩ nhìn Thái tử ra đi trong lòng rất buồn nên cùng nhau chấp tay đi theo tiễn đưa Ngài, nhìn theo cho đến khi Ngài đi khuất mới quay trở lại.

Từ lúc Thái tử rời hoàng cung cho đến trời chiều, Da-du-đà-la và các cung nữ mới thức dậy. Không trông thấy Thái tử, tất cả đều hoảng hốt than khóc, vội vàng đến báo với phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề:

-Sáng nay bỗng không tìm thấy Thái tử đâu cả.

Di mẫu nghe thế hoảng hốt, mê loạn ngã quỵ xuống đất, ngất đi tỉnh lại mấy lần. Khi tỉnh lại, bà vội đến chỗ vua báo tin. Vua nghe xong ngồi lặng đi không nói được một lời, toàn thân rã rời như kẻ mất hồn. Cả trong lẫn ngoài cung, ai nghe cũng rụng rời. Lúc ấy các quan đại thần vội đến cung của Thái tử và tuần hành khắp kinh thành tìm kiếm, đến cổng thành phía Bắc thấy cửa thành tự nhiên mở toang, lại cũng không trông thấy Xa-nặc và ngựa Kiên-trắc liền hỏi các quan phụ trách rằng ai đã mở cửa, nhưng mọi người đều nói là không biết, hỏi ngay người giữ cửa cũng không biết vì sao cửa tự nhiên mở. Các vị đại thần nghĩ cửa thành phía Bắc mở chắc chắn Thái tử đi ra cửa ấy, vậy phải mau đi tìm, liền sai một ngàn cỗ xe, một vạn kỵ binh bủa ra bốn hướng tìm kiếm, nhưng vì thần lực của chư Thiên nên không ai tìm ra được đường Thái tử đã đi. Họ trở về tâu vua đã tìm Thái tử khắp nơi nhưng không gặp.

Lúc ấy Xa-nặc đi bộ dắt ngựa Kiên-trắc, mang những đồ trang sức quý báu của Thái tử vừa đi vừa khóc hướng về cửa thành. Dân chúng các làng bên đường thấy thế rất kinh ngạc, ai cũng buồn bã cùng nhau chạy đến hỏi Xa-nặc:

-Ông đưa Thái tử đi đâu mà sao nay chỉ có một mình ông và ngựa Kiên-trắc trở về như thế?

Xa-nặc nghe mọi người hỏi càng thêm đau buồn không thể nói được thành lời. Dân chúng thấy ngựa Kiên-trắc được mang đai thắt yên bằng bảy báu rất trang nghiêm mà không thấy Thái tử chẳng khác hoa đẹp trang điểm trên xác chết. Xa-nặc vừa đi vào thành, ngựa Kiên-trắc bỗng cất tiếng hí buồn bã khiến bầy ngựa trong chuồng cũng lên tiếng hí vang. Các quan bên ngoài vội vào cung thưa với phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la chỉ có Xa-nặc cùng ngựa Kiên-trắc trở về. Hai người nghe thế vô cùng đau khổ nghĩ: “Tại sao nghe báo Xa-nặc và ngựa Kiên-trắc trở về mà không nghe nói đến Thái tử”. Phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề than thở:

-Ta nuôi Thái tử từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành vậy mà trong thoáng chốc Thái tử đã bỏ ta không biết đi về phương nào, khác chi trái cây chín rời cành, lại khác chi người đói gắp bữa cơm thịnh soạn đang muốn ăn bỗng bị đổ đi tất cả.

Da-du-đà-la cũng cất lời thông thiết:

-Thiếp cùng Thái tử đi đứng nằm ngồi không rời một bước, nay người bỗng bỏ thiếp không biết đi về đâu. Các vua ngày xưa, khi bỏ ngôi vào núi học đạo đều dẫn theo con không nữ chia lia. Người ở đời, một lần gặp biết nhau, khi chia tay còn không quên nhau, nay tình ân ái vợ chồng vốn sâu nặng mà sao người lại bạc bẽo như thế.

Công chúa quay lại mắng Xa-nặc:

-Thà làm kẻ thù của người có trí còn hơn là thân thuộc với người ngu, người là kẻ ngu si ám độn, lên đưa Thái tử đến nơi nào để cho họ Thích không còn thịnh vượng được nữa.

Lại trách ngựa Kiên-trắc:

-Người chở Thái tử rời cung, lúc gần đi sao không lên tiếng, giờ một mình quay về lại hí lên buồn bã.

Xa-nặc liền thưa:

-Xin phu nhân chớ trách thần và ngựa Kiên-trắc. Đó là do thần lực của chư Thiên chứ không phải người làm được. Đêm ấy khi phu nhân cùng thể nữ đều ngủ say, Thái tử ra lệnh cho thần thắng ngựa. Lúc ấy thần đã lớn tiếng khuyên can Thái tử, có ý muốn cho phu nhân và các thể nữ giật mình tỉnh giấc. Đến khi thần thắng ngựa Kiên-trắc cũng không ai hay. Trước đây cổng thành mỗi lần mở, tiếng vang đến bốn mươi dặm, nhưng lúc ấy cửa tự mở toang không có một tiếng động, những việc như thế chẳng phải là do thần lực của chư Thiên sao? Đến khi ra khỏi thành, chư Thiên đã nâng vó ngựa và cả thần bay lên không trung, lại có vô số chư Thiên đi theo, vậy thần làm sao ngăn cản được? Trời vừa rạng sáng thì Thái tử đi được ba do-tuần, đến chỗ của đạo sĩ Bạt-già lại có những chuyện kỳ lạ xảy ra. Xin phu nhân lắng nghe lời thần kể. Khi Thái tử đến khu rừng của Tiên nhân Bạt-già đang tu khổ hạnh, người liền xuống ngựa vỗ vào lưng ngựa Kiên-trắc và ra lệnh cho thần trở về cung. Lúc ấy thần cứ đi theo Thái tử, không chịu trở về. Thái tử nhất định không cho thần ở lại, lấy gương báu rồi tuyên bố rằng chư Phật quá khứ vì muốn đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bỏ những trang sức quý báu, cắt bỏ râu tóc, nay Ngài cũng theo như chư Phật trong quá khứ. Nói xong Ngài liền cởi mũ và lấy hạt minh châu đưa cho thần bảo đem về dâng vua, lại đưa chuỗi anh lạc bảo đem về dâng cho di mẫu, còn các trang sức khác thì bảo trao lại cho phu nhân. Lúc đó dù nghe Ngài hối thúc nhưng lòng thần không muốn trở về. Thái tử liền dùng gương tự cắt bỏ râu tóc và được chư Thiên đến tiếp lấy tóc đem đi. Thái tử đi tới trước một đoạn thì gặp một người thợ săn, liền lấy áo thất bảo của mình đổi lấy y cà-sa mà người thợ săn đang mặc. Lúc ấy trên hư không có luồng ánh sáng rất lớn. Thần thấy Thái tử đã thay đổi y phục, biết rõ Thái tử nhất quyết không về nữa, lòng thần vô cùng đau đớn. Thái tử đi đến chỗ Tiên nhân Bạt-già đang tu, thần đành từ biệt trở về. Những sự lạ lùng ấy đều do sức thần của chư Thiên làm ra chứ con người làm sao mà làm được, vậy xin phu nhân khiển trách thần và Kiên-trắc.

Khi đó phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và Da-du-đà-la nghe Xa-nặc kể những việc lạ lùng ấy xong, trong lòng đã đôi phần tỉnh ngộ nên im lặng không nói. Khi nhà vua vội bốt đau đớn buồn bã, liền kêu Xa-nặc hỏi:

-Tại sao người làm khổ dòng họ Thích như thế. Ta đã nghiêm lệnh cho mọi người trong ngoài giữ gìn Thái tử chỉ e sợ Thái tử xuất gia. Sao người lại lên thắng ngựa Kiên-trắc và ra đi cùng Thái tử?

Xa-nặc nghe lời vua quả trách run sợ vội thưa:

-Thái tử rời khỏi hoàng thành đi không phải lỗi tại thần, xin đại vương hãy nghe thần kể đầu đuôi.

Nói xong Xa-nặc liền lấy mũ báu, hạt minh châu đặt dưới chân vua rồi thưa:

-Thái tử bảo thần đem mũ và hạt minh châu này về dâng lên bệ hạ, xâu chuỗi anh lạc thì dâng cho di mẫu, còn các đồ trang sức khác thì trao cho chánh phi Da-du-đà-la.

Vua thấy những thứ ấy lòng càng buồn nhớ Thái tử không nguôi, đến gối đá còn phải động lòng huống chi tình cảm cha con sâu nặng. Xa-nặc thuật lại toàn bộ sự việc đã xảy ra cho vua nghe và tâu:

-Thái tử truyền lệnh cho thần là nếu đại vương cho là cần có con nối dõi rồi mới xuất gia, nay chưa có con sao đã xuất gia thì thưa với bệ hạ rằng vào lúc ra đi Thái tử chưa tâu cho bệ hạ rõ là chánh phi Da-du-đà-la đã có thai rồi, bệ hạ nên hỏi nàng. Trước kia bệ hạ đã hứa như thế, nay Ngài đã thực hiện đúng như vậy chứ không phải Ngài tự tiện ra đi.

Vua nghe thế liền cho mời Da-du-đà-la đến hỏi:

-Thái tử bảo con đã có thai, phải đúng như vậy không?

Da-du-đà-la liền thưa vua:

-Vào hôm đại vương đến cung, Thái tử lấy tay chỉ vào con, con lập tức cảm thấy trong người khác lạ nên biết mình đã thụ thai.

Vua nghe thế lấy làm lạ, lòng ưu sầu có giảm bớt, trầm nghĩ: “Lúc ấy ta hứa như thế là nghĩ chỉ trong bảy ngày làm sao có con được và như vậy ngôi Chuyển luân vương tự nhiên sẽ đến, không ngờ chưa hết bảy ngày mà Da-du-đà-la đã có mang thật là do lỗi ta thiếu trí, vì muốn tìm cách lưu Thái tử nên hứa như thế, giờ càng hối hận. Thái tử mưu trí vượt ngoài sự dự liệu của người khác. Việc này còn có thần lực của chư Thiên, nay ta không nên trách Xa-nặc”.

Vua nghĩ Thái tử quyết không về thì dù có làm cách gì cũng không đưa Thái tử về được. Tuy Thái tử xuất gia học đạo nhưng nay đã có người nối dõi không sợ vương tộc tuyệt hậu. Hiện nay cần phải bảo Da-du-đà-la nên giữ gìn cẩn thận đứa con trong bụng.

Vua Bạch Tịnh vì quá nặng tình cha con nên nói với Xa-nặc:

-Nay ta nhất định cho đi tìm Thái tử nhưng không biết Thái tử đang ở đâu. Thái tử bỏ ta đi học đạo, ta làm sao có thể sống một mình. Ta nhất định phải đi tìm Thái tử.

Lúc ấy Quốc sư và một vị đại thần nghe vua muốn đi tìm Thái tử liền đến can ngăn:

-Đại vương chớ quá buồn phiền. Chúng tôi thấy tướng mạo của Thái tử chắc là trong đời quá khứ đã nhiều kiếp xuất gia tu học nên ngay ngôi vị Đế Thích cũng không muốn huống chi là ngôi Chuyển luân vương làm sao giữ chân Thái tử được. Đại vương không nhớ lúc mới sinh, Thái tử đã từng đi bảy bước, chỉ tay lên cao mà nói: “Ta không còn chuyển sinh nữa, đây là thân sau cùng”. Lúc ấy các vị trời Phạm thiên, Đế Thích đều đến chúc mừng, có điều kỳ diệu như vậy thì Thái tử đâu còn lưu luyến cõi trần, vả lại tiên A-tu-đà đã từng xem tướng cho Thái tử và quả quyết là năm mười chín tuổi Thái tử sẽ xuất gia học đạo và sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chúng Trí. Ngày nay sự việc xảy ra đều đúng, đại vương sao còn sầu khổ như thế. Hơn nữa đại vương đã từng ra nghiêm lệnh cho quan quân trong và ngoài thành giữ gìn Thái tử sợ Thái tử xuất gia nhưng rồi chư Thiên đã đến đưa Thái tử ra khỏi thành, như thế thì sức người làm sao ngăn cản được. Vậy xin đại vương nên vui mừng, đừng mãi ôm lòng buồn phiền và không nên ra đi tìm

Thái tử, còn nếu bệ hạ lo lắng cho Thái tử thì chúng tôi sẽ đi tìm xem Thái tử hiện nay đang ở đâu.

Vua nghe lời can ngăn bèn suy nghĩ: “Ta biết Thái tử không về, lòng ta không thể quên được nhưng cũng chẳng thể tìm kiếm được, vậy ta nay phải nhờ quốc sư và quan đại thần đi xem sao”. Nghĩ xong nhà vua liền đáp:

-Lành thay! Các khanh hãy lên đường tìm Thái tử giúp ta. Mọi người ở trong và ngoài cung đều đang sầu khổ, vậy hai khanh không nên chậm trễ.

Quốc sư và vị đại thần liền từ giả đức vua ra đi tìm Thái tử.

Quyển 3

Bấy giờ vua Bạch Tịnh sau khi đã truyền lệnh cho Quốc sư và quan đại thần đi tìm Thái tử, liền lấy xâu chuỗi anh lạc của Thái tử trao cho phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói:

-Đây là xâu chuỗi anh lạc của Thái tử đeo trao cho Xa-nặc đem về giao lại cho khanh.

Phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề trông thấy xâu chuỗi lòng càng đau khổ, tự nghĩ: “Trong cuộc đời này, chỉ ta là người bạc phước nhất vì đã mất một vị Chuyển luân thánh vương đầy trí sáng suốt”. Vua lại đưa những đồ trang sức còn lại cho Da-du-đà-la bảo:

-Thái tử bảo đưa trang sức này cho con.

Da-du-đà-la nhìn thấy những món trang sức ấy liền ngã ra đất ngất lịm, vua liền cho người đỡ dậy, an ủi, và dặn chánh phi phải tự bảo trọng đừng quá đau khổ mà ảnh hưởng không tốt đến thai nhi.

Khi Quốc sư và quan đại thần đến khu rừng tu khổ hạnh của vị Tiên nhân Bạt-già, họ liền bỏ nghi trượng và cho đoàn người tùy tùng dừng lại bên ngoài rừng, chỉ hai người đi tới chỗ vị đạo sĩ. Vị đạo sĩ mời hai người ngồi, cùng chào hỏi xong, vị Quốc sư lên tiếng thưa:

-Tôi là Quốc sư của vua Bạch Tịnh, nay đến đây là vì nhà vua có một Thái tử nhưng Thái tử chán cảnh khổ sinh già bệnh chết nên đã đến vùng này xuất gia học đạo. Xin hỏi đạo sĩ có gặp không?

Tiên nhân Bạt-già đáp:

-Gần đây chúng tôi có gặp một chàng trai trẻ dung mạo rất trang nghiêm, đầy đủ tướng tốt, đến khu rừng này cùng tôi bàn luận và ngủ lại một đêm, không ngờ đó lại là Thái tử. Vì cho đạo chúng tôi thô thiển nên người đã đi về hướng Bắc, đến chỗ đạo sĩ A-la-la và Ca-lan.

Hai người nghe vị đạo sĩ nói thế liền vội vã từ giả đi về hướng Bắc nơi hai vị Tiên nhân kia cư ngụ. Hai người đi được giữa đường thì thấy Thái tử từ xa đang ngồi tĩnh tọa dưới bóng cây, tướng tốt rạng rỡ như mặt trời mặt trăng, nên vội xuống ngựa, để lại nghi trượng cùng người tùy tùng, đi đến chỗ Thái tử và ngồi sang một bên. Sau khi chào hỏi xong, vị Quốc sư thưa:

-Đại vương sai chúng tôi đi tìm Thái tử có điều muốn thưa với Thái tử.

Thái tử hỏi:

-Phụ vương sai các vị đến nói điều gì?

Vị Quốc sư thưa:

-Đại vương từ lâu đã biết Thái tử muốn xuất gia, ý định đó khó thay đổi nhưng lòng vua đối với Thái tử tình còn sâu nặng nên lo rầu nung nấu dường như lửa đốt, mong Thái tử trở về để dập ngọn lửa ưu sầu phiền muộn. Cúi xin Thái tử hãy trở về. Dù nơi vương cung có nhiều chương ngại nhưng không để cho Thái tử mất đạo nghiệp, bỏ sự tĩnh tâm, cần gì phải vào rừng núi. Hiện nay phụ nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la cùng tất cả họ hàng nội ngoại đang đắm chìm trong biển nhớ thương, mong Thái tử trở về cứu vớt họ Thái tử nghe Quốc sư nói thế bèn cất tiếng tha thiết trả lời:

-Có lẽ nào Ta lại không biết tình cảm sâu nặng của phụ vương đối với Ta sao? Ta chỉ vì sợ cái khổ do sinh già bệnh chết nên đến đây tìm học đạo để dứt trừ chúng. Nếu yêu thương mà sum họp mãi mãi, không có sinh già bệnh chết thì Ta đến đây làm gì? Nay Ta xa phụ vương là muốn trong tương lai sẽ được sum họp. Hiện nay phụ vương tuy bị lửa buồn rầu thiêu đốt, đời nay Ta và phụ vương Ta chỉ có nỗi khổ ấy, nhưng mai sau sẽ trừ diệt được mối lo đó. Nếu theo lời ông nói, muốn Ta cứ ở trong cung mà tu hành thì chẳng khác nào ngôi nhà thất bảo đang bị bốc cháy, có người nào có thể ở trong đó được không? Giống như món ăn có độc thì người đói cũng không thể ăn. Ta đã lìa bỏ vương quốc xuất gia tu hành, vì sao ông lại bảo Ta trở về cung tu tập. Người đời đang ở trong nỗi khổ lớn, chỉ vì một chút vui mà say đắm không thể rời được, huống chi Ta nay ở nơi vô cùng vắng vẻ, an tịnh không có các nỗi khổ, sao có thể bỏ đi để trở lại với cảnh xấu ác? Các vua xưa vào rừng tu hành không ai nửa chừng trở về thọ hưởng dục lạc. Nếu phụ vương nhất định muốn Ta trở về là trái với đạo pháp của các vua xưa.

Vị Quốc sư liền thưa với Thái tử:

-Lời Thái tử vừa nói quả thật rất đúng nhưng các vị Tiên thánh có người nói tương lai chắc chắn có quả báo, có người lại bảo không có điều đó. Các vị Tiên thánh ấy còn không thể biết chắc trong đời sau có hay không có quả báo, sao Thái tử lại muốn bỏ an lạc hiện tại mà tìm quả báo tương lai chưa chắc chắn? Sông chết, quả báo còn chưa biết có không, sao lại muốn tìm quả giải thoát. Cúi xin Thái tử hãy trở về cung.

Thái tử trả lời:

-Hai vị Tiên kia nói về quả báo trong tương lai. Người bảo có, kẻ bảo không, đều bởi ôm lòng nghi ngờ nên chẳng thể khẳng định. Nay Ta hoàn toàn không tu theo con đường của những vị Tiên đó. Ông không nên lấy lý lẽ của họ để vấn nạn Ta. Vì sao? Vì Ta không phải mong cầu quả báo mà rời hoàng cung đến đây tìm đạo, nhưng vì chính mắt Ta trông thấy nỗi khổ sinh già bệnh chết mà bất cứ ai cũng phải trải qua nên Ta đi tìm con đường giải thoát khỏi những nỗi khổ ấy. Không lâu nữa các ông sẽ thấy đạo của Ta, Ta sẽ hoàn thành được chí nguyện. Nay Ta không thể trở về. Các ông hãy về tâm lại với phụ vương Ta như thế.

Nói xong Thái tử đứng dậy từ giả Quốc sư và quan đại thần đi về hướng Bắc, nơi có hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan đang tu hành.

Lúc ấy, cả hai thấy Thái tử bỏ đi liền kêu khóc thảm thiết, bởi bỗng nhớ đến ân tình sâu nặng của Thái tử và cũng vì nhận lệnh của đức vua đến chỗ Thái tử mà vẫn không thể nào làm chuyển lay được ý chí của người nên cứ quanh quẩn bên đường, không thể quay về. Họ bàn với nhau:

-Chúng ta đã chịu mệnh lệnh của vua mà không làm được việc, bây giờ trở về không có Thái tử biết tâm với vua thế nào? Vậy chúng ta nên để lại năm người trong số những người đi theo, chọn những người thông minh trí tuệ, tính tình ôn hòa, trung tín, ngay thẳng thuộc dòng họ nổi tiếng, ngầm sai họ theo dõi Thái tử xem người đi về đâu và dừng lại nơi nào.

Nói xong cả hai vị xem xét trong đoàn người hầu cận thân tín, thấy nhóm người năm ông Kiều-trần-như là xứng đáng, liền bảo họ:

-Các ông có thể ở lại được không?

Năm người đều đáp:

-Thật là hạnh phúc! Chúng tôi xin tuân lời ở lại để theo Thái tử, xem người đi về đâu.

Nói xong, cả năm người vội từ biệt đi theo hướng Thái tử vừa đi, còn hai vị Quốc sư và quan đại thần cũng quay gót về cung.

Trên đường tới trụ xứ của hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan, Thái tử đã vượt qua sông Hằng rồi theo đường đến thành Vương xá. Khi vào thành, dân chúng thấy thân tướng và dung mạo vô cùng trang nghiêm, đẹp đẽ của Thái tử nên rất hân hoan ngưỡng mộ cung kính. Dân chúng trong thành tranh nhau đến xem làm huyên náo cả thành khiến vua Tần-tỳ-sa-la ngạc nhiên hỏi các quan hầu:

-Có việc gì mà ồn ào, inh ỏi thế?

Các quan thưa:

-Vị Thái tử con vua Bạch Tịnh tên là Tát-bà Tát-đạt khi mới sinh đã được các thầy tướng đoán rằng sau này sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, còn nếu xuất gia sẽ thành Bạc Nhất Thiết Chủng Trí; Người ấy vừa vào thành, dân chúng đã tranh nhau đến xem nên gây ra huyên náo ồn ào.

Vua Tần-tỳ-sa-la nghe tâu trong lòng rất đổi vui mừng liền sai một người đi dò xem nơi ở của Thái tử. Sứ giả vâng lệnh đi tìm, gặp Thái tử đang ngồi tĩnh tọa suy tư trên một phiến đá tại núi Bàn-trà-bà. Sứ giả vội trở về trình tâu lên vua. Đức vua liền sai chuẩn bị xa giá cùng các quan và nhân dân đến chỗ Thái tử. Khi vừa đến núi Bàn-trà-bà, từ xa vua đã thấy tướng mạo của Thái tử sáng rỡ như mặt trời, mặt trăng nên liền xuống ngựa dẹp bỏ nghi trượng, không cho người hầu đi theo, vua đến bên Thái tử ngồi và vấn an sức khỏe:

-Thái tử có được bình yên không? Được gặp Thái tử tôi rất vui mừng, nhưng có một điều buồn đó là Thái tử vốn thuộc dòng họ cao quý, nhiều đời nối ngôi làm Chuyển luân vương, có đầy đủ tướng của một vị Chuyển luân, sao lại rũ bỏ tất cả vào trong rừng sâu, giẫm trên gai góc đất cát từ xa đến đây, tôi buồn là vì thấy điều ấy. Nếu Thái tử thấy vua cha còn tại thế, không thể lên ngôi Chuyển luân vương, tôi xin chia nửa nước tôi cho người cai trị, còn nếu Thái tử chưa đồng ý thì tôi xin nhường cả nước cho Ngài, tôi sẽ phụng sự Thái tử. Nếu Thái tử không muốn cai trị vương quốc này, tôi xin giao cho Ngài bốn đạo binh để chiếm lấy một nước khác. Điều ấy chắc không trái với ước nguyện của Thái tử.

Nghe vua Tần-tỳ-sa-la nói thế, Thái tử rất cảm động về tấm chân tình của nhà vua liền đáp:

-Đại vương vốn thuộc dòng họ quyền quý, bản tính cao thượng, thuần thiện, không làm những điều sai quấy, bất nhã, những điều đại vương đã làm đều rất cao đẹp, trong sạch, nay nói những lời ấy không lấy gì làm lạ. Tuy tôi biết lòng chí thành của đại vương hơn hẳn người đời xưa nay nhưng nay đại vương đang tu theo pháp tam kiên là xem thường thân thể, mạng sống và tài sản thì lẽ nào đem pháp bất kiên mà khuyên dụ người khác. Tôi đã bỏ ngôi Chuyển luân thì lý đâu lại nhận ngôi vua. Đại vương có lòng chân thành nhường vương quốc cho tôi, tôi còn không nhận thì lẽ nào lại đem quân đi đánh chiếm quốc gia khác. Sở dĩ tôi nay lìa xa cha mẹ, cạo bỏ râu tóc, không màng ngôi vị là muốn dứt các nỗi khổ sinh già bệnh chết chứ không muốn đi tìm cầu

năm món dục lạc ở đời đầu. Năm món dục lạc ấy là đồng lửa thiêu đốt chúng sinh làm cho họ không thoát ra được, sao lại khuyên tôi say đắm nó? Nay tôi đến đây vì muốn tìm hai vị Tiên nhân A-la-la và Ca-lan là các vị đạo sư có con đường giải thoát tối thượng, tôi từ xa đến đó là muốn tìm đạo giải thoát nên không ở lại đây lâu. Tôi đã làm trái với ân điển và lòng thành của đại vương, mong đại vương chớ phiền trách. Xin đại vương dùng chánh pháp để trị quốc, đừng bỏ dân.

Nói xong, Thái tử đứng dậy từ giả nhà vua. Vua Tần-tỳ-sa-la thấy Thái tử ra đi trong lòng rất luyến tiếc, đôi mắt ứa lệ, chấp tay thưa:

-Vừa gặp Thái tử, lòng tôi rất vui mừng. Nay Thái tử vội ra đi khiến lòng tôi buồn bã. Ngài vì đạo lớn giải thoát, tôi không dám cầm giữ, chỉ mong Thái tử mau chóng thành tựu đạo quả. Nếu Ngài đặc đạo xin độ tôi trước.

Thái tử từ biệt lên đường, vua theo tiễn chân rồi đứng nhìn đăm đăm theo bóng Thái tử cho đến khi Thái tử khuất hẳn mới trở về.

Bấy giờ Thái tử đi đến chỗ vị Tiên A-la-la. Trước đó chư Thiên đã báo với vị Tiên nhân:

-Thái tử Tát-bà Tát-đạt đã lìa bỏ ngôi vị Quốc chủ xa lìa cha mẹ là vì muốn tìm đạo Vô thượng Chánh chân để trừ tận khổ đau cho tất cả chúng sinh, nay người sắp đến đây.

Vị Tiên nhân nghe chư Thiên báo tin rất vui mừng. Trong giây lát đã thấy Thái tử từ xa đi tới, Tiên nhân liền ra nghênh tiếp. Hai vị chào hỏi nhau rồi Thái tử theo vị Tiên nhân vào nơi ông cư trú. Đến nơi, Tiên nhân mời Thái tử ngồi. Nhìn thấy dung mạo Thái tử đoan nghiêm có đủ các tướng tốt, các căn đều thanh tịnh, A-la-la rất kính trọng, ngưỡng mộ, bèn hỏi Thái tử:

-Ngài đi đường có mệt mỏi lắm không? Từ lúc Thái tử sinh ra lớn lên cho đến khi xuất gia rồi đến đây, tôi đều biết cả. Việc Thái tử xuất gia có thể nói như đồng lửa tự cháy, như voi lớn tự thoát khỏi dây cương ràng buộc. Xưa nay các vị vua ở tuổi tráng niên thường phóng túng thọ hưởng năm dục, đến khi tuổi già mới rời bỏ ngôi Quốc chủ xuất gia học đạo, điều đó chẳng có gì lạ. Nay Thái tử trong lúc tuổi còn thanh xuân đã có thể lìa bỏ năm dục, xuất gia học đạo mới thật là hy hữu. Nếu Ngài tinh tấn, sẽ mau qua được bờ bên kia.

Thái tử nghe xong bèn đáp:

-Tôi nghe ngài nói trong lòng thật là vui mừng, vậy ngài hãy giảng cho tôi nghe về phương pháp dứt trừ sinh lão bệnh tử, tôi nay rất muốn nghe.

Tiên nhân đáp:

-Lành thay! Lành thay!

Rồi liền nói tiếp:

-Từ thuở ban đầu, chúng sinh đã sống trong vòng u tối, từ sự u tối ban đầu ấy mà sinh tâm ngã mạn, từ tâm ngã mạn sinh si mê, từ si mê sinh nhiễm ái, từ tâm đã nhiễm ái sinh năm món vi trần khí, từ năm thứ vi trần khí sinh năm đại, từ năm đại sinh ra tham dục, giận dữ... các phiền não, từ đó mà lưu chuyển trong sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não. Nay tôi chỉ nói vắn tắt cho Thái tử nghe như thế.

Khi ấy Thái tử liền hỏi:

-Nay tôi đã biết những điều ngài nói rồi, nhưng bằng phương tiện gì có thể dứt trừ được cội rễ của sinh tử?

Tiên nhân đáp:

-Nếu muốn dứt trừ cội rễ của sinh tử thì trước tiên phải xuất gia tu trì giới hạnh, khiêm cung, nhẫn nhục, ở nơi vắng vẻ an tịnh tu tập thiền định, xa rời mọi ý thức tham muốn xấu, bất thiện, nhưng ý thức lúc đó vẫn còn cảm giác, còn quan sát, đạt được Sơ thiền; trừ bỏ mọi cảm thức và nhận thức, tâm định tĩnh sinh khởi sự hỷ lạc là đạt Nhị thiền. Rồi bỏ tâm hỷ lạc ấy nên được chánh niệm, thân tâm phát sinh niềm vui trọn vẹn là đạt Tam thiền. Trừ bỏ ý niệm khổ và vui được niệm thanh tịnh, tâm xả ly các niệm thì được Tứ thiền, được tâm vô tướng. Trước đây có một vị cho rằng Tứ thiền ấy chính là giải thoát, từ định mà được giác ngộ. Sau đó mới biết chưa phải là chỗ giải thoát thật sự. Do vậy cần phải xa lìa mọi sắc tướng đi vào Không tướng, diệt trừ mọi niệm tướng có đối tượng, đi vào Thức tướng. Đoạn trừ tất cả mọi tướng phân biệt chỉ còn trú tâm quán niệm một thức thì được đi vào tướng Vô sở hữu xứ, rồi lại xa lìa hoàn toàn tất cả niệm tướng mà đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Đến được đây mới thật là giải thoát rốt ráo, đó cũng là mục tiêu cuối cùng của người tu học. Nếu Thái tử muốn dứt trừ nỗi khổ sinh già bệnh chết thì nên tu tập theo pháp hành đó.

Lúc ấy Thái tử nghe vị Tiên nhân nói xong trong lòng không vui, tự nghĩ: “Những điều vị ấy vừa nói chưa phải là chỗ rốt ráo, chưa phải là cách dứt trừ vĩnh viễn bao phiền não ràng buộc”. Thái tử bèn nói:

-Nay tôi có điều chưa rõ trong những lời ngài giảng giải nên muốn hỏi.

Tiên nhân đáp:

-Xin được nghe những ý kiến của Ngài.

Thái tử liền hỏi:

-Phi tướng phi phi tướng xứ là hữu ngã hay vô ngã? Nếu nói vô ngã thì không thể nói Phi tướng phi phi tướng xứ, còn nếu nói hữu ngã thì ngã đó có tri giác, hay là không có tri giác? Nếu ngã đó không có tri giác thì khác gì gỗ đá. Nếu ngã ấy có tri giác là còn dính líu vào đối tượng, nếu đã có dính líu đến đối tượng thì sẽ có tâm nhiễm trước, mà tâm còn nhiễm trước thì không thể gọi là giải thoát. Ngài nghĩ là đã dứt hết mọi phiền não ràng buộc nhưng chưa biết còn có những phiền não vi tế; do vậy đã vội cho đó là giải thoát hoàn toàn. Các phiền não vi tế ràng buộc kia sẽ từ từ tăng trưởng khiến chúng sinh luân quần xoay chuyển trong vòng sống chết vô tận. Vì thế, tôi nghĩ cách tu này chưa phải là giác ngộ tối hậu, đưa đến giác ngộ hoàn toàn. Nếu có thể dứt hẳn ý niệm thì mới có thể gọi là chân giải thoát về ngã, xả bỏ hoàn toàn mọi ức tướng, niệm tướng về ngã thì chính đó mới gọi là giải thoát thật sự.

Tiên nhân yên lặng suy nghĩ: “Điều Thái tử nói thật là thâm sâu, vi diệu”

Khi đó Thái tử lại hỏi Tiên nhân:

-Ngài mấy tuổi thì xuất gia và tu tập Phạm hạnh đến nay đã bao lâu?

Tiên nhân đáp:

-Tôi xuất gia năm mười sáu tuổi, tu tập Phạm hạnh đến nay đã một trăm lẻ bốn năm.

Thái tử nghe nói liền suy nghĩ: “Từ ngày xuất gia đến nay đã rất lâu mà sở đắc chỉ có như thế sao?”

Khi ấy Thái tử muốn tìm cầu đạo pháp rốt ráo hơn nên đứng dậy từ giã Tiên nhân. Tiên nhân nói với Thái tử:

-Tôi từ trước đến nay tu tập khổ hạnh đã lâu mà chỗ sở đắc chỉ được như thế. Thái tử là dòng dõi vua chúa làm sao có thể tu khổ hạnh được?

Thái tử đáp:

-Sự tu tập như của ngài chưa phải là khổ lắm đâu, vẫn còn những cách tu khổ hạnh khó hơn nữa.

Tiên nhân đã thấy Thái tử trí tuệ hơn người lại có ý chí mạnh mẽ, vững vàng như thế thì biết chắc chắn Thái tử sẽ thành Bậc Nhất Thiết Chủng Trí nên vội thưa:

-Nếu Ngài đắc đạo, xin hãy độ tôi trước tiên.

Thái tử đáp:

-Lành thay!

Kể đó Thái tử đến trú xứ của Tiên nhân Ca-lan để cùng luận bàn đạo lý nhưng cũng chỉ như thế, nên Thái tử liền bỏ ra đi. Hai vị Tiên nhân thấy Thái tử ra đi đều nghĩ: “Trí tuệ của Thái tử thật vô cùng thâm sâu, vi diệu, đặc biệt khác thường, khó ai lường được” nên đồng chấp tay đưa tiễn nhìn theo cho tới khi Thái tử khuất bóng mới trở lại.

Sau khi Thái tử đã điều phục được hai Tiên nhân A-la-la và Ca-lan liền thẳng tiến đến khu rừng khổ hạnh Già-xà, nơi năm anh em ông Kiều-trần-như đang cư ngụ. Thái tử đến bên bờ sông Ni-liên tinh tọa tư duy, quan sát căn tánh của chúng sinh, Ngài thấy cần phải tu sáu năm khổ hạnh rồi mới độ thoát cho họ. Suy nghĩ như thế rồi, Thái tử nỗ lực tu khổ hạnh. Lúc ấy chư Thiên dâng cúng mè, gạo cho Ngài. Vì muốn cầu đạo Giác ngộ nên Thái tử tịnh tâm giữ giới, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo nhưng nếu có người đến xin, Thái tử cũng bố thí hết. Năm người trong nhóm của Kiều-trần-như thấy Thái tử tịnh tọa tư duy, tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hay một hạt mè, cũng có khi hai ngày hoặc bảy ngày mới ăn một hạt gạo, một hạt mè, nên năm người cũng tu khổ hạnh, luôn ở bên cạnh để hầu hạ Thái tử không lúc nào rời xa. Sau khi thấy Thái tử tu hành như thế, họ liền cử một người trở về thưa với Quốc sư và quan đại thần, thuật lại đầy đủ việc tu tập của Thái tử.

Bấy giờ Quốc sư và quan đại thần trở về cung, khuôn mặt buồn rầu, thân thể mệt mỏi, xơ xác, giống như người vừa đưa tiễn người thân chết mới đi chôn xong, nén đau thương mà trở về nhà. Lúc ấy người giữ cổng thành vội vàng vào trình tâu lên vua:

-Quốc sư và quan đại thần đã về đến ngoài cổng thành.

Vua nghe tâu thờ hồn hên, nói không ra lời, chỉ còn biết gật đầu. Người gác cổng biết ý liền lớn tiếng truyền lệnh cho Quốc sư vào gặp vua. Vua quá buồn không thể nói được, hồi lâu mới nghẹn ngào hỏi:

-Thái tử là tính mạng của ta. Các khanh nay về có một mình, thì tính mạng ta làm sao còn được?

Quốc sư đáp:

-Chúng thần vâng lệnh đại vương đi tìm Thái tử, đến chỗ Tiên nhân Bạt-già hỏi thăm tin tức, Tiên nhân cho biết nơi Thái tử đến và thuật lại những lời Thái tử nói, chúng thần liền đi tới, nhưng giữa đường thì gặp Thái tử đang tịnh tọa tư duy dưới bóng cây, tướng tốt chói sáng hơn cả mặt trời mặt trăng. Thân liền nói với Thái tử về nỗi sầu khổ của đại vương, phu nhân Ma-ha Bà-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la. Thái tử đã dùng những lời lẽ chân tình nói rằng có lý nào

Thái tử không biết mối thâm tình của phụ vương và thân thích đối với Thái tử? Nhưng chỉ vì sợ các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết, yêu thương khiến phải xa cách nên Thái tử ra đi tìm đạo dứt trừ những nỗi khổ ấy. Từng lời từng chữ của Thái tử nói đều tỏ bày ý chí kiên định, vững vàng như núi Tu-di không thể lay chuyển được, rồi Thái tử bỏ chúng thần ra đi như vứt bỏ cỏ rác. Khi ấy chúng thần liền chọn năm người trong những người tùy tùng bảo đi theo hầu và dõi xem Thái tử đi về đâu và như thế nào. Sau đó có một người trong nhóm ấy về báo với chúng thần là trên đường đến chỗ hai vị đạo sĩ A-la-la và Ca-lan, Thái tử đã được thần lực của chư Thiên đưa qua sông Hằng. Khi Thái tử đến thành Vương xá, vua Tần-tỳ-sa-la đã đến chỗ Ngài dùng bao nhiêu cách khuyên Ngài đừng xuất gia, và hứa sẽ chia nửa đất nước hoặc cả quốc gia cho cai trị, hoặc trao binh quyền để đi chinh phục nước khác nhưng Thái tử đều không ưng thuận và lập tức ra đi, đến chỗ Tiên nhân hỏi về pháp hàng phục tâm, rồi lại đến rừng khổ hạnh Già-xà, tĩnh tọa tư duy bên dòng sông Ni-liên-thiên, mỗi ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè.

Nghe Quốc sư và quan đại thần kể lại mọi việc xong, lòng vua Bạch Tịnh vô cùng buồn rầu toàn thân run lay bầy, kinh hoàng tột độ. Nhà vua nói với hai vị đại thần:

-Thái tử đành bỏ niềm vui hưởng ngôi báu Chuyển luân vương, lìa xa tình thương yêu của cha mẹ và họ hàng thân thuộc vào rừng sâu tu khổ hạnh. Ta nay thật bạc phước nên phải chịu mất người con quý báu như vậy.

Nhà vua đem những lời của Quốc sư nói lại cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề và Da-du-đà-la nghe rồi ra lệnh sắp xếp, chuẩn bị năm trăm cỗ xe, phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề và chánh phi Da-du-đà-la cũng cho năm trăm xe đến, mỗi xe đều chở đầy đủ mọi thứ cần dùng. Nhà vua bảo Xa-nặc:

-Người đã đưa Thái tử đến chốn rừng sâu, nay ta truyền lệnh cho người phải đưa ngàn cỗ xe chở lương thực và các thứ cần dùng này đến chỗ Thái tử rồi tùy thời mà dâng cho Thái tử dùng để người thiếu thốn, hết thì hãy về báo.

Xa-nặc vâng lệnh lãnh ngàn cỗ xe tức tốc ra đi. Đến nơi, thấy Thái tử thân hình gầy khô, chỉ còn da bọc xương, các đường gân máu lộ ra như gân của loài hoa Ba-la-xà, Xa-nặc liền cúi đầu đánh lễ nơi chân Thái tử, quá cảm động nên ngã xuống đất ngất lịm, giây lát tỉnh lại ứa lệ thưa:

-Đại vương thương nhớ Thái tử ngày đêm không nguôi nên sai thần đem một ngàn cỗ xe chở đủ lương thực và vật dụng cần thiết cho Thái tử.

Thái tử trả lời Xa-nặc:

-Ta xa cha mẹ quê hương và đất nước đến đây để tìm con đường giải thoát, lẽ nào lại nhận những thứ vua cho đem đến?

Xa-nặc nghe thế lòng suy nghĩ: “Nay Thái tử không chịu nhận, vậy ta phải nhờ người đưa những xe này về tâu lại với vua, ta ở lại đây để chăm nom, hầu hạ Thái tử”. Nghĩ thế xong, Xa-nặc liền sai một người đưa xe về còn mình thì ở lại âm thầm ngày đêm hầu hạ Thái tử không rời. Một hôm, Thái tử suy nghĩ: “Ta ăn mỗi ngày một hạt gạo, một hạt mè, có lúc bảy ngày mới ăn một hạt gạo, một hạt mè, thân thể nay gầy như cây khô. Ta tu khổ hạnh như thế đã sáu năm rồi mà không tìm được con đường giải thoát; thế mới biết đây không phải là phương pháp tu chân chánh, chỉ bằng Ta trở lại cách trước khi Ta ngồi dưới bóng cây Diêm-phù suy nghĩ cách xa lìa năm dục, tìm sự vắng lặng, đó là phương pháp đúng nhất. Nếu như nay Ta vẫn theo lối tu khổ hạnh hành xác mà đạt đạo thì những kẻ ngoại đạo sẽ nói rằng tu tập theo cách nhịn đói là nhân của Niết-bàn. Tuy Ta đã hạn chế từ từ sức lực của Ta nhưng cũng không vì thế mà đạt đạo. Ta nên ăn uống lại bình thường, sau đó mới thành đạo”. Nghĩ xong, Thái tử đứng dậy đi xuống dòng

sông Ni-liên-thiên tắm rửa. Tắm xong nhưng vì sức quá yếu nên Ngài không lên bờ được. Lúc ấy có vị Thiên thần làm cho cành cây bên bờ sà thấp xuống để Thái tử vịn mà lên bờ.

Lúc đó ở ngoài khu rừng có một mục nữ tên Nan-đà-ba-la được vị Thiên tử ở cõi trời Tịnh cư đến khuyên:

-Nay Thái tử đang ở trong rừng, nàng nên đến cúng dường.

Nàng mục nữ nghe thế, lòng rất mừng vui. Ngay khi ấy bỗng có một đóa hoa sen ngàn cánh từ đất mọc lên, nở ra, bên trên đóa hoa có sẵn bát cháo sữa. Cô gái rất ngạc nhiên liền lấy bát cháo sữa ấy đem đến quỳ lạy, dâng cho Thái tử. Thái tử nhận bát cháo sữa và chú nguyện:

-Nay thí chủ cúng bát cháo sữa để khiến Ta dùng xong phục hồi được khí lực. Nguyện cho gia đình thí chủ được an vui, vô bệnh, sống lâu, trí tuệ đầy đủ.

Thái tử liền tuyên bố:

-Ta vì muốn cứu vớt chúng sinh nên nhận sữa này.

Chú nguyện xong, Ngài liền dùng bát cháo sữa ấy. Khí lực của Ngài dần dần phục hồi, thân thể tươi sáng, có thể đạt đạo Bồ-đề. Lúc ấy, năm vị nhóm ông Kiều-trần-như kinh ngạc nghĩ là Thái tử đã thoái chí nên cùng nhau quay trở về nơi của họ. Bồ-tát một mình đến dưới bóng cây Tất-bát-la và phát lời thệ nguyện:

-Ta ngồi nơi cội cây này, nếu không thành đạo quyết không đứng dậy.

Đức độ của Bồ-tát lớn lao đến nỗi đất trời cảm động, mặt đất khi ấy chấn động mạnh phát ra âm thanh lớn. Một con rồng mù nghe được tiếng ấy trong lòng vô cùng vui mừng nên hai mắt tự sáng, suy nghĩ: “Ta đã từng thấy điềm lành này của chư vị cổ Phật trong quá khứ”. Suy nghĩ xong, rồng liền từ đất vọt lên đến lễ nơi chân Bồ-tát. Lúc ấy có năm trăm con chim Thanh tước bay trên hư không vòng quanh Bồ-tát, trên không trung hiện ra các vàng mây lành nhiều màu rực rỡ, các làn gió thơm theo ánh sáng thổi đến. Lúc ấy rồng liền nói kệ ca ngợi Bồ-tát:

Bồ-tát bước đến đâu

Mặt đất đều chuyển động

Phát ra tiếng vang xa

Ta nghe mắt bừng sáng

Lại thấy trong không trung

Khổng tước bay quanh Ngài

Mây lành thật rực rỡ

Dịu mát làn gió thơm

Điềm lành này của Ngài

Giống như Phật quá khứ

Do vậy biết Bồ-tát

Sẽ thành đạo Chánh chân.

Lúc ấy Bồ-tát nghĩ: “Chư Phật trong quá khứ đã dùng tòa ngồi như thế nào để thành đạo Vô thượng?” Bồ-tát nội quán tự biết chư Phật đã dùng cỏ làm tòa ngồi. Vua trời Đế Thích biết ý

ngõ của Bồ-tát liền hóa thành một người trong tay đang ôm bó cỏ sạch sẽ, mềm mại đến trước Bồ-tát. Bồ-tát hỏi:

-Ông tên gì?

Người ấy đáp:

-Tôi tên là Cát Tường.

Bồ-tát nghe thế lòng rất vui mừng nghĩ: “Ta sẽ phá những điều không lành để thành đạo kiết tường”.

Bồ-tát lại hỏi:

-Cỏ trên tay người có thể cho Ta được không?

Cát tường liền tặng bó cỏ cho Bồ-tát và thưa:

-Bồ-tát nếu đắc đạo, xin độ tôi trước.

Bồ-tát nhận cỏ trải ra làm tòa, thẳng thân ngồi kiết già trên tòa cỏ, theo đúng cách ngồi của chư Phật quá khứ và phát lời thệ nguyện:

-Không thành đạo Chánh giác, Ta quyết không rời khỏi tòa này.

Khi Bồ-tát phát lời nguyện ấy, trời rỗng, quỷ thần đều vui mừng, gió mát lành từ bốn phương thổi tới, cầm thú bỗng im tiếng, cây không còn xào xạc, mây bay bụi cuốn đều sạch sẽ. Đó là điềm lành báo Bồ-tát sắp thành đạo. Cũng lúc ấy, ở trên không trung, tám bộ chúng trời, rồng vui mừng nhảy múa ngợi khen, còn cung điện của Ma vương ở tầng trời thứ sáu tự nhiên rung động. Ma vương trong lòng buồn bực, tinh thần rối loạn, không còn tâm trí nghĩ đến việc thọ lạc, lo lắng suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm hiện đang ngồi tĩnh tọa nơi cội cây, lia được ngũ dục, không bao lâu sẽ thành đạo Chánh giác. Nếu vị ấy thành đạo, sẽ đưa tất cả muôn loài vượt thoát cảnh giới của ta. Vậy nay trong lúc vị ấy chưa thành đạo, ta phải đến làm cho rối loạn”. Người con của Ma vương tên là Tát-đà thấy cha có vẻ lo lắng liền đến thưa:

-Thưa cha, không rõ vì sao cha có vẻ buồn rầu lo lắng như vậy?

Ma vương đáp:

-Sa-môn Cù-đàm nay đang ngồi nơi cội cây tu hành và sắp đắc đạo. Đạo ấy vượt hơn hẳn đạo của ta nên ta muốn đến đây phá hoại.

Người con vội can ngăn:

-Bồ-tát thanh tịnh vượt cả ba cõi, có thần thông và trí tuệ không gì là không rõ biết, tám bộ chúng trời, rồng... đều ngợi khen. Đối với Ngài, phụ vương không thể phá hoại được, chẳng may tạo ác sẽ tự chuốc lấy tai họa.

Ma vương có ba người con gái hình dung dáng điệu vô cùng mỹ miều, xinh đẹp, có nhiều phương cách để quyến rũ, làm mê hoặc lòng người, đứng đầu trong hàng Thiên nữ. Họ thường xông hương thơm ngát, đeo chuỗi ngọc đẹp. Người thứ nhất tên là Nhiễm Dục, người thứ hai tên Nặng Duyệt Nhân, người thứ ba tên là Khả Ái Lạc, ba cô đến trước cha và hỏi:

-Không biết vì sao hôm nay cha lại rầu lo như vậy?

Ma vương bèn giải bày lòng mình với ba con gái:

-Hiện nay có Sa-môn Cù-đàm ở thế gian, mình mặc áo giáp Pháp, tay cầm cung tự tại, bắn mũi tên trí tuệ muốn thu phục chúng sinh, hủy hoại cảnh giới của ta. Nếu ta không có phương cách diệt trừ thì chúng sinh sẽ tin tưởng và đều theo về với vị ấy, cảnh giới ta sẽ trở nên trống rỗng, chính vì vậy mà ta buồn rầu. Trong lúc vị ấy chưa thành đạo, ta muốn đến phá hoại làm gãy cây cầu đưa đến bờ giác của vị ấy.

Dự định như thế Ma vương liền tay cầm cung cứng và năm mũi tên cùng với con trai, con gái và chúng thiên ma kéo đến dưới cây Tất-bát-la thấy Đức Mâu-ni ngồi lặng lẽ không động, sắp vượt bể sinh tử của ba cõi. Ma vương lập tức tay trái cầm cung, tay phải cầm tên hét lớn bảo Bồ-tát:

-Người thuộc dòng Sát-đế-lợi, chết thật oan uổng, sao không mau rời khỏi đây, lên ngôi Chuyển luân vương, bỏ con đường xuất gia, thực hành bố thí sẽ được sinh lên trời hưởng thiên lạc, đó là đạo cao nhất, hơn cách tu tập này. Người là dòng dõi vua Chuyển luân mà lại đi làm khất sĩ, thật không xứng đáng. Nay nếu không đứng dậy thì ngôi yên mà hủy bỏ lời thệ nguyện. Với người, ta chỉ cần bắn một mũi tên. Các Tiên nhân khổ hạnh chỉ nghe tiếng cung tên của ta không người nào không kinh hồn, khiếp sợ, hoảng loạn, mất hết tinh thần; huống chi Cù-đàm, người sao chịu nổi những mũi tên độc này. Nếu mau đứng lên sẽ được an toàn.

Ma vương dùng lời đe dọa Bồ-tát nhưng Bồ-tát vẫn an nhiên không chút kinh động. Ma vương liền phóng tên và đưa ma nữ đến. Khi ấy Bồ-tát mắt không nhìn nhưng những mũi tên ấy bỗng dừng lại ở khoảng không, mũi tên rơi xuống đất hóa thành những đóa sen. Lúc ấy ba nàng ma nữ liền nói với Bồ-tát:

-Nhân giả là bậc đức cao, trời người đều kính trọng nên cần có người hầu hạ. Chúng tôi nay tuổi còn trẻ, những Thiên nữ xinh đẹp nhất cũng không hơn được chúng tôi. Nay trời sai chúng tôi đến để ngày đêm hầu hạ Bồ-tát.

Bồ-tát nói:

-Các người nhờ có trông ít phước đức nên được sinh lên trời lại không nhớ nghĩ đến vô thường mà làm điều mê hoặc. Thân hình tuy đẹp mà lòng không đoan chính, tâm nhiều dục vọng bất thiện, chết ắt bị sa vào ba đường dữ, mang thân cầm thú khó mà thoát nạn. Nay các người có ý muốn làm loạn tâm trí Ta, không phải tâm thanh tịnh. Hãy đi đi! Ta không cần các người.

Khi ấy cả ba ma nữ bỗng biến thành ba bà lão tóc bạc, da nhăn rãnh rưng, nước miếng phều phào, gầy xơ xương, bụng to như cái trống, chống gậy lê bước đi, không thể lấy lại hình dáng như cũ.

Ma vương thấy tâm Bồ-tát quá vững mạnh liền nghĩ: “Ngày xưa trong núi Tuyết, ta từng bắn Ma-hê-thủ-la làm cho hoảng sợ, đánh mất tâm lạnh, thế mà nay không làm lay chuyển được Cù-đàm, cung tên và ba đứa con gái của ta cũng đều không lay chuyển được ông ấy làm ta thêm lo rầu giận dữ. Ta phải dùng cách khác mới được”. Nghĩ xong Ma vương dùng lời êm dịu khuyên dụ Bồ-tát:

-Nếu Ngài không ưa thích thọ hưởng thú vui của cõi người thì nay có thể lên cung trời, ta sẽ trao ngôi vị và năm món dục cho Ngài.

Bồ-tát đáp:

-Trong các đời trước người do tu đối chút hạnh bố thí nên nay được ngôi Tự tại Thiên vương. Phước báo ấy cũng có hạn, hết hạn sẽ bị chìm đắm trong ba đường, muốn thoát ra rất khó. Đó là nguyên nhân của tội khổ, chẳng phải điều Ta cần.

Ma vương hỏi Bồ-tát:

-Quả báo của ta Ngài biết rồi, vậy quả báo của Ngài ai biết?

Bồ-tát đáp:

-Quả báo của Ta chỉ có đất biết.

Bồ-tát vừa dứt lời, mặt đất liền rung động sáu cách. Lúc ấy một vị Địa thần tay cầm bình bảy báu cắm đầy hoa sen từ đất vọt lên nói với Ma vương:

-Xưa kia Bồ-tát đã từng đem đầu, mắt, não, tùy để bố thí cho chúng sinh, máu Ngài đã đổ ra thấm ướt khắp nơi. Đất nước, vợ con, châu báu... Bồ-tát đều đã bố thí, số ấy không thể kể xiết, chỉ để cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Do đó người nay không nên làm loạn động Bồ-tát.

Ma vương nghe thế lòng sinh sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Vị Địa thần liền đánh lễ Bồ-tát, dâng hoa cúng dường rồi biến mất.

Khi ấy Ma vương suy nghĩ: “Ta đã dùng cung mạnh tên sắt, cả ba con gái ta cũng đã dùng lời êm ái để mê hoặc mà vẫn không thể làm loạn tâm vị Cù-đàm này. Nay ta phải huy động hết tất cả phương tiện và lực lượng quân ma dùng sức mạnh uy hiếp ông ta”. Ma vương vừa nghĩ xong lập tức quân ma hiện ra đầy cả không trung với hình dáng quái dị. Kẻ thì cầm kiếm, kích, đầu đội đai thọ, tay cầm chày sắt; cả đoàn mang theo rất nhiều các loại khí giới. Bọn chúng thân người nhưng đầu lại là đầu các loại thú như cá, heo, lừa, ngựa, sư tử, rồng hoặc như gấu, cọp, các loài thú khác. Có loài nhiều đầu, mỗi mặt một con mắt, hoặc nhiều mắt; hoặc bụng to thân dài, hoặc ốm trông như không có bụng; hoặc chân dài gồi lớn; hoặc gót chân to, bấp chân mập; hoặc móng dài răng nhọn; hoặc đầu ở trước ngực; hoặc có nhiều thân mình mà chỉ có hai chân; hoặc mặt lớn, mặt ở một bên; hoặc sắc mặt như tro đất; hoặc mình phóng khói lửa; hoặc lỗ tai to như lỗ tai voi trùm cả núi; hoặc tóc dài lỏa thể; hoặc sắc mặt nửa đỏ nửa trắng; hoặc môi xệ chắm đất; hoặc dưới mặc khố trên mặc áo da cọp, da sư tử, da rắn hoặc rắn quấn quanh người hoặc trên đầu lửa bốc; hoặc mắt trợn tay quơ; hoặc đi ngang hoặc nhảy nhót; hoặc lăn lộn trên không trung; hoặc chạy bộ la hét... không biết bao nhiêu loài có hình dạng quái ác như thế bao xung quanh như muốn xé xác Ngài. Hoặc làm bốn phía khói, lửa bốc cháy rực trời; hoặc nổi lên âm thanh cuồng loạn, vang động, khắp các hang núi, gió, lửa, khói bụi mờ mịt không thể nhìn thấy gì cả. Nước trong bốn biển cùng lúc trào dâng. Các chúng trời, người, rồng, quỷ... theo bảo hộ Bồ-tát đều giận bọn ma chúng đến nổi máu từ các lỗ chân lông ứa ra. Các vị trời ở cõi Tịnh cư thiên thấy bọn ma làm rối loạn Bồ-tát nên vì lòng từ bi, sợ chúng làm tổn hại Ngài liền xuống đứng trên hư không quan sát thấy vô số vô lượng quân ma vây quanh Bồ-tát gầm rú, kêu gào thật hung tợn làm vang động trời đất, nhưng Bồ-tát vẫn ngồi bất động, gương mặt không đổi sắc, khác nào Sư tử ở giữa đàn nai nên đều cất lời khen ngợi:

-Ôi thật là kỳ diệu! Chưa từng thấy bao giờ! Bồ-tát chắc chắn sẽ thành Chánh giác.

Ma quân khi ấy gấp rút đem hết lực lượng đến phá Bồ-tát. Chúng hoặc trợn mắt nghiêng răng, hoặc bay nhảy loạn xạ ngang qua trước Bồ-tát, nhưng Bồ-tát xem chúng như trẻ con đùa giỡn. Ma vương càng giận dữ gia tăng sức phá phách, Bồ-tát lấy sức từ bi khiến những kẻ ôm đá không sao nhấc lên được; ôm lên được thì lại không đặt xuống được. Dao bay, kiếm phóng đều dừng lại ở giữa khoảng không, sấm chớp, mưa lửa đều hóa thành hoa năm sắc. Rồng dữ phun độc, độc ấy biến thành gió thơm. Bao nhiêu thứ dữ nhằm làm hại Bồ-tát nhưng không thể đụng đến Ngài.

Ma vương có một người chị và một người em tên là Di-già và Ca-lợi, cả hai đều cầm vũ khí là đầu lâu người chết, đến trước Bồ-tát làm nhiều cử chỉ quái dị để làm loạn tâm Ngài. Toàn bộ chúng ma quân đều hiện thân hình kinh dị muốn khủng bố Bồ-tát, nhưng tất cả đều không động được một sợi lông của người. Ma vương thấy vậy trong lòng càng uất ức, buồn lo, rầu rĩ.

Lúc ấy trong không trung có vị Thiên thần tên Phụ Đa ẩn thân và lên tiếng:

-Ta thấy Đức Mâu-ni tâm ý an tịnh, hỷ xả, không chút oán hận. Chúng quân ma khởi lên lòng thâm độc phá hoại mà Ngài vẫn không oán hờn. Các loại quỷ ác ngu ngốc, chúng người chỉ tự làm mình mệt nhọc, hoàn toàn không được lợi gì cả. Nay nên bỏ tâm giận dữ toan phá hoại Ngài bởi vì miệng các người dù có thể thổi lay động núi Tu-di, có thể làm cho lửa lạnh đi, nước nóng lên, đất cứng bị mềm nhão, nhưng các người không thể hại Bạc Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp tu tập thiện quả, thiên định chân chánh, tinh cần tu hành các pháp môn, nên trí tuệ an tịnh, sáng suốt, bốn công đức ấy không thể diệt trừ được. Nếu không trải thân qua vô lượng khổ khó ấy thì không thể đạt được quả Chánh giác. Như ngàn mặt trời soi sáng tất diệt hết bóng tối, dù cây được lửa, đào đất được nước, chăm lo tu tập các pháp thì có thể đạt được điều mong muốn. Chúng sinh ở đời đang bị chìm đắm trong ba độc không có người cứu vớt; vì lòng từ bi, Bồ-tát tìm thuốc trí tuệ vì đời mà trị bệnh, các người sao lại quấy phá như vậy? Chúng sinh trong thế gian mê mờ, phiền não, vô trí, tà kiến; nay Ngài mở bày pháp nhãn, dắt dẫn chúng sinh để họ tu tập theo chánh đạo, sao các người lại quấy rối Bạc Đạo Sư? Đó là điều không thể làm được, giống như nơi đồng trống mà xem thường người dẫn đường. Chúng sinh bị rơi vào đêm tối mờ mịt, hoang mang không biết đường nơi đâu, Bồ-tát vì họ mà thấp đèn trí tuệ lớn, các người sao lại muốn thổi tắt đi? Chúng sinh bị chìm đắm trong bể sinh tử, Bồ-tát vì họ mà tạo thuyền trí tuệ sao các người lại muốn làm cho thuyền đắm? Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm mào, tâm kiên định làm rẽ, dùng chánh pháp vô thượng để đạt quả vị Phật-đà, sao các người lại chặt phá? Tham, sân, si trói buộc chúng sinh, Bồ-tát tu tập khổ hạnh vì muốn giải thoát cho họ. Hôm nay Ngài quyết định ngồi kiết già thiên định nơi cội cây này để thành đạo vô thượng, nơi ấy chính là tòa kim cang của chư Phật quá khứ, các vùng đất khác dù rung chuyển nhưng vùng đất ấy vẫn không rung động. Ngài đã nhập vào định nhiệm mầu, chẳng người nào có thể lay chuyển được. Ma vương, người phải sinh lòng vui mừng, dứt tâm kiêu căng, sửa đổi suy nghĩ để phụng sự Ngài.

Ma vương nghe những lời ấy, lại thấy Bồ-tát vẫn điềm nhiên nên xấu hổ không còn lòng kiêu mạn, theo lời khuyên trở về cung ma. Chúng quân ma tan rã, lòng đầy buồn bã, khốn khổ, không còn chút uy vũ nào, khí giới bỏ rơi ngổn ngang khắp rừng núi.

Khi ác ma đi rồi, Bồ-tát tâm yên tĩnh, vắng lặng không động. Trên trời không một bóng mây, gió ngừng thổi, vầng tịch dương cuối ngày như sáng lên gấp bội, bóng nguyệt hằng vừa ló dạng nhẹ soi khắp nơi, các chòm sao trời như rực rỡ hẳn, tất cả mọi thứ u ám, tối tăm không còn làm trở ngại. Trên hư không, chư Thiên tung hoa đẹp xuống như mưa, tấu nhạc cúng dường Bồ-tát.

Vào đêm mồng bảy tháng hai, Bồ-tát dùng sức từ bi hàng phục Ma vương xong liền phóng hào quang lớn và nhập định suy nghĩ về chân lý. Từ trong các pháp thiên định tự tại, Bồ-tát biết được trong vô lượng kiếp ở quá khứ, bỏ thân mạng ở chỗ này sinh đến chỗ kia và đã tạo những nghiệp thiện ác gì, cha mẹ họ hàng, giàu nghèo, sang hèn, thọ yếu và tên họ như thế nào đều biết rõ. Sau đó Bồ-tát liền khởi lòng đại Bi đối với chúng sinh suy niệm: “Tất cả chúng sinh không có người cứu vớt nên luân hồi trong năm đường không biết bến đâu. Năm đường ấy đều giả dối, không chân thật, thế mà chúng sinh ở trong ấy cứ mãi đùa giỡn trong khổ lạc”. Bồ-tát nghĩ như thế cho đến hết canh một.

Vào lúc giữa đêm, Bồ-tát đạt được Thiên nhãn minh. Bồ-tát xem xét mọi việc trong thế gian đều thấy rất rõ ràng như tự thấy hình dung mình trong gương. Ngài thấy vô số chúng sinh với nhiều chủng loại, chết ở đây sinh ở kia, tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ quả báo khổ vui, thấy chúng sinh bị trừng phạt trong địa ngục như đổ nước đồng sôi vào miệng, hoặc ôm cột đồng nóng đỏ, hoặc nằm giường gai, hoặc bị rang đốt trong chảo sắt, hoặc bị nướng trên lửa, hoặc bị cọp beo, lang sói ăn thịt, có người nấp dưới bóng cây để trốn lửa nhưng những lá cây khi rụng xuống lại biến thành đao kiếm cắt đứt thân thể, hoặc bị cưa búa cưa chặt tứ chi, hoặc bị ném vào dòng sông lửa đầy tro bụi, hoặc bị ném vào hầm phân ứ... chịu bao nhiêu thứ khổ nhưng do nghiệp báo phải chết đi sống lại để chịu cảnh ấy. Bồ-tát thấy những hình phạt ấy rồi, quán niệm: “Những chúng sinh ấy vốn vì cái vui ở thế gian nên tạo các nghiệp ác, nay gặp quả báo thật là đau khổ. Nếu người nào thấy được quả báo như thế thì sẽ không có ý làm việc ác.”

Bồ-tát lại xem xét cõi súc sinh, thấy rõ các loại súc sinh tùy theo giống loài mà phải mang những hình dáng xấu xa, có loài xương thịt, gân sừng, răng lông bị người giết thịt hay bắt chuyên chở nặng nề, đói khát thiếu thôn không ai biết đến, hoặc bị xỏ mũi, hoặc bị cột đầu, thường cung cấp thịt cho người, lại cùng đồng loại ăn thịt lẫn nhau, chịu bao nhiêu nỗi khổ như thế. Bồ-tát thấy thế sinh tâm đại Bi liền nghĩ: “Những chúng sinh ấy luôn phải lấy thân thể, sức lực để phục vụ cho con người và còn bị đánh đập đói khát thống khổ đều do bao nghiệp dữ nên chịu quả báo như thế.”

Bồ-tát lại xem xét tiếp cõi nga quý, thấy chúng thường ở những nơi tối tăm, chưa từng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng và cũng không trông thấy nhau, phải mang thân thể lớn dài, bụng to như Thái sơn nhưng cổ lại nhỏ như cây kim, trong miệng thường có lửa bốc cháy, luôn luôn bị đói khát hành hạ đến ngàn muôn vạn năm không nghe được tiếng “ăn”. Nếu gặp trời mưa thì hạt nước biến thành hạt ngọc lửa, nếu vào nơi sông biển ao hồ thì thấy nước biến thành nước đồng sôi, tro bụi mịt mù, thân thể cử động bước đi tạo ra tiếng như người kéo năm trăm cỗ xe, từng đoạn thân thể đều có lửa đốt. Bồ-tát thấy nga quý chịu bao nhiêu điều khổ như thế nên khởi tâm đại Bi suy nghĩ: “Những chúng sinh đó vốn có tính keo bần, chỉ lo chứa của cải, không biết bố thí nên nay phải chịu những tội báo này. Nếu người nào thấy được nỗi thống khổ ấy chắc sẽ phát tâm bố thí, không còn keo kiệt. Nếu như không có tài sản, họ cũng phải cắt thịt bố thí”.

Bồ-tát lại quan sát ở nhân gian, thấy con người bắt đầu từ thân trung ấm theo dục mà vào thai, cha mẹ hòa hợp do niệm điên đảo sinh ra tâm ái, tức là lấy điều bất tịnh làm thân mình. Khi đã vào thai ở trong bụng mẹ, thân thể bị đun nóng như nỗi khổ ở địa ngục, đến đủ mười tháng mới sinh ra. Lúc mới sinh, được người khác bông ẵm, xúc chạm thô rít nên đau đớn, thống khổ như bị đao gươm châm chích, chẳng bao lâu lại đến già chết, rồi lại sinh ra làm trẻ con ... cứ thế trôi lăn trong năm nẻo không thể tự tịnh. Sau khi nội quán, Bồ-tát khởi tâm đại Bi, suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh đều có nỗi khổ như thế nhưng tại sao họ cứ ở trong cảnh ấy tham đắm các món dục cho đó là vui, không thể dứt trừ nguồn cội điên đảo”.

Cuối cùng Bồ-tát quán sát cõi trời, thấy các vị Thiên tử thân thể trong sạch, không bị bụi nhơ, như ngọc lưu ly sáng láng, đôi mắt sạch trong không bụi. Có vị trụ ở đỉnh núi Tu-di, hoặc ở bốn phía núi Tu-di, hoặc ở giữa hư không, lòng thường vui vẻ không có mối lo, thường tấu nhạc trời để làm vui, không biết ngày đêm, khắp nơi bốn phương nơi nào cũng tuyệt diệu. Bồ-tát thấy chư Thiên ở phương Đông mê đắm nhiều năm, quên sự chuyển đời, chư Thiên ở phương Tây cũng mãi mê thọ lạc, ngày qua tháng lại không nghĩ đến việc thác sinh, các phương Nam, phương Bắc đều như thế. Ăn uống, áo quần hề nghĩ tới là có ngay. Tuy có những điều vừa ý như thế nhưng cũng bị lừa dục nung nấu. Đến lúc phước ở cõi trời hết thì năm tướng chết hiện ra: một là hoa trên đầu héo, hai là mắt nháy, ba là ánh sáng trên thân không còn, bốn là dưới nách

mồ hôi xuất, năm là tự nhiên rời khỏi tòa ngòai của mình. Các quyền thuộc nhìn thấy năm từ tướng ấy hiện ra sinh tâm quyền luyến. Vị Thiên tử ấy tự thấy thân mình hiện năm từ tướng lại thêm các quyền thuộc quyền luyến nên ngay khi đó sinh lòng đau khổ. Bồ-tát thấy các Thiên tử như vậy nên khởi tâm đại Bi suy nghĩ: “Các vị Thiên tử vốn tu tập ít điều thiện nên được thọ hưởng lạc thú cõi trời nhưng khi sắp hết phước cũng vẫn sinh khổ não, mạng chung bỏ thân trời vẫn có thể đọa vào ba đường ác. Mục đích tu là để cầu quả báo vui, nhưng họ được rồi lại vẫn ít vui nhiều khổ, giống như người đói ăn thức ăn độc, trước có thể ngon miệng nhưng sau đó là tai họa. Bậc trí lại ham cái vui ấy sao? Chư Thiên ở cõi Sắc và Vô sắc giới thấy thọ mạng lâu dài liền cho là có vui lâu dài, đến khi thấy tướng suy hoại cảm thấy đau khổ, sinh ra tà kiến phỉ báng, cho là không có nhân quả vì thế mà bị trôi lăn trong ba đường chịu đủ mọi nỗi khổ”.

Bồ-tát dùng Thiên nhãn xem khắp năm đường khởi tâm từ bi suy nghĩ: “Trong ba cõi không một chút vui” suy nghĩ như thế đến tận nửa đêm. Sang canh thứ ba, Bồ-tát xem xét chúng sinh do nhân duyên gì mà có già chết? Và biết rõ chính do có sinh nên có già chết, nếu xa lìa sinh thì không có già chết. Lại hiện tượng sinh ấy không phải từ trời sinh xuống, không phải tự nhiên sinh mà do từ nhân duyên sinh ra. Do tham dục với sắc và Vô sắc nên sinh ra nghiệp. Bồ-tát lại quán nghiệp trong Tam hữu từ đâu sinh, liền biết từ Bốn thủ sinh ra. Cứ thế Bồ-tát nội quán thấy rõ bốn thủ từ ái sinh, ái từ thọ sinh, thọ từ xúc sinh, xúc từ lục nhập sinh, lục nhập do danh sắc sinh, danh sắc từ thức sinh, thức từ hành sinh, hành từ vô minh sinh ra. Nếu diệt được vô minh thì diệt được hành, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết, lo buồn, sầu thương diệt. Cứ như thế Bồ-tát nội suy, quán niệm mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận, nghịch đến canh ba thì phá được vô minh, vàng thái dương vừa hiện, Bồ-tát tìm được ánh sáng trí tuệ, tâm đoạn trừ hoàn toàn tập khí phiền não chướng ngại và thành Bậc Nhất Thiết Chứng Trí.

Khi ấy Như Lai suy nghĩ về tám Thánh đạo chân chánh, là con đường mà ba đời chư Phật đã đi để đến Niết-bàn, nay Ngài đã thể đạt được, thành tựu trí tuệ vô ngại. Lúc ấy toàn mặt đất hiện ra mười tám tướng chấn động, khắp nơi đều sạch trong, không có một mảy bụi trần, trống trời tự phát ra tiếng, gió thơm thổi lên êm ái mát mẻ, mây lành nhiều sắc tuôn mưa cam lộ, hoa quả ở trong các khu lâm viên bỗng nảy lộc, kết trái dù không phải mùa. Từ trời cao rơi xuống các loại hoa quý như hoa Mạn-đà-la, Đại Mạn-đà-la, Mạn-thù-sa và Đại Mạn-thù-sa, hoa vàng, hoa bạc, hoa lưu ly... Hoa sen bằng bảy báu phủ đầy quanh cây Bồ-đề đến ba mươi sáu do-tuần. Cùng lúc đó chư Thiên tấu Thiên nhạc, đốt hương, ca hát, khen ngợi, tay cầm bảo cái, tràng phan hiện ra đầy khắp hư không mà cúng dường Đức Như Lai. Tám bộ chúng rồng, thần... đều cúng dường như thế. Ngay lúc ấy tất cả chúng sinh đều khởi lòng từ yêu thương, không có ý tưởng giận dữ làm hại, vui mừng phấn chấn như thấy được Thánh tích, không sợ hãi mà ôn hòa, không kiêu căng, không keo kiệt, ganh tị đố kỵ. Các Thiên tử ở cõi trời Ngũ Tịnh cư, nơi đã xa lìa các trạng thái tâm hỷ lạc cũng đều vui mừng không kiềm chế được. Nổi thống khổ ở địa ngục tạm thời giảm bớt, chúng sinh ở cõi đó đều khởi sinh niệm hoan hỷ, tất cả loài súc sinh hay ăn thịt nhau bỗng không còn lòng ác, nọ quý nọ đủ không còn đói khát. Những nơi u ám của thế giới, nơi mặt trời mặt trăng chưa bao giờ chiếu tới nay bỗng sáng tỏ, chúng sinh trong các cõi ấy thấy được nhau đều thắc mắc tại sao nơi đây bỗng nhiên có chúng sinh. Vị Pháp Vương Đại Thánh xuất hiện khai sáng cho đời, dùng ánh sáng chánh pháp phá bỏ màn phi pháp u tối, làm cho mọi nơi đều sáng rõ. Vương tử Cam Giá bỏ ngòai học đạo đạt được Ngũ thông, do tu Thập thiện nên được sinh lên trời, lúc ấy cũng dùng thần thông đến bên cội Bồ-đề, từ hư không vui mừng chấp tay khen ngợi:

-Trong dòng họ Cam Giá của chúng ta, có người diệt được phiền não thành Bạc Nhất Thiết Chúng Trí, làm con mắt cho thế gian. Thật là lạ lùng đặc biệt!

Tất cả chúng sinh đều hoan hỷ tột độ, chỉ có Ma vương là ôm lòng phiền muộn.

Bấy giờ Đức Như Lai trong bảy ngày vẫn ngự tại cội Bồ-đề tư duy nội quán: “Ta ở tại đây diệt hết phiền não, những việc phải làm đã làm xong, bản nguyện hoàn thành. Pháp mà Ta chứng được thật là vi diệu, chỉ có Phật và Phật mới hiểu được. Toàn thể chúng sinh trong đời ngũ trược bị che khuất bởi tham muốn, giận dữ, ngu si, tà kiến, kiêu mạn, dua nịnh, phước đức mỏng manh, căn trí trì độn, không có trí tuệ làm sao có thể hiểu được pháp mà Ta đã chứng. Nếu nay Ta vì họ mà chuyển pháp luân chắc họ sẽ mê mờ, nghi ngờ, không thể tin theo rồi sinh chê bai mà bị sa vào đường ác chịu bao thống khổ, vậy Ta nên yên lặng mà vào Niết-bàn”. Khi đó Đức Như Lai nói kệ:

Đường Thánh thật khó đi

Quả trí tuệ khó đạt

Ta trong khó khăn ấy

Mọi việc làm đã xong

Trí tuệ Ta đạt được

Là vi diệu đệ nhất

Tánh chúng sinh trì độn

Chìm đắm trong mê mờ

Trôi theo dòng sinh tử

Không thể trở về nguồn

Các loài đều như thế

Làm sao cứu vớt được.

Bấy giờ vị Đại phạm thiên thấy Như Lai đã chứng Thánh quả mà yên lặng không chuyển pháp luân, lòng buồn rầu suy nghĩ: ‘Thế Tôn đã từng vô lượng kiếp vì chúng sinh ở lâu dài trong sinh tử, lia bỏ ngôi vị, vợ con, chọ đến đầu, mắt, não, tủy, chịu bao khổ sở, nay nguyện đã thành, chứng Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sao lại lặng yên không chuyển pháp luân, nếu thế chúng sinh sẽ phải chìm mãi trong biển sinh tử. Ta nay phải đến cầu xin Phật chuyển pháp luân’. Nghĩ thế rồi, vị Phạm thiên rời Thiên cung đến chỗ Đức Như Lai nhanh như khoảng thời gian một lực sĩ co duỗi cánh tay. Đến nơi, Phạm thiên cung kính chấp tay, lễ xuống chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng rồi ngồi sang một bên chấp tay, quỳ bạch Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn, Ngài từ xưa đến nay từng ở mãi trong sinh tử bỏ cả thân đầu mắt để bố thí, chịu bao nỗi khổ, chỉ vì chúng sinh mà tu tập tất cả đức hạnh, nay đã thành đạo, sao Ngài lại lặng yên không chuyển pháp luân. Chúng sinh đang chìm trong đêm dài sinh tử, rơi vào vô minh, thật khó biết khi nào ra khỏi, nhưng cũng có chúng sinh trong đời trước được gần gũi bạn lành, vun trồng các công đức nên có thể nghe pháp, nhận lãnh đạo Thánh, vậy xin Thế Tôn thương xót hãy vì những chúng sinh đó mà chuyển pháp luân.

Trời Đế Thích và trời Tha hóa tự tại cũng đến khuyến thỉnh Như Lai hãy vì chúng sinh mà chuyển pháp luân.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các vị Thiên vương:

-Ta cũng muốn vì tất cả chúng sinh chuyển pháp luân, nhưng chỉ vì pháp mà Ta chứng được vô cùng vi diệu, sâu xa, khó hiểu khó bàn, chúng sinh thật khó có thể tin và vâng theo, lại sinh lòng phỉ báng mà phải sa vào địa ngục. Ta nay vì thế mà yên lặng.

Trời Phạm thiên và Đế Thích phải ba lần khuyến thỉnh, đến hết ngày thứ bảy, Phật mới yên lặng nhận lời. Chư Thiên biết Phật đã nhận lời liền cúi lạy xuống chân Phật rồi trở về Thiên cung.

Sau khi nhận lời khuyến thỉnh của Phạm thiên và Đế Thích, Thế Tôn liền dùng Phật nhãn quán sát, thấy rõ chúng sinh có ba bậc thượng căn, trung căn và hạ căn; các phiến não cũng có ba loại thượng, trung và hạ. Quán sát như thế cho đến mười bốn ngày, Phật lại nghĩ: “Ta nay sắp mở cửa cam lộ nhưng ai xứng đáng là người đầu tiên được nghe pháp? Tiên nhân A-la-la là người thông tuệ, có thể hiểu được giáo pháp này. Vị ấy từng nguyện là nếu Ta thành đạo thì độ ông ta trước”. Thế Tôn vừa nghĩ như thế thì trong không trung có tiếng:

-Tiên nhân A-la-la vừa qua đời đêm hôm qua.

Đức Thế Tôn đáp:

-Ta cũng đã biết đêm qua ông ấy qua đời.

Phật lại nghĩ: “Tiên nhân Ca-lan căn tánh lạnh lợi, có thể hiểu được giáo pháp của Ta, xứng đáng được nghe pháp trước tiên”. Trong không trung lại có tiếng nói:

-Tiên nhân Ca-lan cũng đã vừa qua đời đêm hôm qua.

Thế Tôn cũng đáp như trước rồi Ngài lại nghĩ: “Năm anh em Kiều-trần-như theo lệnh Quốc sư và quan đại thân ở lại chăm nom, hầu hạ Ta, đều là những người thông minh. Ngoài ra trong đời quá khứ, họ đã phát nguyện với Ta là mong được nghe pháp trước tiên, Ta nay nên vì năm người này mà mở cửa chánh pháp”. Lại nghĩ: “Chư Phật quá khứ chuyển pháp luân đều tại vườn Lộc dã, trụ xứ của các vị Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, năm người kia cũng cư trú nơi ấy. Ta nay nên đến đó chuyển đại pháp luân”. Nghĩ thế rồi, Thế Tôn đứng dậy đi đến nước Ba-la-nại.

Bấy giờ có năm trăm người lái buôn do hai vị thương chủ là Bạt-đà-la-tu-na và Bạt-đà-la-lê dẫn đầu đang đi qua cánh đồng trống. Một vị Thiên tử hiện đến nói với họ:

-Có Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện, khai hóa cho đời, là ruộng phước cao quý bậc nhất. Các người nên đến trước Ngài cúng dường.

Vị thương chủ nghe vị Thiên tử nói như thế, mừng rỡ khen ngợi và hỏi:

-Lời dạy ấy thật là tốt lành! Đức Thế Tôn giờ ở nơi đâu?

Vị Thiên tử đáp:

-Không lâu nữa, Thế Tôn sẽ đi ngang qua đây.

Lúc ấy Như Lai có vô số chư Thiên hộ tống đến thôn Sa-bạt-lợi. Hai người lái buôn thấy Đức Như Lai tướng mạo uy nghi trang nghiêm, lại thấy chư Thiên vây quanh trước sau hộ tống nên lòng càng vui mừng bèn dùng mật ong và đường dâng lên cúng dường Phật. Lúc ấy Thế Tôn nghĩ: “Chư Phật trong quá khứ dùng Bát-đà-la để đựng thức ăn”. Bốn vị Thiên vương biết ý nghĩ của Phật nên mỗi vị đem một cái bát đến dâng cho Phật. Đức Thế Tôn nghĩ: “Nếu Ta nhận bát của một vị thì các vị kia sẽ không vui” nên Ngài nhận hết và đặt bốn cái bát lên nhau, dùng bàn tay ấn xuống thành một bát, bốn cạnh bát hiện lên rất rõ. Thế Tôn chú nguyện:

-Nay các ông cúng dường các món này, mong Ta dùng xong sẽ tăng khí lực, Ta cũng chú nguyện cho các ông được sức khỏe, bền tâm, vui vẻ, an lạc, yên ổn không bệnh tật, sống lâu và được thiện thần phù hộ. Do cúng dường trai thực sẽ dứt được gốc rễ ba độc, tương lai sẽ đạt tam kiên pháp, thông minh trí tuệ, hết lòng tin tưởng Phật pháp, sinh ra ở đâu cũng đều có chánh kiến, không mê muội. Trong hiện tại cha mẹ vợ con, quyến thuộc thân thích đều sum vầy, không có những chuyện quái lạ, chẳng lành xảy ra, người trong gia đình có ai làm ác mà đọa vào đường dữ sẽ do phước báo bố thí này được sinh trong cõi người, cõi trời, không khởi tà kiến, tiến tu công đức, thường được ở gần chư Phật Như Lai, được nghe pháp nhiệm mầu, chứng được chân lý đầy đủ như ý nguyện.

Đức Thế Tôn chú nguyện xong mới thọ thực. Sau khi thọ thực, rửa tay và bát xong, Ngài truyền pháp tam quy cho các thương gia: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng-già ở tương lai. Trao truyền pháp tam quy xong, Đức Phật từ giả đi tiếp đến vườn Lộc dã, với oai nghi đĩnh đạc thanh thoát giống như Nga vương. Trên đường, Phật gặp một người ngoại đạo tên là Ưu-bà-già. Vị ngoại đạo ấy thấy tướng tốt trang nghiêm, các căn tĩnh lặng của Phật cho là điều kỳ diệu nên nói kệ khen ngợi:

Chúng sinh ở thế gian

Đều bị ba độc trói

Các căn lại phóng dật

Bị ngoại cảnh cuốn lôi

Nhưng nay thấy Nhân giả

Các căn thật vắng lặng

Ắt đạt đạo giải thoát

Chắc thế không còn nghi

Thầy Nhân giả là ai?

Tên họ gọi là gì?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Ta nay đã vượt thoát

Khỏi cảnh giới chúng sinh

Pháp vi diệu sâu xa

Ta nay đã biết hết

Ba độc và năm dục

Đoạn hẳn không còn nữa

Như hoa sen trong bùn

Không nhiễm nước bùn hôi

Tự chứng Bát chánh đạo

Không thầy không bạn bè

*Dùng trí tuệ thanh tịnh
Hàng phục được Ma vương
Nay đạt đạo Chánh giác
Xứng là Thầy trời người
Thân miệng ý toàn tịnh
Nên hiệu là Mâu-ni
Muốn đến Ba-la-nại
Để chuyển chánh pháp luân
Điều mà trời người, ma
Không sao giảng nói được.*

Ưu-bà-già nghe bài kệ xong, lòng sinh vui mừng khen là chưa từng có, chấp tay cung kính nhiễu quanh Thế Tôn, từ biệt ra đi. Đi một đoạn, Ưu-bà-già còn quay lại nhìn, không thấy Thế Tôn nữa mới đi hẳn.

Đức Thế Tôn đi tiếp đến bờ sông A-xà-ba-la thì trời đã chiều tối nên phải dừng chân nghỉ rồi ngồi nhập định suốt bảy ngày trong mưa gió. Tại dòng sông ấy, có vị Long vương tên Mục-chân-lân-đà thấy Phật nhập định liền dùng thân quần quanh Phật bảy vòng suốt trong bảy ngày. Sau bảy ngày vị ấy liền biến thành hình người cúi đầu lễ dưới chân Phật thưa:

-Thế Tôn ngồi ở đây suốt trong bảy ngày không ngại trời mưa gió sao?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chư Thiên và người đời
Vui thích trong ngũ dục
So với vui thiền định
Không thể nào sánh bằng.*

Long vương nghe lời kệ của Phật vui mừng hơn hờ cúi đầu lễ xuống chân Phật rồi trở về Long cung. Đức Thế Tôn lại tiếp tục đi đến thành Ba-la-nại, chỗ của năm vị Kiều-trần-như, Ma-ha-na-ma, Bạt-ba, A-xá-bà-xà, Bạt-đà-la-xà cư trú. Năm người ấy thấy Phật từ xa đang đi đến liền bàn với nhau:

-Sa-môn Cù-đàm bỏ lối tu khổ hạnh, thoái thân trở lại thọ hưởng thú vui ăn uống không còn tâm đạo nữa. Nay ông ta đến đây chúng ta không cần đứng lên tiếp đón, cũng không làm lễ kính, thăm hỏi. Nếu ông ấy muốn cần một chỗ ngồi thì cứ tự ý chọn chỗ để ngồi.

Nói xong, họ đều yên lặng nhưng khi Phật đến gần thì năm người tự động đứng dậy lạy chào, vội vàng cung kính tiếp đón, làm những việc như lúc trước, người tiếp đỡ y bát, người lấy nước rửa, người rửa chân cho Phật... Ai cũng làm ngược lại những lời đã giao ước, nhưng vẫn như trước, gọi Phật là Cù-đàm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi anh em Kiều-trần-như:

-Các người cùng đồng ý với nhau là gặp Ta không đứng dậy, nay sao lại trái với lời hẹn ước, vội đứng dậy tiếp đón hầu hạ Ta?

Năm người nghe hỏi trong lòng hồ thẹn liền thưa:

-Cù-đàm đi đường có mỏi mệt không?

Thế Tôn hỏi:

-Sao các người đối với Bạc Vô Thượng Tôn lại gọi tên họ như thế? Lòng Ta tuy không chấp trách sự hủy báng hay khen ngợi, không có tâm phân biệt nhưng các người kiêu căng sẽ chuốc lấy quả báo dữ. Ví như đối với lễ nghi ở thế gian, con còn không thể gọi cha mẹ bằng tên, huống chi Ta nay là cha mẹ của tất cả.

Cả năm vị nghe những lời dạy ấy lại càng hồ thẹn, thưa với Phật:

-Chúng con ngu si không trí tuệ, không biết nay Ngài đã thành Chánh giác. Vì sao? Vì trước kia thấy Như Lai tu khổ hạnh sáu năm, ngày ăn một hạt gạo, một hạt mè mà nay trở lại hưởng thú vui ăn uống; do đó chúng con tưởng Phật chưa đạt đạo.

Phật bèn nói với năm người:

-Các ông chớ dùng trí nhỏ để đo lường đạo Ta thành hay chưa thành đạo. Vì sao? Vì khi thân xác khô thì tâm loạn, thân vui sướng thì lòng sẽ say đắm. Do đó khổ và vui, cả hai đều không phải là nguyên nhân thành đạo, chẳng khác gì dùi cây lấy lửa, lại đặt khúc cây trong nước mà dùi thì chắc chắn không có lửa để soi sáng. Tim lửa trí tuệ cũng vậy, có nước của khổ vui thì ánh sáng của lửa trí tuệ không sinh, vì lửa trí tuệ không sinh nên không thể diệt trừ được màn đen tối của sinh tử. Nay nếu bỏ được khổ và vui, tu tập theo Trung đạo thì tâm sẽ an định, có thể lĩnh hội tu tập theo tám Thánh đạo chân chánh, xa rời mối lo sinh, già, bệnh, chết. Chính Ta đã tu tập theo Trung đạo nên đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm người ấy nghe Như Lai dạy như thế lòng rất vui mừng, vô cùng phấn chấn, nhìn ngắm dung nhan của Phật không rời. Khi ấy Đức Thế Tôn xét thấy căn tánh của năm vị nhóm ông Kiều-trần-như có thể nhận hiểu được đạo pháp nên dạy:

-Này Kiều-trần-như, các ông nên biết, thân năm ấm này là khổ, sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, yêu thương mà xa nhau là khổ, căm ghét mà gặp nhau là khổ, mong mỏi không được cũng khổ, mất đi niềm vui sướng khi vinh hiển là khổ. Này Kiều-trần-như, chúng sinh hữu hình hay vô hình, không chân, có một chân, hai chân, ba chân, bốn chân hay nhiều chân.. không loài nào là không có những nỗi khổ ấy. Ví như lấy tro phủ lên lửa; nếu gặp cỏ khô, lửa sẽ bốc cháy. Như vậy những nỗi khổ là do gốc chấp Ngã mà sinh ra. Nếu có chúng sinh nào khởi lên niệm tưởng chấp ngã, dù nhỏ nhiệm đến đâu cũng phải chịu những nỗi khổ ấy. Tham dục, giận dữ, ngu si đều do căn bản chấp Ngã sinh ra. Lại nữa, ba độc này là nguyên nhân của khổ, ví như hạt giống có năng lực sinh ra mầm mống, chúng sinh chính vì chúng nên phải luân hồi trong ba cõi. Nếu diệt được chấp Ngã và tham, sân, si thì những nỗi khổ sẽ theo đó đoạn dứt. Tất cả khổ đau phiền não đều do Bát chánh đạo đó mà diệt trừ, giống như một người lấy nước rưới tắt lửa lớn. Toàn thể chúng sinh không biết cội rễ của khổ đau, nên đều bị luân hồi trong sinh tử. Này Kiều-trần-như, Khổ cần nên biết, Tập phải đoạn trừ, Diệt cần nên chứng, Đạo cần nên tu. Này Kiều-trần-như, Ta đã biết Khổ, đã dứt Tập, đã chứng Diệt, đã tu Đạo nên đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nay các ông cần phải biết Khổ, dứt Tập, chứng Diệt và tu Đạo. Nếu ai không tỏ ngộ Tứ thánh đế ấy thì nên biết người ấy chưa được giải thoát. Bốn chân lý ấy là chân thật: Khổ chính thực là Khổ, Tập chính thực là Tập, Diệt chính thực là Diệt, Đạo chính thực là Đạo. Này Kiều-trần-như, các ông đã thông suốt chưa?

Kiều-trần-như thưa:

-Bạch Thế Tôn, chúng con đã hiểu, chúng con đã biết.

Vì hiểu rõ pháp Tứ đế nên từ ấy ông có hiệu là A-nhã Kiều-trần-như. Khi Phật ba lần giảng pháp Tứ đế và Mười hai hành, Kiều-trần-như thông đạt pháp ấy, tâm xa lìa trần cấu và đắc pháp nhãn thanh tịnh. Cùng lúc ấy, tám vạn na-do-tha chư Thiên ở trên không trung cũng xa lìa trần cấu đắc pháp nhãn tịnh. Vị Địa thần thấy Đức Như Lai ở nơi khu đất của mình chuyển pháp luân, lòng rất vui mừng, lớn tiếng xưng:

-Như Lai đã ở nơi đây chuyển pháp luân vi diệu.

Tất cả trời thần trong hư không nghe được lời ấy sinh tâm phấn chấn, truyền nhau hô lớn vang thấu đến cõi trời sắc cứu cánh. Chư Thiên tại nơi ấy nghe được liền hân hoan vô cùng, cao giọng xưng:

-Hôm nay, trong vườn Lộc dã, trú xứ của các Tiên nhân thuộc thành Ba-la-nại, Đức Như Lai đã chuyển Đại pháp luân, điều mà tất cả thế gian, Trời, Người, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn không thể giảng nói được.

Lúc đó toàn mặt đất hiện ra mười tám tướng chuyển động, tám bộ chúng trời, rồng... ở trên hư không tấu các loại nhạc, trống trời tự kêu, đốt các danh hương, rải các loài hoa quý, cờ quý, lọng báu cùng ca ngâm khen ngợi, khắp các cõi trong thế giới tự nhiên sáng rõ. A-nhã Kiều-trần-như do tỏ ngộ chánh pháp đầu tiên nên là vị đệ tử thứ nhất của Phật. Bốn vị kia thấy Phật chuyển pháp luân xong mà chỉ có A-nhã Kiều-trần-như đắc đạo nên trong lòng nghĩ: “Nếu Thế Tôn vì chúng ta nói pháp lại lần nữa, chúng ta cũng sẽ đắc đạo”. Nghĩ như thế rồi cùng nhau chiêm ngưỡng Đức Phật không rời. Đức Phật biết tâm niệm của bốn người ấy nên giảng nói lại pháp Tứ đế. Sau khi nghe xong, họ cũng xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, sau khi đã thấy chân lý, năm vị liền đảnh lễ Phật, thưa:

-Bạch Thế Tôn, năm người chúng con đã thấy được chân lý, đã chứng được đấng đạo, nay chúng con muốn xuất gia theo Phật, xin Đức Thế Tôn thương xót nhận.

Đức Thế Tôn liền gọi năm người:

-Hay lắm các Tỳ-kheo!

Râu tóc họ liền tự rụng, khoác cà-sa trên thân, năm người đều trở thành Sa-môn. Lúc ấy Thế Tôn hỏi năm vị Tỳ-kheo:

-Này các Tỳ-kheo, các ông cho rằng có biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường, là khổ hay không khổ, là không hay chẳng phải không, là ngã hay vô ngã.

Năm vị Tỳ-kheo vừa nghe lời hỏi về năm ấm ấy xong, các lậu hoặc đều sạch không, tâm thông suốt, chứng được quả A-la-hán, liền thưa:

-Bạch Thế Tôn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Kể từ đó, tại thế gian có sáu vị A-la-hán. Đức Phật chính là Phật bảo, Tứ đế chính là Pháp bảo, năm vị La-hán ấy chính là Tăng bảo. Như thế, ba ngôi báu đã đầy đủ, hiện diện ở thế gian, là ruộng phước tốt nhất cho cả trời người.

Quyển 4

Bấy giờ có chàng trai tên Da-xá, con của một vị trưởng giả giàu có nhất trong cõi Diêm-phù-đề, là người bản tánh thông minh, lanh lợi, thường đội thiên quan, đeo chuỗi anh lạc, đi giày báu vô giá. Một hôm, sau khi vui chơi với các kỹ nữ đến khuya, tất cả đều đi ngủ, Da-xá nửa đêm bỗng thức giấc, nhìn thấy các kỹ nữ ngủ say, cô nằm sắp, cô nằm ngửa, tóc tai xõ tung rối bời, nước miếng nhều ra, nhạc khí, quần áo và nữ trang rơi vãi lung tung. Trông thấy cảnh ấy, Da-xá sinh ra chán ngán, suy nghĩ: “Ta nay đang ở trong nạn tai bất tịnh, lại tưởng lầm là thanh tịnh”. Đang lúc suy nghĩ như thế, do uy lực của chư Thiên, một luồng ánh sáng rực rỡ hiện ra chói lòa cả không trung, cửa tự nhiên mở, Da-xá theo luồng sáng ấy đi về phía vườn Lộc dã. Khi đến bờ sông Hằng, Da-xá liền lớn tiếng kêu:

-Khô đau thay! Lạ lùng thay!

Phật nghe được liền lên tiếng:

-Này Da-xá, ngươi hãy sang đây! Nay ở chỗ Ta có pháp môn lìa xa đau khổ.

Da-xá nghe thế liền cởi đôi giày quý để lại, lội qua sông đến chỗ Phật. Qua được sông Hằng, Da-xá bước thẳng đến chỗ Phật. Vừa đến nơi, thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tư thế đĩnh đạc, uy đức đầy đủ, lòng Da-xá vô cùng vui mừng phấn chấn, vội cúi năm vóc sát đất đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

-Xin Đức Thế Tôn hãy cứu vớt con.

Phật bảo:

-Lành thay! Thiện nam tử, ngươi hãy lắng nghe, suy tư và ghi nhớ kỹ. Như Lai sẽ tùy theo căn cơ của ngươi mà thuyết pháp. Này Da-xá, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngươi có biết không?

Da-xá nghe xong, lập tức xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, Đức Như Lai giảng lại pháp Tứ đế, nghe xong Da-xá rũ sạch tất cả lậu hoặc, phiền não, tâm ý rộng rang tự tại, chứng được quả A-la-hán. Da-xá liền bạch Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức thật đúng là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Khi ấy thấy Da-xá vẫn còn mang những đồ trang sức, Phật liền nói kệ dạy:

Dù người còn ở nhà

Thân đầy trang sức quý

Khéo giữ gìn tình cảm

Chán xa năm thứ dục

Nếu được tâm như vậy

Mới thật là xuất gia

Tuy thân ở đồng trống

Ăn mặc thật dơ thô

Ý còn tham năm dục

Chẳng phải là xuất gia

Những thiện ác đã tạo

Đều do tâm phát sinh

Cho nên thực xuất gia

Đều lấy tâm làm gốc.

Da-xá nghe Như Lai nói kệ xong, lòng suy nghĩ: “Thế Tôn nói thế chính vì ta còn đeo mang châu báu, nay ta cần phải cởi bỏ những trang phục này”, liền lạy và thưa với Phật:

-Xin Đức Thế Tôn chấp thuận cho con xuất gia.

Đức Thế Tôn nói:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc Da-xá liền tự rụng, cà-sa khoác trên thân thành Sa-môn. Bấy giờ, cha của Da-xá buổi sáng thức dậy tìm con không thấy, lòng buồn khổ, than vãn, kêu khóc, đi dọc theo bờ sông tìm kiếm. Đến sông Hằng, thấy đôi giày của con để lại trên bờ, ông suy nghĩ: “Con ta chắc là đi con đường này”. Ông vội lần theo dấu chân của Da-xá đi đến chỗ Phật. Đức Thế Tôn trông thấy, biết ông ta vì con mà đến đây; nếu để ông thấy được Da-xá, nhất định trong lòng sẽ rất buồn khổ, hay có thể mạng chung nên dùng thần lực giấu thân Da-xá. Vị trưởng giả đi đến trước Phật, cúi đầu lễ xuống chân Ngài rồi đứng sang một bên. Lúc ấy, Đức Như Lai thuyết pháp theo đúng căn tánh của trưởng giả. Phật dạy:

-Này thiện nam tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Ông có biết không?

Vị trưởng giả, cha của Da-xá nghe những lời dạy ấy, tâm lập tức xa lìa trần cấu, đắc pháp nhân thanh tịnh, thưa với Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức thực sự là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Lúc bấy giờ, Đức Như Lai biết trưởng giả đã thấy được đạo, niệm ân ái đã suy giảm nên hỏi ông vì việc gì mà đến đây. Vị trưởng giả thưa:

-Con có đưa con tên Da-xá bỗng nhiên bỏ nhà đi mất từ đêm qua. Sáng nay con đi tìm chỉ thấy đôi giày của nó bên bờ sông Hằng rồi theo dấu chân tìm đến được đây.

Thế Tôn thu lại thần lực nên vị trưởng giả thấy được con mình, lòng mừng vui tột độ, nói với Da-xá:

-Lành thay! May thay! Con làm việc này khiến cha thật vui sướng. Con đã tự độ bản thân lại có thể độ cho người khác. Do con ở đây nên cha mới đến và nhờ đó mà cha thấy được đạo.

Nói xong, ông liền đến trước Phật xin thọ Tam quy. Vị trưởng giả ấy là Ưu-bà-tắc đầu tiên trong cõi Diêm-phù-đề được cúng dường Tam bảo.

Bấy giờ năm mươi người con của các trưởng giả khác, bạn của Da-xá, nghe Phật đã xuất hiện ở đời và biết Da-xá đã theo Phật xuất gia tu tập nên suy nghĩ: “Nay ở thế gian có Đấng Vô Thượng Tôn, Da-xá là người thông minh, biện tài hơn người mà có thể rời bỏ gia đình, thân tộc giàu sang, xa lìa thú vui của năm dục, quyết chí tu hành, thay đổi hình hài thành Sa-môn. Nay chúng ta còn tiếc gì mà không xuất gia?” Nghĩ xong, các chàng trai cùng nhau đi đến chỗ Phật. Chưa đến nơi nhưng từ xa họ đã thấy Đức Như Lai thân tướng tuyệt đẹp, ánh sáng rực rỡ, lòng họ rộn lên niềm vui, toàn thân nhẹ nhàng, thanh thản, lòng tôn kính phát sinh, họ lập tức đến gần Phật chấp tay nhiều quanh rồi cúi đầu lễ xuống chân Phật. Những vị trưởng giả từ ấy vốn đã

trông căn lành từ trước nên dễ ngộ đạo. Đức Như Lai thuyết pháp phù hợp căn tánh của họ. Ngài dạy:

-Này các thiện nam tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Các người có biết không?

Khi Phật vừa giảng xong lời pháp đó, tâm các chàng trai lập tức xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, liền cùng nhau thưa Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức thực đúng là vô thường, khổ, không, vô ngã. Cúi xin Thế Tôn chấp thuận cho chúng con được xuất gia.

Phật nói:

-Lành thay, các Tỳ-kheo!

Lập tức râu tóc họ tự rụng, vận cà-sa trên thân, trở thành Sa-môn. Đức Thế Tôn liền giảng rộng pháp Tứ đế cho các vị Tỳ-kheo ấy. Nghe xong, năm mươi vị Tỳ-kheo tinh ngộ, nội tâm đoạn trừ hoàn toàn lậu hoặc, phiền não, chứng được quả A-la-hán. Lúc ấy lần đầu tiên ở thế gian có năm mươi sáu vị A-la-hán. Đức Như Lai bảo các thầy Tỳ-kheo:

-Nay các ông, việc cần làm đã làm xong, xứng đáng là ruộng phước vô thượng cho thế gian. Các ông mỗi người nên đi khắp nơi giáo hóa, lấy đức Từ bi để độ chúng sinh. Nay Ta cũng sẽ một mình đi đến thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đề để hóa độ nhân dân ở đó.

Các Tỳ-kheo thưa:

-Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.

Các Tỳ-kheo cúi đầu đánh lễ Phật rồi mỗi vị khoác y cầm bát từ giả Phật ra đi.

Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Thế Tôn suy nghĩ: “Hiện nay Ta phải hóa độ những chúng sinh nào để có lợi ích rộng rãi cho cả trời người? Chỉ có ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp tu theo đạo thờ lửa ở tại nước Ma-kiệt-đề là người được cả vua và thần dân đều quy ngưỡng tin theo. Ông ta rất thông minh, căn tánh lạnh lợi, dễ giác ngộ nhưng lại rất ngã mạn, rất khó điều phục. Nay Ta phải đến đó đưa họ đến giải thoát”. Suy nghĩ xong, Đức Phật từ giả thành Ba-la-nại đến nước Ma-kiệt-đề. Trời vừa sập tối, Phật cũng vừa đến được trú xứ của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Lúc ấy Ca-diếp thấy thân tướng của Như Lai tốt đẹp, trang nghiêm trong lòng vui mừng, hỏi:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi từ đâu đến?

Phật đáp:

-Ta từ nước Ba-la-nại đến, muốn đi đến nước Ma-kiệt-đề nhưng vì trời tối nên muốn xin nghỉ lại một đêm.

Ca-diếp đáp:

-Ở lại một đêm không có gì bất tiện, chỉ ngại là các phòng đều có đệ tử của tôi ở cả. Chỉ còn một hang đá rất thanh tịnh, các dụng cụ thờ lửa của tôi đều để trong đó, nơi đó thanh vắng có thể ở được nhưng trong hang có con rồng dữ, chỉ e nó sẽ làm hại người mà thôi?

Phật đáp:

-Dù có rồng dữ nhưng tôi xin cứ được ở tạm.

Ca-diếp đáp:

-Tính nó hung dữ, sợ làm hại Ngài chứ chẳng phải tôi tiếc.

Phật nói:

-Chỉ cho tôi ở tạm, nhất định không sao đâu.

Ca-diếp đáp:

-Nếu Ngài có thể ở được thì xin tùy ý Ngài.

Phật nói: “Tốt lắm” và liền bước vào hang đá, ngồi kiết già thiền định. Lúc ấy rồng độc nổi cơn giận dữ, toàn thân phun ra lửa khói. Đức Thế Tôn bèn hướng tâm vào Hỏa quang tam-muội, rồng thấy thế càng giận dữ phun lửa bốc cao, bao trùm cả hang đá. Các đệ tử của Ca-diếp thấy ngọn lửa dữ ấy liền vào thưa với thầy là vị Sa-môn trẻ tuổi, thông minh trang nghiêm ấy đã bị lửa của độc long làm hại. Ca-diếp giạt mình đứng dậy ra xem, thấy ngọn lửa của độc long, trong lòng buồn thương liền sai đệ tử lấy nước dập tắt, nhưng chẳng những không dập tắt được mà ngọn lửa càng bốc cao hơn, trùm khắp hang đá. Khi đó thân tâm Đức Thế Tôn vẫn bất động, sắc diện an nhiên tự tại, hàng phục làm cho độc long tiêu trừ tính ác, quy y với Phật rồi vào nằm trong bình bát của Ngài. Trời vừa sáng, thầy trò Ca-diếp cùng đến chỗ hang đá, họ đều nghĩ là vị Sa-môn trẻ tuổi chắc đã bị lửa rồng giết hại. Ca-diếp nói:

-Vị Sa-môn ở trong hang kia, hôm qua tôi không cho Ngài ở chỉ vì lý do này.

Phật liền lên tiếng:

-Lòng Ta thanh tịnh thì không bao giờ bị tai họa bên ngoài làm hại. Nay Độc long đang ở trong bình bát.

Phật bèn mở bát đưa cho Ca-diếp xem. Thầy trò Ca-diếp thấy vị Sa-môn chẳng những không bị lửa rồng độc làm hại mà còn hàng phục được và đặt nó vào bát, khen ngợi cho là điều chưa từng có. Tuy nhiên Ca-diếp vẫn nói với các đệ tử:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi ấy tuy có thần thông nhưng nhất định không thể bằng chân đạo của ta.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói với Ca-diếp:

-Nay tôi muốn ở lại nơi đây được không?

Ca-diếp đáp:

-Thật tốt lành! Xin tùy ý Ngài.

Trong đêm thứ hai, Đức Như Lai đến ngồi dưới một bóng cây. Vào giữa đêm, bốn vị Thiên vương cùng đến chỗ Phật để nghe pháp. Mỗi vị đều từ thân phóng hào quang chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng. Đêm ấy Ca-diếp thức giấc, từ xa trông thấy ánh sáng của chư Thiên bên cạnh Như Lai liền nói với các đệ tử:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi kia cũng theo đạo thờ lửa.

Đến sáng, ông ta đến chỗ Phật, hỏi:

-Thưa Sa-môn, Ngài cũng theo đạo thờ lửa phải không?

Phật đáp:

-Không phải thế, đêm qua có Tứ Thiên vương đến nghe thuyết pháp nên có ánh sáng đó.

Ca-diếp nói với chúng đệ tử:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi đó có uy đức lớn nhưng tuyệt nhiên không thể sánh với đạo chân chánh của ta.

Vào đêm thứ ba, vua trời Đế Thích từ Thiên cung xuống nghe thuyết pháp, thân vị ấy chiếu hào quang sáng như mặt trời mới mọc. Các đệ tử của Ca-diếp từ xa trông thấy ánh sáng của vị trời bên cạnh Phật vội vàng đến thưa thầy:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi kia chắc chắn là theo đạo thờ lửa.

Trời vừa sáng, tất cả lại đến hỏi Phật. Phật cho biết đó là hào quang của vua trời Đế Thích xuống nghe pháp. Nghe thế nhưng Ca-diếp vẫn cho đạo ông ta là chân chánh hơn.

Đến đêm thứ tư, Đại phạm Thiên vương cũng xuống thế gian, đến chỗ Phật nghe thuyết pháp. Hào quang từ thân vị ấy sáng như mặt trời giữa trưa. Đêm đó, Ca-diếp trở giấc thức dậy, thấy ánh sáng chói chang tại chỗ Phật nên quyết chắc là Ngài theo đạo thờ lửa. Sáng mai, Ca-diếp lại đến hỏi Phật mới biết là giữa đêm có vị Đại phạm Thiên vương đến nghe Phật thuyết pháp. Ca-diếp trong lòng thầm nghĩ: “Tuy vị Sa-môn trẻ tuổi này có thần thông kỳ diệu như thế nhưng tuyệt nhiên vẫn không thể sánh bằng chân đạo của ta”.

Năm trăm đệ tử của Ca-diếp, mỗi vị đều thờ ba ngọn lửa, sáng nào họ cũng đốt lửa, nhưng hôm ấy đốt mãi mà lửa vẫn không cháy nên kéo đến thưa lên thầy. Ca-diếp nghe xong, thầm nghĩ trong lòng: “Điều ấy chắc là do thần lực của vị Sa-môn kia” nên lập tức cùng đệ tử đến gặp Phật, nói:

-Mỗi người đệ tử của tôi đều thờ ba ngọn lửa. Sáng nay muốn thắp lên mà lửa vẫn không cách nào cháy được.

Phật bảo:

-Các ông hãy trở về, lửa sẽ tự nhiên cháy.

Ca-diếp quay về thì thấy lửa đã cháy nhưng vẫn tự nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi kia tuy có diệu lực nhưng dầu sao vẫn không chân chánh bằng đạo của ta”. Các đệ tử làm lễ cúng dường lửa xong, muốn tắt lửa nhưng không thể nào tắt được, vội đến thưa với Ca-diếp. Ca-diếp nghĩ chắc cũng do vị Sa-môn kia làm ra, bèn đến trình bày việc ấy với Phật. Phật bảo:

-Các ông hãy về đi, lửa sẽ tự tắt.

Quả nhiên khi thầy trò trở về thì lửa đã tắt nhưng Ca-diếp vẫn cho đạo ông là chân chánh hơn.

Đến khi bản thân Ca-diếp tế thân lửa, nhưng đốt mãi mà lửa vẫn không cháy, Ca-diếp biết là do thần lực của Phật nên đến thưa với Ngài. Phật bảo Ca-diếp có thể ra về, lửa sẽ tự nhiên cháy. Quả nhiên khi Ca-diếp trở về thấy lửa đã cháy. Sau khi tế xong, Ca-diếp không tắt được lửa cũng đoán biết là do thần lực của Phật nên lại đến trình bày với Ngài. Phật cũng bảo trở về và quả nhiên khi Ca-diếp vừa về tới thì lửa đã tự nhiên tắt lịm. Tuy vậy, Ca-diếp vẫn tự phụ đạo của mình là hơn cả.

Vào buổi sáng sớm, các đệ tử của Ca-diếp cùng bỏ củi nhưng không thể nào dỡ riu lên được, bèn thưa với thầy. Ca-diếp nghe xong thầm nghĩ: “Đây chắc hẳn là việc làm của vị Sa-môn ấy” nên cùng với các đệ tử đi đến chỗ Phật thưa:

-Sáng sớm này, các đệ tử của tôi chuẩn bị bỏ củi nhưng không làm sao dỡ riu lên được.

Phật bảo:

-Ông hãy về đi, các đệ tử ông sẽ tự nhiên đỡ riu lên được.

Ca-diếp trở về, thấy các đệ tử quả nhiên đã đỡ riu lên được. Dầu vậy Ca-diếp vẫn tự cho là đạo mình chân chánh hơn tất cả. Ngay lúc ấy, các đệ tử đỡ riu lên nhưng lại không hạ xuống được bèn chạy tới trình bày với thầy. Ca-diếp đoán biết là việc làm của Phật nên đến thưa với Ngài sự việc đó. Phật dạy:

-Ông có thể về, riu sẽ tự hạ xuống về đến nơi, quả nhiên Ca-diếp thấy các đệ tử đã hạ riu xuống cả. Cũng như trước, Ca-diếp vẫn tự phụ về đạo của mình là chân chánh nhất.

Đến khi bản thân Ca-diếp bỏ củi thì cũng như các đệ tử không thể đưa riu lên cao được. Đến hỏi, được Phật dạy xong, trở về thì có thể đỡ riu lên nhưng lại không làm cách nào hạ xuống. Đến chỗ Phật hỏi xong trở về thì có thể hạ riu xuống. Tuy thán phục, nhưng trong lòng Ca-diếp vẫn tự cho đạo thờ lửa là chân chánh nhất.

Một hôm, Ca-diếp thưa với Phật:

-Thưa vị Sa-môn trẻ tuổi, xin người hãy ở lại đây cùng tu phạm hạnh. Phòng xá, y phục, thức ăn tôi xin cung cấp đầy đủ cho người.

Đức Thế Tôn yên lặng chấp thuận. Ca-diếp biết Phật đã ưng thuận liền về sai các đệ tử trang thiết giường nằm, đồ ngồi cho Đức Phật và dặn mỗi ngày phải chuẩn bị các món trai thực thật ngon để đãi Ngài. Sáng hôm sau ông tự thân đến thỉnh Phật. Phật bảo ông về trước, Ngài sẽ đến sau. Ca-diếp vừa quay về thì trong khoảnh khắc, Thế Tôn đến châu Diêm-phù hái đầy bình bát quả Diêm-phù rồi quay về chỗ ở của Ca-diếp mà ông ta vẫn chưa về tới. Lúc Ca-diếp về tới đã thấy Phật an tọa trong tịnh thất của mình nên rất ngạc nhiên hỏi:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi đi đường nào mà đến đây sớm thế?

Phật liền đưa bát đựng quả Diêm-phù cho Ca-diếp xem và hỏi:

-Ông có biết loại quả trong bát này không?

Ca-diếp thưa không biết. Phật nói:

-Từ đây đi về hướng Nam mấy vạn do-tuần có một châu, nơi ấy có một loại cây tên là Diêm-phù; vì vậy mà người ta gọi châu ấy là Diêm-phù-đề. Đây là trái Diêm-phù đó. Ta đã đến đó hái đem về đây. Vị của nó thật là thơm ngon, ông hãy nếm thử đi.

Khi đó Ca-diếp suy nghĩ: “Đường đến đó rất xa mà vị Sa-môn này chỉ trong khoảnh khắc đến đó rồi về, sức thần biến của vị ấy thật là phi thường. Tuy nhiên, đạo của vị ấy chắc chắn không chân chánh bằng đạo của ta”. Tiếp đó Ca-diếp cho dọn lên đủ các thức ăn. Trước khi thọ thực Phật chú nguyện:

Trong đạo Bà-la-môn

Thờ lửa là cao nhất

Trong tất cả các dòng

Biển cả là lớn nhất

Trong toàn thể ngôi sao

Bóng nguyệt là tối thượng

Trong tất cả nguồn sáng

Sáng nhất vàng thái dương

Trong tất cả phước điền

Ruộng Phật là tốt nhất

Nếu muốn chứng quả cao

Nên cúng ruộng phước Phật.

Sau khi thọ trai xong, Phật trở về chỗ ở của mình, rửa bát súc miệng và tĩnh tọa dưới bóng cây. Hôm sau Ca-diếp cũng đến thỉnh Phật thọ trai. Phật bảo:

-Ông hãy về trước, Ta sẽ theo sau.

Khi Ca-diếp vừa đi, trong giây lát Thế Tôn đến châu Phát-bà-đề hái đầy bát quả Am-ma-la và trở về, chỗ ở của Ca-diếp. Lúc Ca-diếp về tới đã thấy Phật ngồi trong nhà, ngạc nhiên hỏi:

-Ngài đi đường nào lại đến trước tôi như thế?

Phật liền đưa bát có trái Am-ma-la cho ông ta xem và hỏi:

-Ông có biết quả này không?

Ca-diếp thưa chưa biết. Phật nói:

-Từ đây về hướng Đông cách mấy vạn do-tuần có châu Phát-bà-đề, Ta vừa đến đó hái về trái Am-ma-la. Trái này mùi vị rất thơm ngon, ông có thể ném qua.

Ca-diếp nghĩ: “Đường đến đó xa xôi như thế mà vị Sa-môn này chỉ trong chốc lát đã đến đó rồi về thật là kỳ diệu xưa nay chưa từng có, nhưng đạo của ta vẫn chân chánh hơn cả”. Ca-diếp lại cho dọn thức ăn ra. Trước khi thọ thực, Phật chú nguyện:

Trong đạo Bà-la-môn

Thờ lửa là cao nhất

Trong tất cả các dòng

Biển cả là bậc nhất

Trong tất cả ngôi sao

Trăng là sáng hơn hết

Trong tất cả nguồn sáng.

Mặt trời là tối thượng

Trong tất cả ruộng phước

Ruộng Phật tốt hơn hết

Nếu muốn được quả lớn

Nên cúng ruộng phước Phật.

Thọ trai xong, Phật trở về chỗ ở, rửa bát súc miệng rồi đến dưới bóng cây ngồi thiền định. Ngày thứ ba đến giờ thọ trai, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật. Cũng như hai lần trước Phật bảo ông hãy trở về và trong chốc lát Thế Tôn đến châu Cù-đà-ni hái quả A-lê-lặc đựng đầy bát rồi về chỗ ở của Ca-diếp. Khi về tới nơi, Phật đã đến rồi, Ca-diếp ngạc nhiên hỏi:

-Ngài đi đường nào mà đến đây nhanh như vậy?

Phật liền đưa bát hỏi:

-Ông biết trái cây này không?

Ca-diếp bảo chưa biết. Phật dạy:

-Từ đây đi về phương Tây, cách độ vài muôn na-do-tha sẽ đến châu Cù-đà-ni, ở đó có trái A-lê-lặc, Ta vừa đến đó và hái về đây. Trái này rất thơm ngon, ông hãy ăn thử.

Ca-diếp nghĩ: “Đường đi thật xa mà vị Sa-môn này chỉ trong chốc lát đến đó rồi trở về, thần lực thật là kỳ diệu chưa hề thấy. Thế nhưng đạo của ông ta vẫn chưa chân chánh bằng đạo của ta”. Ca-diếp sai đệ

tử dọn thức ăn ra, Phật chú nguyện:

Trong đạo Bà-la-môn

Thờ lửa là cao nhất

Trong tất cả dòng nước

Biển là lớn hơn hết

Tất cả các ngôi sao

Mặt trăng là sáng nhất

Tất cả các nguồn sáng

Mặt trời là tối thượng

Trong tất cả ruộng phước

Ruộng phước Phật tốt nhất

Nếu muốn chứng quả lớn

Nên cúng ruộng phước Phật.

Phật thọ trai xong trở về nơi cư trú thường ngày. Sau khi rửa bát súc miệng, Ngài đến tĩn tọa dưới bóng cây. Hôm sau đến giờ ăn, Ca-diếp lại cũng đến thỉnh Phật thọ trai. Phật bảo Ca-diếp về trước Ngài sẽ đến sau. Khi Ca-diếp vừa quay đi, chỉ trong giây lát, Phật đã đến châu uất-đơn-việt lấy com thơm tự nhiên rồi trở về chỗ ở của Ca-diếp. Khi Ca-diếp bước vào tịnh thất đã thấy Phật ở đó liền hỏi:

-Ngài bằng cách nào, đi đường nào lại đến trước tôi như thế?

Phật đưa bát com thơm cho ông ta xem và hỏi:

-Ông có biết loại com trong bát này chăng?

Ca-diếp thưa không biết. Phật nói:

-Từ đây đi về hướng Bắc độ vài muôn na-do-tha sẽ đến châu uất-đơn-việt, Ta vừa đến đó lấy com này về đây. Com này vị rất thơm ngon, ông có thể ăn thử.

Ca-diếp nghe thế suy nghĩ: “Đường thật xa mà vị Sa-môn này chỉ đi trong chốc lát, thần thông thật khó lường được, tuy nhiên đạo ta vẫn chân chánh hơn”. Ca-diếp dọn các thức ăn ra, trước khi thọ thực Phật chú nguyện:

*rong pháp Bà-la-môn
Thờ lửa cao hơn hết
Hết thấy các dòng nước
Biển cả là lớn nhất
Trong tất cả ngôi sao
Trăng là sáng hơn hết
Trong tất cả nguồn sáng
Sáng nhất là thái dương
Trong tất cả ruộng phước
Ruộng phước Phật tốt nhất
Ai muốn đạt quả lớn
Nên cúng ruộng phước Phật.*

Thọ thực xong, Phật trở về chỗ ở thường ngày. Sau khi rửa bát súc miệng, Phật ngồi nhập định dưới bóng cây. Đến hôm thứ năm Ca-diếp cũng đến thỉnh Phật. Phật nói quý hóa thay rồi cùng đi với Ca-diếp. Đến nơi thức ăn dọn ra, Phật nói kệ chú nguyện:

*Trong đạo Bà-la-môn
Thờ lửa là cao nhất
Như tất cả dòng nước
Biển là lớn hơn hết
Tinh tú trên bầu trời
Mặt trăng là sáng nhất
Trong tất cả nguồn sáng
Sáng nhất vàng thái dương
Trong tất cả ruộng phước
Ruộng phước Phật tốt nhất
Nếu muốn chứng quả lớn
Nên cúng ruộng phước Phật.*

Sau khi chú nguyện xong, Phật nhận thức ăn đem về dưới bóng cây dùng. Thọ thực xong, Phật nghĩ cần nước để rửa. Trời Đế Thích biết ý, từ cung trời, nhanh như thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, đến trước, cúi đầu lễ xuống chân Phật và dùng tay chỉ mặt đất biến thành ao nước rất trong lành, có đủ tám món công đức. Như Lai liền dùng nước trong ao để rửa bát và chân. Phật rửa xong liền thuyết pháp cho trời Đế Thích nghe. Nghe xong, Đế Thích rất vui mừng, phấn chấn, đột nhiên biến mất, trở về Thiên cung.

Khi ấy, Ca-diếp ăn xong ra rừng đi dạo, bỗng nảy ra ý nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi hôm nay đem thức ăn về nơi cội cây để dùng, vậy ta đến đó để thăm người”. Nghĩ xong vội rảo bước đến

chỗ Phật. Đến nơi Ca-diếp bỗng thấy bên cạnh nơi Phật ngồi có một cái ao lớn, nước ao trong mát, đủ tám công đức nên rất ngạc nhiên, hỏi Phật:

-Nơi đây sao bỗng nhiên lại có ao nước?

Phật đáp:

-Sáng nay khi nhận thức ăn của ông cúng dường đem về, ăn xong Ta nghĩ cần có nước để rửa bát. Trời Đế Thích biết ý Ta nên từ Thiên cung đến đây dùng tay chỉ đất hóa thành ao nước đó.

Ca-diếp thấy ao nước, lại nghe Phật nói như thế liền suy nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi có uy đức rất lớn nên mới cảm được đến trời, nhưng đâu biết rằng đạo của ta là chân chánh hơn hết”.

Một hôm, đang kinh hành trong rừng, Đức Thế Tôn nhặt được các mảnh vải dơ rách trong đồng rác bần, muốn đem giặt nên nghĩ cần phải có một phiến đá. Đế Thích biết ý Phật liền trong khoảnh khắc đến Hương sơn lấy một tảng đá vuông vức đem về đặt giữa các hàng cây rồi bạch Phật có thể giặt áo trên tảng đá ấy. Phật lại nghĩ cần nước, Đế Thích lại đến Hương sơn làm một cái chậu to bằng đá lấy nước trong mát đổ đầy vào, đem đến để gần tảng đá kia. Xong việc Đế Thích bỗng nhiên biến mất, trở về Thiên cung.

Đức Thế Tôn giặt những mảnh vải xong trở về ngồi dưới bóng cây. Lúc ấy Ca-diếp đi đến bỗng thấy bên hàng cây có một phiến đá vuông vức và chậu đá liền nghĩ: “Sao nơi đây lại có hai vật này?” trong lòng lầy lăm lạp nên đến hỏi Phật:

-Thưa Sa-môn, tại sao bỗng nhiên giữa các hàng cây lại có phiến đá và chậu đá?

Phật đáp:

-Ta đi kinh hành nhặt được những mảnh vải rách bần nên có ý muốn giặt. Vua trời Đế Thích biết ý đó của Ta nên đến Hương sơn lấy những vật ấy đem đến.

Ca-diếp nghe xong khen là việc chưa từng thấy nhưng trong lòng vẫn nghĩ Đức Phật tuy có thần lực cảm được đến trời nhưng đạo của Phật vẫn không chân chánh bằng đạo của mình.

Một ngày kia, Thế Tôn xuống ao tắm rửa. Sau khi tắm xong Ngài muốn lên bờ nhưng không có vật gì để vịn leo lên. Trên bờ ao có cội cây tên Ca-la-ca cành lá sum suê, sát bên bờ ao, vị thọ thần liền oằn cành cây xuống để Phật vịn lên khỏi ao. Sau đó Phật trở về an tọa dưới bóng cây. Lúc ấy Ca-diếp đi đến thấy những cành cây bỗng nhiên sà xuống lay lăm lạp nên hỏi Phật:

-Các cành cây vì sao bỗng sà thấp xuống như vậy.

Phật đáp:

-Ta xuống ao tắm xong, muốn có vật gì vịn để lên bờ. Vị thọ thần biết ý nên làm cho cành cây sà xuống giúp Ta vịn để lên bờ.

Ca-diếp khen là việc chưa từng thấy nhưng vẫn nghĩ Đức Phật tuy có nhiều uy lực, có thể cảm hóa được Thọ thần nhưng đạo của ông ta vẫn chân chánh hơn

Một hôm Ca-diếp nghĩ: “Ngày mai này, vua nước Ma-kiệt-đề cùng với quan, dân, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... sẽ đến đây tổ chức lễ hội trong bảy ngày. Nếu vị Sa-môn trẻ tuổi kia mà đến đây thì vua, quan, dân chúng thấy tướng tốt và uy lực thần thông của vị ấy hẳn là sẽ bỏ ta mà đi theo thờ phụng vị ấy. Mong sao trong bảy ngày lễ hội, vị ấy không đến đây”. Phật hiểu rõ tâm niệm của Ca-diếp nên Ngài đi sang xứ uất-đơn-việt ở phương Bắc, trong bảy ngày bảy đêm không xuất hiện. Khi lễ hội hoàn tất, vua quan và mọi người về hết, Ca-diếp lại nghĩ: “Trong

suốt bảy ngày hội, vị Sa-môn trẻ tuổi không đến, thật là may mắn. Nay lễ hội đã xong, ta muốn cúng dường Ngài, nếu lúc này Ngài đến thì thật là tốt.

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của Ca-diếp nên trong chốc lát, nhanh như thời gian một tráng sĩ co duỗi cánh tay, hiện ra trước Ca-diếp. Lúc ấy Ca-diếp chợt thấy Như Lai, đến vừa ngạc nhiên, vừa vui mừng liền hỏi Phật:

-Trong bảy ngày qua Ngài đi đâu tôi không gặp?

Phật đáp:

-Đức vua nước Ma-kiệt-đề, quan dân, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... đến đây dự hội bảy ngày, ông lại không muốn gặp Ta nên Ta đến xứ Uất-đơn-việt ở phương Bắc để tránh ông. Nay ông nghĩ muốn Ta đến nên Ta đến.

Ca-diếp nghe Phật nói giật mình, toàn thân nổi gai, suy nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi này biết được cả ý nghĩ trong lòng ta. Thật là kỳ lạ nhưng vẫn không chân chánh bằng đạo của ta”.

Ngày kia, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp căn duyên đã từ từ thuần thực, nay đúng là lúc điều phục ông ta”. Nghĩ thế nên Đức Thế Tôn đến sông Ni-liên-thiên. Phật vừa đến bờ sông, Ma vương bỗng hiện ra thưa với Phật:

-Bạch Thế Tôn, bây giờ là lúc Ngài nên vào Niết-bàn. Đấng Thiện Thế, nay đã đúng thời Ngài nên vào Niết-bàn. Vì sao? Vì những người đáng độ đều đã được giải thoát, nay thật đúng lúc Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương thưa với Phật ba lần như thế. Đức Thế Tôn đáp:

-Nay chưa phải lúc Ta vào Niết-bàn. Vì sao? Vì bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, ưu-bà-di chưa đầy đủ. Những người đáng độ chưa được hoàn toàn giải thoát, các ngoại đạo đều chưa được hàng phục.

Đức Phật cũng đáp lại ba lần như thế. Ma vương nghe thế buồn bã trở về Thiên cung.

Đức Thế Tôn đi xuống sông Ni-liên-thiên, dùng thần lực tách dòng sông làm hai khiến nước ở hai bên vọt lên cao. Phật đi vào giữa, từng bước chân của Ngài làm bụi tung lên mù mịt. Ca-diếp từ xa trông thấy tưởng Phật bị chìm trong nước liền sai các đệ tử chèo thuyền đến đó. Khi đến bên sông thấy lồi Phật đi có bụi bay lên, Ca-diếp thầm khen là việc chưa từng có nhưng suy nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi này tuy có sức thần thông như thế nhưng vẫn không chân chánh bằng đạo của ta”. Lúc ấy Ca-diếp hỏi Phật:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi muốn lên thuyền không?

Phật đáp:

-Tốt lắm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng thần lực xuyên qua đáy thuyền để vào trong thuyền ngồi kiết già. Ca-diếp thấy Phật từ đáy thuyền đi vào mà đáy thuyền vẫn không thủng, khen là việc chưa từng có, nhưng vẫn cố chấp: “Vị Sa-môn trẻ tuổi có thần thông kỳ diệu như thế nhưng không bằng ta đã đắc quả A-la-hán”. Phật liền nói:

-Này Ca-diếp, ông chưa đắc quả A-la-hán, cũng chưa đạt A-la-hán hưởng mà sao lại có tâm ngã mạn lớn như thế?

Ca-diếp nghe lời đó xong, trong lòng vừa thẹn vừa sợ, toàn thân nổi gai, thầm nghĩ: “Vị Sa-môn trẻ tuổi này biết rõ tâm niệm của ta” nên liền thưa với Phật:

-Đúng thế, thưa Sa-môn! Đúng thế, thưa Đại Tiên! Người đã biết rõ tâm niệm của con. Cúi xin Ngài hãy thu nhận con làm đệ tử.

Phật đáp:

-Ông là bậc cao niên, đã một trăm hai mươi tuổi, có nhiều đệ tử quyên thuộc, lại được Quốc vương và quan dân tôn kính. Nếu ông quyết định theo học giáo pháp của Ta thì trước hết nên cùng bàn bạc kỹ với các đệ tử.

Ca-diếp đáp:

-Quý hóa thay! Hay lắm thay! Quả như lời dạy của Đại Tiên, nhưng lòng con đã quyết định, không bao giờ thay đổi. Nay sẽ về cùng bàn bạc với các đệ tử.

Nói xong, Ca-diếp trở về trụ xứ tập họp các đệ tử nói:

-Vị Sa-môn trẻ tuổi từ khi đến ở đây, chúng ta đã thấy bao nhiêu thần thông biến hóa thật là kỳ diệu và trí tuệ cao xa, tính tình ôn hòa của Ngài, nay ta muốn quy y theo học giáo pháp của người, các ông nghĩ sao?

Các đệ tử thưa

-Những gì chúng con biết đều là nhờ ân của Tôn giả. Bậc mà Tôn giả đã tin tưởng quy y, ắt hẳn không phải là hư vọng. Chúng con cũng đã thấy những thần thông kỳ diệu của vị ấy. Nếu Tôn giả quyết định quy y theo học giáo pháp của Bậc ấy, chúng con cũng xin nguyện theo Tôn giả quy y.

Nghe các đệ tử nói thế, Ca-diếp lập tức cùng họ đến trước Phật thưa:

-Nay con cùng các đệ tử đều đã quyết định quy y. Cúi xin Đại Tiên hãy thu nhận chúng con.

Phật nói:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Lập tức râu tóc Ca-diếp tự rụng, vận cà-sa vào người, trở thành Sa-môn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tùy theo căn tánh của Tôn giả giảng rộng pháp Tứ đế. Vừa nghe xong bài pháp, Ca-diếp liền lìa xa mọi trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh; sau đó một thời gian đã chứng được quả A-la-hán. Năm trăm đệ tử thấy thầy đã thành Sa-môn trong lòng rất vui vẻ, cũng có ý muốn xuất gia nên thưa với Phật:

-Thầy chúng con được Đại Tiên thu nhận, nay đã là Sa-môn.

Chúng con cũng vui thích theo thầy học đạo. Cúi xin Đại tiên chấp nhận cho chúng con được xuất gia.

Phật nói:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc của họ tự rụng xuống, vận cà-sa vào, trở thành Sa-môn. Sau đó Phật cũng vì họ giảng pháp Tứ đế. Sau thời pháp, cả năm trăm vị Tỳ-kheo đều xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn

thanh tịnh, chúng được quả Tu-đà-hoàn. Sau một thời gian tu tập, dần dần tất cả đều chúng được quả A-la-hán.

Sau khi đắc quả, Ca-diếp và năm trăm vị đệ tử đem hết những dụng cụ thờ lửa vứt bỏ xuống sông Ni-liên-thiên và cùng đi theo Phật. Bấy giờ hai người em của Ca-diếp là Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp, mỗi người có hai trăm năm mươi người đệ tử và cùng ở bên bờ vùng hạ lưu sông Ni-liên-thiên, bỗng trông thấy các dụng cụ thờ lửa của thầy trò người anh trôi trên sông nên rất ngạc nhiên, suy nghĩ: “Anh ta gặp điều gì không lành mà sao nay những dụng cụ thờ lửa bị thả trôi sông. Phải chăng bị kẻ ác hãm hại?” Hai người em vội chạy đến gặp nhau bàn luận:

-Anh chúng ta nếu không bị kẻ ác làm hại thì tại sao những dụng cụ thờ lửa lại theo dòng sông trôi xuống. Thật là kỳ lạ, chúng ta hãy mau đến đó xem sao.

Bàn luận xong, họ liền ngược dòng sông lên đến chỗ người anh. Đến nơi thấy cảnh vắng vẻ lòng họ rất buồn rầu, thắc mắc không biết anh và các đệ tử đi đâu. Trong khi đi tìm kiếm khắp nơi bỗng gặp người quen, họ liền hỏi thăm:

-Thánh huynh của chúng tôi và các đệ tử không rõ nay ở đâu, ông có biết không?

Vị ấy trả lời:

-Anh của các ngài và chúng đệ tử đã bỏ hết những dụng cụ thờ lửa, xuất gia đi theo Sa-môn Cù-đàm tu học.

Hai người em nghe thế vô cùng khỏ tâm, cho là việc kỳ lạ chưa từng thấy, trầm nghĩ: “Sao anh ta lại bỏ đạo A-la-hán mà đi cầu học pháp khác?” Hai người liền tìm đến chỗ người anh. Đến nơi thấy anh và các đệ tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc cà-sa liền quỳ lạy, hỏi:

-Anh vốn là một vị Đại A-la-hán thông minh, trí tuệ không ai bằng, tiếng tăm vang cả mười phương mọi người đều kính phục, tại sao nay lại bỏ đạo mà theo học người khác? Đây đâu phải là chuyện nhỏ.

Ca-diếp liền trả lời hai em:

-Ta thấy Đức Thế Tôn là Bạc đã thành tựu tâm đại Từ bi và có ba điều kỳ diệu: một là thân thông biến hóa; hai là trí tuệ cực sáng, chắc chắn đã đạt được Nhất thiết chủng trí; ba là biết rõ căn tánh từng người mà tùy thuận dẫn dắt, do đó mà ta xuất gia tu học theo giáo pháp của Phật. Ta nay tuy được vua, quan, dân chúng tôn kính, không luận lý nào ở thế gian mà không phá được nhưng lại không dứt được con đường sinh tử, chỉ có giáo pháp của Như Lai mới có thể dứt hẳn được sinh tử. Đã gặp được vị Đại Thánh Chí Tôn như vậy mà không tự gắng sức để cầu học theo vị Thầy tối thắng là người không có lòng và cũng không có mắt.

Hai người em thưa:

-Nếu đúng như lời anh nói, Bạc ấy chắc chắn đã thành tựu được Nhất thiết chủng trí. Các đạo lý, tri thức chúng em có được đều do công sức của anh. Nay anh đã theo Phật xuất gia, chúng em cũng như anh nguyện theo Phật xuất gia học đạo.

Hai người em, mỗi vị bèn hỏi chúng đệ tử của mình:

-Nay ta muốn theo đường của anh cả ta xuất gia theo học Phật pháp, vậy ý các người thế nào?

Các đệ tử thưa:

-Chúng con có được tri kiến đều là nhờ ân của đại sư. Nay đại sư có ý xuất gia theo Phật, chúng con cũng nguyện đi theo.

Lúc ấy Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp, mỗi vị đem hai trăm năm mươi đệ tử đến trước Phật cúi đầu lễ xuống chân Phật thưa:

-Bạch Thế Tôn, xin người từ bi thương xót mà cứu vớt chúng con.

Phật nói:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc của họ đều tự rụng, vận cà-sa, trở thành Sa-môn. Hai người lại bạch Phật:

-Các đệ tử của chúng con cũng nguyện xin xuất gia. Kính xin Thế Tôn từ bi tiếp nhận.

Phật đáp:

-Quý hóa lắm!

Rồi Ngài hô lớn:

-Lành thay các Tỳ-kheo!

Râu tóc trên người họ tự rụng, vận cà-sa, đều thành Sa-môn. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp và chúng đệ tử hiện sức đại thần thông rồi tùy theo căn cơ mà thuyết pháp. Phật dạy:

-Này các Tỳ-kheo, các ông nên biết thế gian này luôn bị các thứ lừa dối là tham, sân, si thiêu đốt. Trước đây các ông thờ ba thứ lửa đã có thể trừ bỏ được chướng ngại thô lậu bên ngoài, nhưng ba thứ lửa độc này lại xuất phát từ thân tâm, các ông cần phải mau đoạn trừ chúng.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, ngay lập tức xa lìa mọi trần cấu phiền não, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn lại vì họ giảng rộng pháp Tứ đế. Sau một thời pháp, tất cả họ đều đạt được quả A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhớ lại: “Vua Tần-tỳ-sa-la trước đây có nguyện rằng nếu Ta đắc đạo thì nên độ ông ta trước. Nay đã đến lúc Ta nên đến đó để hoàn thành bản nguyện cho nhà vua”. Nghĩ thế rồi, Phật liền cùng ba anh em Ca-diếp và một ngàn vị Tỳ-kheo đi tới cung điện của vua Tần-tỳ-sa-la tại thành Vương xá.

Lúc ấy, người dân trong các thôn mà vua đã cấp cho Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trước đây thấy Ca-diếp và các đệ tử đều thành Sa-môn liền đến tâu vua. Nhà vua và các quan nghe tin ấy rất kinh ngạc nhưng yên lặng không nói gì. Dân chúng bên ngoài nghe tin ấy liền cùng nhau bàn bạc:

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là bậc có trí tuệ cao sâu không ai sánh bằng, tuổi lại cao, đã chứng quả A-la-hán nay sao lại bỏ đạo của mình làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm?

Không một ai tin điều đó và đều cho rằng Sa-môn Cù-đàm là đệ tử của Ca-diếp. Khi đến gần thành Vương xá, Thế Tôn dừng chân nghỉ trong một khu rừng. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nhờ một người thân cận trước đây đến thưa với vua Tần-tỳ-sa-la:

-Tôi nay đã xuất gia tu học theo giáo pháp của Đức Phật. Hiện nay đang cùng Đức Phật đến đây, ngự trong một khu rừng. Nhà vua nên đến lễ bái cúng dường.

Nhà vua nghe tâu lại lời ấy mới biết chắc là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là đệ tử của Phật, lập tức truyền chuẩn bị ngựa xe cùng với các vị đại thần, Ba-la-môn, dân chúng đến chỗ Đức Phật. Khi đến ngoài rừng, vua liền xuống xe, bỏ tất cả nghi trượng hoàng gia, đi bộ vào diện kiến Đức Phật. Lúc ấy, từ trên không có một vị trời bảo nhà vua:

-Như Lai hiện đang ngự trong khu rừng này, là ruộng phước tối thượng của trời, người. Đại vương nên cung kính cúng dường và bố cáo cho nhân dân trong nước nên cúng dường Như Lai.

Nhà vua nghe lời đó xong, trong lòng vô cùng mừng rỡ, phấn chấn, lập tức tiến vào rừng. Từ xa vua đã trông thấy tướng tốt đẹp, trang nghiêm của Đức Phật và cũng thấy thầy trò ba anh em Tôn giả Ca-diếp hầu chung quanh, chẳng khác nào các vì sao vây quanh vầng nguyệt rạng. Lòng vua càng tăng thêm niềm hoan hỷ vội đến trước Đức Phật cúi đầu lạy sát đất thưa với Phật:

-Con là vua nước Ma-kiệt-đề, thuộc chủng tộc mặt trắng, tên là Tần-tỳ-sa-la. Chẳng hay Thế Tôn đã từng nghe qua chưa?

Phật liền đáp:

-Lành thay! Đại vương

Vua Tần-tỳ-sa-la lui xuống ngồi sang một bên. Các đại thần, Ba-la-môn và dân chúng cũng đều ngồi xuống. Khi ấy, sau khi thấy mọi người trong phái đoàn của nhà vua đều đã an tọa, Đức Thế Tôn liền dùng giọng Phạm âm vấn an nhà vua:

-Sức khỏe của đại vương có được tốt không? Việc nước chắc không quá mệt nhọc phải không?

Đức vua thưa:

-Nhờ ân đức của Thế Tôn nên con may mắn vẫn được mọi sự an ổn.

Lúc ấy vua Tần-tỳ-sa-la và các vị Đại học sĩ Ba-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, các vị đại thần và nhân dân đã biết Tôn giả Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật nên cùng bàn với nhau:

-Thật là hay thay! Đức Như Lai có sức thần lớn lao, trí tuệ cao sâu không thể nghĩ bàn nên mới có thể điều phục ba anh em Ngài Ca-diếp theo làm đệ tử.

Trong chúng hội cũng có vài người nghi ngờ, thầm nghĩ: “Ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là người có đại trí tuệ, mọi người đều tin phục đi theo, sao lại là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm được?”

Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ ấy liền bảo Ca-diếp:

-Nay ông nên hiển bày sức thần biến.

Ca-diếp vâng lời liền bay lên không trung, trên thân hiện ra nước, dưới thân hiện ra lửa, hoặc trên thân hiện ra lửa, dưới thân hiện ra nước, hoặc hiện thân lớn đầy khắp không trung rồi biến ra nhỏ, hoặc từ một thân biến thành vô số thân, hoặc chui vào đất rồi vọt lên, hoặc đi đứng nằm ngồi trong không trung. Mọi người chứng kiến khen là điều chưa từng có và đều tôn Ca-diếp là bậc Đại tiên đệ nhất. Ở trên không biến hiện thần thông xong, Ca-diếp trở lại mặt đất, đến trước Đức Phật đánh lễ sát đất và thưa:

-Thế Tôn chính là Bạc Thầy của cả trời người. Con nay chính là đệ tử của Thế Tôn.

Ca-diếp nói ba lần như thế Phật đáp:

-Đúng thế! Đúng thế! Ca-diếp, ông thấy trong pháp Ta có được lợi lạc gì mà bỏ hết những đồ thờ lửa để xuất gia?

Ca-diếp liền dùng lời kệ đáp:

Con ở trong đời trước

Nhờ công đức thờ lửa

Được sinh cõi trời người

Thọ hưởng vui năm dục

Cứ thế mãi luân hồi

Chìm trong biển sinh tử

Con thấy tai họa đó

Nên để được lìa khổ

Nương phước báo thờ lửa

Cầu sinh cõi trời người

Chỉ thêm tham, sân, si

Cho nên con xa lánh

Lại theo phước thờ lửa

Cầu sinh trong tương lai

Nhưng đã có sinh rồi

Ắt có già bệnh chết

Con đã thấy điều ấy

Nên bỏ đạo thờ lửa

Bồ thí, tu khổ hạnh

Và phước báo thờ lửa

Dù được sinh Phạm thiên

Nhưng không phải rốt ráo

Do vì nhân duyên ấy

Cho nên bỏ thờ lửa

Con thấy pháp Như Lai

Lìa sinh, lão, bệnh, tử

Đạo giải thoát hoàn toàn

Do đó nay xuất gia

Như Lai, Đấng Giải Thoát

Là Bạc Thầy trời người

Vì nhân duyên như thế

Nên nương theo Thế Tôn

*Như Lai đại Từ bi
Hiện vô số phương tiện
Và các sức thần thông
Để dẫn con vào đạo
Sao lại còn bằng lòng
Đi theo đạo thờ lửa.*

Lúc bấy giờ vua Tần-tỳ-sa-la cùng mọi người nghe lời kệ của Ca-diếp vô cùng vui mừng, càng sinh lòng cung kính, tin tưởng tuyệt đối với Đức Phật, hiểu rõ Như Lai là Bạc Nhất Thiết Chúng Trí, và đều biết Ca-diếp là đệ tử của Phật. Lúc ấy trong không trung, chư Thiên rải các thứ hoa trời, tấu các thứ nhạc êm dịu và cùng xướng:

-Lành thay Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đã khéo nói lời kệ ấy.

Đức Thế Tôn biết mọi người đã tin tưởng chắc chắn không còn nghi ngờ, lại xem thấy căn tính của họ đều đã thuần thực nên vì họ mà thuyết giảng:

-Đại vương nên biết thân năm ấm này lấy thức là căn bản, do thức sinh ý căn, từ ý căn sinh ra sắc, mà sắc thì sinh diệt không bền. Nếu đại vương quán sát được như thế thì có thể biết rõ thân này là vô thường, quán thân là vô thường nên không chấp thủ thân tướng và do vậy có thể lìa được chấp ngã và ngã sở. Nếu đại vương có thể quán sắc là vô thường thì cũng có thể xa rời mọi ý niệm về ngã và ngã sở, tức là hiểu rõ khi sắc sinh thì khổ sinh, sắc diệt thì khổ diệt. Nếu người nào quán niệm được như thế thì gọi là Giải (*cởi mở, tự tại, thoát ly...*). Nếu ai không quán niệm như thế thì gọi là Phược (*trói buộc*). Thực tính của các pháp vốn vô ngã và vô ngã sở. Chúng sinh do vọng tưởng điên đảo nên chấp có ngã và ngã sở, đó không phải là pháp chân thật. Nếu có thể đoạn trừ vọng tưởng mê lầm, điên đảo thì được giải thoát.

Lúc ấy vua Tần-tỳ-sa-la suy nghĩ: “Nếu bảo chúng sinh chấp có ngã là bị trói buộc, vậy nếu tất cả chúng sinh đều vô ngã thì ai sẽ thọ quả báo?” Đức Thế Tôn biết những thắc mắc trong lòng vua liền nói:

-Tất cả những việc thiện ác mà chúng sinh làm cũng như những quả báo mà chúng sinh thọ nhận đều không phải do ngã tạo ra, cũng không phải ngã thọ nhận, nhưng trong hiện tại lại thấy có tạo ra thiện ác và có thọ quả báo. Đại vương nên lắng nghe thật kỹ, Ta sẽ vì đại vương mà giảng rõ. Chỉ vì căn, trần, thức hợp với nhau khởi sinh nhiễm cảnh, tích lũy những ý tưởng ngày càng nhiều, chính do đó mà chúng sinh mãi chạy theo dòng sinh tử, chịu mọi quả báo khổ đau. Nếu không nhiễm cảnh, dừng lại những tâm tưởng ràng buộc thì được giải thoát. Do căn, trần, thức ba nhân duyên ấy hợp lại mà có thiện ác và thọ quả báo, bản chất của chúng là không có ngã riêng (*tính chủ thể, độc lập, riêng biệt*). Thí như dùi cây để lấy lửa, do tay xoay miếng gỗ mà có lửa nhưng tính của lửa không phải từ tay hay từ gỗ mà có, cũng không lìa tay và mảnh gỗ mà có. Căn, trần, thức cũng như thế.

Khi ấy vua Tần-tỳ-sa-la lại nghĩ: “Nếu do căn, trần, thức hòa hợp mà có thiện ác cũng như có thọ quả báo thì chúng phải thường hợp lại với nhau, không thể xa rời nhau. Nếu chúng không thường hợp lại với nhau thì sẽ bị đoạn diệt”. Thế Tôn biết ý nghĩ ấy của vua nên giảng tiếp:

-Căn, trần, thức ấy không thường còn, cũng không đoạn diệt. Vì sao? Vì chúng hòa hợp với nhau nên không đoạn diệt, vì chúng có đặc tính riêng nên không thường còn. Ví như hạt giống là do nhân, do có duyên của đất, nước nên mầm lá mới sinh ra. Hạt giống sẽ mục nát nên không gọi

là thường, nhưng do hạt giống có đặc tính sinh trưởng thành mầm lá nên không thể gọi là đoạn. Lìa cả khái niệm thường và đoạn được gọi là Trung đạo. Căn, trần, thức cũng như vậy.

Vua nghe xong bài pháp, tâm ý khai mở, tỉnh ngộ, nhờ đó xa lìa mọi trần cấu, đặc pháp nhãn thanh tịnh. Tám vạn na-do-tha Bà-la-môn, đại thần và nhân dân cũng nhờ nghe pháp mà được xa lìa trần cấu, đặc pháp nhãn thanh tịnh. Chín mươi sáu vạn na-do-tha chư Thiên cũng nhờ nghe pháp mà xa lìa trần cấu, đặc pháp nhãn thanh tịnh. Vua Tần-tỳ-sa-la từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính lễ xuống chân Phật rồi chấp tay thưa:

-Vui sướng thay! Đức Thế Tôn đã lìa bỏ ngôi Chuyển luân thánh vương xuất gia học đạo, thành Bạc Nhất Thiết Chúng Trí. Trước kia con đã ngu si muốn giữ Thế Tôn lại để cai trị một nước nhỏ. Nay được diện kiến Đức Đại Từ, lại được nghe chánh pháp nên rất hổ thẹn về lỗi đã qua, kính xin Thế Tôn mở lòng từ bi nhận cho con sám hối. Ngày trước con có nguyện xin nếu Phật đặc đạo thì độ con trước, nay ước nguyện đã thành tựu, nhờ ân Thế Tôn mà con đã thấy được chân lý. Từ nay con nguyện cúng dường đầy đủ tứ sự cho Thế Tôn và chư Tăng, không để thiếu thốn, cúi mong Đức Thế Tôn ở lại vườn Trúc để nước Ma-kiệt-đề mãi mãi an vui.

Phật đáp:

-Quý hóa thay! Đại vương có thể xa rời pháp tam bất kiên để cầu quả tam kiên, Ta nay chấp thuận để vua được tròn đầy tâm nguyện.

Vua Tần-tỳ-sa-la biết Phật đã chấp thuận lời thỉnh của mình đến ở trong vườn Trúc nên cung kính lễ xuống chân Phật, từ tạ ra về. Về đến cung, vua lập tức ra lệnh cho quan quân khởi công xây cất phòng xá trong vườn Trúc, trang trí vô cùng trang nghiêm, đẹp đẽ, treo phướn lọng bằng gấm, cắm hoa đốt hương. Sau khi đã hoàn thành, vua liền cho chuẩn bị xa giá đi đến chỗ Phật đánh lễ, thưa:

-Phòng xá nơi vườn Trúc đã xây cất xong, cúi mong Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng thương xót đến đó trụ.

Lúc đó Thế Tôn, chư Tỳ-kheo và vô số chư Thiên tháp tùng vây quanh cùng đi vào thành Vương xá. Ngay khi Như Lai bước vào cổng thành, những nhạc khí trong thành tự nhiên tấu lên, cửa hẹp bỗng hóa rộng, cửa thấp bỗng cao lên, tất cả những gò đống đều trở nên bằng phẳng, những nơi dơ bẩn đều được sạch thom, người điếc bỗng nghe được, người câm lại nói được, người mù nhìn thấy được, người điên dại trở nên tỉnh táo, những kẻ tật nguyền ốm đau bỗng lành lặn, khỏe mạnh, cây khô ra hoa, cây cỏ héo úa bỗng xanh tươi, ao cạn bỗng ngập nước vỗ sóng tràn bờ, gió thơm thổi đến, các loài chim quý lạ như Phượng hoàng, Khổng tước, Phi thúy, Oan ương... đều bay về tụ tập, hát lên những âm thanh êm ái. Tất cả điều lành đều như hội tụ nơi thành Vương xá. Sau khi vào thành, Đức Phật cùng vua Tần-tỳ-sa-la đến vườn Trúc. Lúc ấy chư Thiên vân tập đầy khắp trên không, đức vua tay nâng một chiếc bình quý chứa đầy nước thơm đến trước Như Lai thưa:

-Nay con xin hiến cúng vườn Trúc này cho Như Lai và chư Tỳ-kheo Tăng. Xin Thế Tôn thương xót nhận cho.

Nói xong, vua lấy nước trong bình rưới lên đất. Lúc đó Đức Phật yên lặng chấp nhận, nói kệ chú nguyện:

Người nào siêng bố thí

Sẽ trừ được tâm tham

Người nào thường nhẫn nhục

Sẽ mãi lia giận dữ

Nếu ai luôn làm lành

Ngu si sẽ xa lánh

Có đủ được ba hạnh

Mau đạt được Niết-bàn

Nếu có người nghèo khổ

Không của để bố thí

Thấy người khác bố thí

Mà sinh tâm vui theo

Phước báu người tùy hỷ

Cũng bằng người bố thí.

Chúng hội Bà-la-môn, các quan đại thần cùng dân chúng thấy vua phụng cúng tinh xá cho Đức Phật đều hớn hở sinh niềm hoan hỷ theo vua. Sau khi cúng dường tinh xá cho Đức Phật và chư Tăng xong, vua Tần-tỳ-sa-la vô cùng vui sướng, cung kính lễ xuống chân Phật rồi trở về cung. Trong các vị quốc vương ở cõi Diêm-phù-đề từng được diện kiến Đức Phật, vua Tần-tỳ-sa-la là đứng đầu; trong tất cả các ngôi tinh xá thì Trúc viên là ngôi tinh xá đầu tiên.

Vào lúc Đức Phật và chư Tăng ngự tại vườn Trúc, có hai vị Bà-la-môn ở trong thành Vương xá, là người thông minh, linh lợi có trí tuệ lớn, thông đạt tất cả các Luận thư, tài tranh biện không ai qua được. Một người họ Câu-lật tên Ưu-bà-thất-sa, do có người mẹ tên là Xá-lợi nên mọi người thường gọi ông là Xá-lợi-phất, người thứ hai họ Mục-kiền-liên tên là Mục-kiền-la-dạ-na. Mỗi người có một trăm đệ tử đều được dân chúng trong nước kính trọng, ngưỡng mộ. Hai người kết bạn, rất thân yêu và kính trọng nhau, đã giao ước với nhau nếu ai gặp được pháp môn kỳ diệu trước thì phải khai ngộ cho nhau, không được giấu diếm.

Một hôm, Tỳ-kheo A-xả-bà-kỳ khoác y ôm bát vào làng khất thực. Vị Tỳ-kheo khéo giữ các căn, oai nghi nghiêm chỉnh, người đi đường trông thấy ai cũng cung kính. Lúc ấy trên đường đi, Xá-lợi-phất bỗng thấy oai nghi Phạm tướng của Tỳ-kheo A-xả-bà-kỳ. Do thiện căn đã tròn đủ nên vừa gặp vị Tỳ-kheo, lòng Xá-lợi-phất đột nhiên vui mừng vô hạn, toàn thân rung động, đứng lại chăm chú nhìn, và vội hỏi:

-Theo ý tôi thì thầy chắc là mới xuất gia nhưng sao đã thu nhiếp được các căn nên tôi muốn hỏi, xin thầy cho biết Bốn sự của thầy là ai? Có những lời dạy nào? Thường nói những pháp gì?

A-xả-bà-kỳ nghiêm trang đáp:

-Thầy tôi là Bạc đã đạt Nhất thiết chủng trí, thuộc dòng họ Cam Giá, là Thầy của cả trời người, có tướng tốt, trí tuệ và thần thông không ai bì kịp. Tôi tuổi còn nhỏ, học đạo còn nông cạn đâu dám tuyên nói diệu pháp của Như Lai, nhưng theo chỗ tôi hiểu, xin nói lại cho ông.

Vị Tỳ-kheo liền nói kệ:

Cội nguồn tất cả pháp Nhân duyên sinh, vô chủ Nếu rõ được điều đó

Sẽ đạt đạo chân thật.

Vừa nghe xong bài kệ của Tỳ-kheo A-xả-bà-kỳ, Xá-lợi-phất lập tức xa lìa mọi trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, thấy được chân lý, nội tâm vô cùng phấn chấn, các căn trong thân rung động, vui sướng tốt độ, tự nghĩ: “Tất cả chúng sinh đều do chấp ngã nên bị luân hồi trong vòng sinh tử, nếu trừ được ngã tưởng thì ngã sở tưởng cũng sẽ không còn, giống như ánh sáng mặt trời có thể phá tan mọi bóng tối, tâm vô ngã cũng như thế, có thể phá tan hoàn toàn mọi ngăn che của ngã kiến. Những gì ta tu học từ trước đến nay đều là tà kiến, điều ta sở đắc hôm nay mới thật là đạo lý chân thật”. Nghĩ thế xong, Xá-lợi-phất liền lễ xuống chân A-xả-bà-kỳ, trở về nơi cư trú. Tỳ-kheo A-xả-bà-kỳ tiếp tục đi khất thực xong liền quay về vườn Trúc.

Khi Xá-lợi-phất về đến chỗ ở, Mục-kiền-liên do thiện căn đã đầy đủ, vừa nhìn thấy Xá-lợi-phất các căn yên tịnh, oai nghi trang nghiêm, khuôn mặt có vẻ vui mừng khác với ngày thường, liền hỏi:

-Tôi xem anh hôm nay mọi dáng vẻ đều khác với ngày thường, phải chăng đã nghe được pháp cam lộ vi diệu? Trước đây, chúng ta đã giao ước với nhau, hễ người nào nghe được pháp vi diệu thì phải khai ngộ cho người kia, nay anh nghe được pháp gì hãy đọc lại cho tôi nghe với.

Xá-lợi-phất đáp:

-Đúng là hôm nay tôi đã được nghe pháp cam lộ.

Mục-kiền-la-dạ-na nghe nói, lòng mừng vui tốt độ liền cất lời khen:

-Hay thay! Hãy nói cho tôi nghe với.

Xá-lợi-phất thuật lại:

-Hôm nay trên đường tôi gặp một vị Tỳ-kheo khoác y ôm bát vào làng khất khực. Vị ấy các căn vắng lặng an tịnh, dáng vẻ nghiêm trang, tôi vừa gặp đã sinh lòng cung kính liền đến gần hỏi theo chỗ tôi thấy thì vị ấy dường như mới xuất gia mà sao đã thu nhiếp được các căn như thế, và tôi đã hỏi Bổn sư của vị ấy là ai? Đã dạy những pháp gì? Lúc đó vị Tỳ-kheo A-xả-bà-kỳ ấy đã ung dung trả lời tôi:

-Thầy tôi đã đạt Nhất thiết chủng trí, thuộc dòng họ Cam Giá, là Thầy cả trời người, tướng tốt, trí tuệ và thần thông không ai sánh bằng. Tuổi tôi còn trẻ, học đạo còn cạn, đâu có thể nói hết diệu pháp của Thầy nhưng theo chỗ tôi hiểu xin nói cho ông nghe” rồi vị ấy nói kệ:

Cội nguồn tất cả pháp Nhân duyên sinh, vô chủ Nếu hiểu rõ điều đó sẽ đạt đạo chân thật.

Mục-kiền-la-dạ-na vừa nghe xong những lời ấy của Xá-lợi-phất cũng lập tức lìa được mọi trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Sau khi đắc pháp hai người bàn với nhau:

-Hai chúng ta đều nhờ pháp Phật mà được lợi ích lớn, nay nên cùng nhau đến chỗ Phật xin xuất gia.

Bàn tính xong, mỗi người đều gọi các đệ tử của mình đến bảo:

-Ta nay đã được vị cam lộ của Phật pháp, chỉ có giáo pháp đó mới là con đường xuất thế. Nay ta muốn đến xin Phật xuất gia, ý các người thế nào?

Các đệ tử thưa:

-Nhờ thầy mà chúng con có tri kiến, nay thầy xuất gia, chúng con cũng nguyện xin đi theo.

Khi ấy hai người và hai trăm đệ tử cùng nhau thẳng đến vườn Trúc. Vừa bước vào cửa, thấy thân tướng Như Lai vô vàn tốt đẹp, trang nghiêm, chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh, lòng hai

người rất vui mừng, toàn thân phấn chấn. Đức Thế Tôn thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-la-dạ-na cùng các đệ tử đến liền nói với các Tỳ-kheo:

-Các thầy nên biết, hai vị kia đưa các đệ tử đến nơi này để xin xuất gia. Một vị tên là Xá-lợi-phất, một vị tên là Mục-kiền-la-dạ-na, họ sẽ là đệ tử hàng đầu trong pháp của Ta. Xá-lợi-phất là vị đứng đầu về Trí tuệ, Mục-kiền-la-dạ-na là vị đứng đầu về Thần thông.

Sau khi đến trước Phật, hai người liền cúi đầu sát đất lạy Đức Phật và thưa:

-Chúng con đã thấy được chân lý trong giáo pháp của Phật nên ham muốn xuất gia. Cúi xin Thế Tôn chấp thuận.

Đức Thế Tôn nói lớn:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc của hai người tự rụng, khoác y cà-sa, trở thành Sa-môn. Lúc đó hai trăm người đệ tử thấy thầy mình đã thành Sa-môn bèn thưa với Phật:

-Chúng con cũng muốn xuất gia theo thầy, xin Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận.

Đức Thế Tôn lại xưng:

-Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc họ cũng tự rụng, y cà-sa, thành Sa-môn. Lúc ấy Đức Phật bèn giảng dạy chi tiết pháp Tứ đế cho Xá-lợi-phất và Mục-kiền-la-dạ-na. Sau thời pháp, cả hai vị ấy đều đắc quả A-la-hán. Phật cũng giảng pháp Tứ đế cho hai trăm vị tân Tỳ-kheo khiến họ lia được trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh rồi tu tập dần dần đều đạt quả A-la-hán. Thuở ấy Đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đều là bậc Đại A-la-hán ở nước Ma-kiệt-đề đem lại lợi ích lớn cho chúng sinh. Trong chúng Tỳ-kheo có nhiều vị mang tên Mục-kiền-la-dạ-na nên Thế Tôn đã đổi tên của Tôn giả Mục-kiền-la-dạ-na thành Đại Mục-kiền-la-dạ-na.

Bấy giờ tại nước Thâu-la-quyết-xoa có một vị Bà-la-môn tên là Ca-diếp có ba mươi hai tướng tốt, thông minh trí tuệ, thường tụng đọc bốn bộ kinh Vệ-đà, hầu hết kinh luận Bà-la-môn không kinh nào không thông suốt. Nhà vị ấy lại rất giàu, thường hay bố thí, người vợ rất đoan chính, cả nước không ai bằng. Hai vợ chồng tự nhiên không có ý dục, đêm không ngủ cùng phòng. Do đã nhiều đời luôn trồng thiện căn nên vị ấy không vui thích với đời sống gia đình hưởng thụ thú vui năm dục, ngày đêm luôn luôn suy nghĩ muốn lìa bỏ đời sống thế tục, hết lòng cầu tìm phương pháp xuất gia. Suy tầm mãi không được, vị ấy liền bỏ hết việc nhà đi vào rừng, tâm nghĩ miệng nói:

-Chư Phật Như Lai đã xuất gia tu hành, nay ta cũng theo Phật xuất gia.

Vị ấy liền cởi bỏ hết y phục bằng gấm lụa trị giá ngàn lượng vàng mà tự cạo bỏ râu tóc, mặc y bá nạp hoại sắc.

Bấy giờ trong không trung, chư Thiên thấy Ca-diếp đã tự xuất gia liền nói:

-Này thiện nam tử, con vua Bạch Tịnh thuộc dòng họ Cam Giá tên là Tát-bà Tát-đạt xuất gia tu tập đã thành Bậc Nhất Thiết Chúng Trí. Cả thế gian tôn xưng Ngài là Thích-ca Mâu-ni Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị A-la-hán hiện đang ở tại vườn Trúc thuộc thành Vương xá.

Ca-diếp vừa nghe lời chư Thiên nói xong, lòng vui mừng phấn chấn, toàn thân nổi gai, vội vàng đi đến tinh xá Trúc viên. Lúc đó Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đang tới nên suy nghĩ: “Vị ấy

vốn có căn lành, Ta nên đến độ cho ông ta”. Nghĩ xong, Thế Tôn liền đi ngược đường về xứ Đâu-bà gặp Ca-diếp trên đường. Khi ấy Ca-diếp đang đi bỗng thấy một vị dáng tôn kính, có tướng tốt chói sáng, oai nghi đặc biệt liền chấp tay thưa:

-Thế Tôn đúng là Bạc Nhất Thiết Chúng Trí, đúng là Bạc Từ Bi, là Đấng cứu độ chúng sinh, là nơi để mọi người quy ngưỡng.

Nói xong Ca-diếp liền cúi năm vóc sát đất lạy xuống, đầu mặt trên chân Phật, thưa tiếp:

-Bạch Thế Tôn, nay Ngài là Thầy của con, con là đệ tử.

Ca-diếp lập lại ba lần như thế. Phật dạy:

-Đúng thế Ca-diếp, Ta là Thầy của ông, ông là đệ tử của Ta.

Phật lại nói:

-Này Ca-diếp, ông nên biết, nếu có người không phải là Bạc Nhất Thiết Chúng Trí mà muốn nhận ông làm đệ tử thì đầu người ấy sẽ bể ra làm bảy phần.

Phật lại nói tiếp:

-Lành thay Ca-diếp! Vui thay Ca-diếp! Ông nên biết thân ngũ thọ ấm (*ngũ thú uẩn*) là nơi tập hợp những nỗi khổ lớn.

Ca-diếp vừa nghe xong lập tức ngộ được chân lý, suy tư và chứng quả A-la-hán. Khi ấy Thế Tôn và Ca-diếp trở về vườn Trúc. Vì Ca-diếp có uy đức lớn, có trí tuệ thông minh nên được tôn xưng là Đại Ca-diếp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Khi Đức Phật Phổ Quang ra đời thì Tiên nhân Thiện Tuệ đâu phải ai khác mà chính là tiên thân của Ta. Trên đường đi gặp năm trăm ngoại đạo rồi cùng nhau bàn luận mà tùy hỷ, nay chính là anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng các quyến thuộc của ông hiện đang có mặt trong đại chúng đây. Người con gái bán hoa chính là Da-du-đà-la. Khi Tiên nhân Thiện Tuệ rải tóc trên đất để Phật đi qua, có hai người quét đất và hai trăm người cùng vui vẻ làm theo chính là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-la-dạ-na cùng với hai trăm đệ tử Tỳ-kheo hiện ở trong chúng pháp này. Chư Thiên trong hư không lúc ấy thấy Tiên nhân Thiện Tuệ dùng tóc trải lên đất để Phật đi qua đều tùy hỷ khen ngợi chính là tám vạn vị Thiên vương, tám vạn na-do-tha vị quyến thuộc của vua Tần-tỳ-sa-la, và chín mươi sáu vạn na-do-tha Thiên tử có mặt khi Ta lần đầu tiên sau khi thành đạo, Chuyển pháp luân tại vườn Lộc dã.

Các ông phải biết, gây nhân trong quá khứ trải qua vô lượng kiếp, cuối cùng vẫn không mất. Ta trong quá khứ, nhiều kiếp tinh cần tu tập tất cả nghiệp lành và phát nguyện lớn, do tâm không hề thoái chuyển nên nay mới thành tựu Nhất thiết chúng trí. Vậy các ông cần phải siêng năng tu tập đạo hạnh, không nên biếng lười.

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ nhận lãnh rồi đánh lễ lui ra.

=====

Nội dung được tải về từ website Văn Hóa Phật Giáo www.Hoavouu.com.

Trên con đường Hoàng Pháp, cần sự thấu hiểu và chia sẻ để cùng nhau có được sự an lạc cho mình và cho mọi người.

Chúng tôi, khuyến khích sự giới thiệu, phổ biến nguyên tác này đến tất cả mọi người bằng hình thức phi lợi nhuận.

Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đê tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.
Hoavouu.com